

ỦY BAN TRUNG ƯƠNG
MẶT TRẬN TỔ QUỐC VIỆT NAM



TÀI LIỆU HƯỚNG DẪN
KỸ NĂNG GIÁM SÁT, PHẢN BIỆN XÃ HỘI
CỦA MẶT TRẬN TỔ QUỐC VIỆT NAM

HÀ NỘI, THÁNG 10/2023

CHỈ ĐẠO BIÊN SOẠN

Đồng chí Trương Thị Ngọc Ánh

Phó Chủ tịch Ủy ban Trung ương MTTQ Việt Nam

BAN BIÊN SOẠN

Đồng chí Nguyễn Văn Pha

Ủy viên Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương MTTQ Việt Nam

Đồng chí Ngô Sách Thực

Ủy viên Ủy ban Trung ương MTTQ Việt Nam

Đồng chí Nguyễn Quỳnh Liên

Trưởng Ban Dân chủ, Giám sát, Phản biện xã hội

Đồng chí Phạm Thị Hồng

Phó Trưởng Ban Dân chủ, Giám sát, Phản biện xã hội

Đồng chí Nguyễn Duy Khánh

Phó Trưởng Ban Dân chủ, Giám sát, Phản biện xã hội

Đồng chí Nguyễn Thị Ngân

Phó Chủ tịch Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh Quảng Ninh

Đồng chí Nguyễn Quang Minh

Chuyên viên cao cấp Ban Dân chủ, Giám sát, Phản biện xã hội

Đồng chí Phùng Thị Thuận

Chuyên viên chính Ban Dân chủ, Giám sát, Phản biện xã hội

Đồng chí Đặng Thị Kim Ngân

Chuyên viên chính Ban Dân chủ, Giám sát, Phản biện xã hội

Đồng chí Nguyễn Thị Hoa

Chuyên viên chính Ban Dân chủ, Giám sát, Phản biện xã hội

Đồng chí Phùng Thị Ngọc Yến

Chuyên viên Ban Dân chủ, Giám sát, Phản biện xã hội

LỜI GIỚI THIỆU

Giám sát, phản biện xã hội là hoạt động mang tính nhân dân, tính xã hội rộng rãi, là một trong những phương thức để góp phần kiểm soát quyền lực trong việc xây dựng, hoàn thiện và thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng, nhà nước góp phần xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh, xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân.

Sau 10 năm thực hiện các quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước về hoạt động giám sát, phản biện xã hội, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội đã triển khai nhiều nhiệm vụ quan trọng và đạt được nhiều kết quả đáng ghi nhận. Cơ sở chính trị, pháp lý của công tác giám sát, phản biện xã hội dần được hoàn thiện; nhận thức của các cấp uỷ, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội và Nhân dân về giám sát, phản biện xã hội được nâng lên. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội luôn chú trọng đổi mới nội dung, phương thức hoạt động, tăng cường đóng góp ý kiến, giám sát, phản biện xã hội, tập trung vào những vấn đề quan trọng, liên quan trực tiếp đến quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của nhân dân và dư luận xã hội quan tâm, bức xúc; khơi dậy được động lực trong nhân dân, phát huy quyền làm chủ, tăng cường sự đồng thuận của Nhân dân trong xây dựng, phát triển đất nước, xây dựng Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh, góp phần bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của đoàn viên, hội viên và Nhân dân; củng cố niềm tin của Nhân dân đối với Đảng, chính quyền, tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

Tuy nhiên, chất lượng, hiệu quả công tác giám sát, phản biện xã hội chưa đáp ứng được yêu cầu, chưa phát huy mạnh mẽ vai trò, sự tham gia của các thành viên Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và nhân dân. Việc quán triệt, phổ biến, tổ chức thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về giám sát, phản biện xã hội chưa được coi trọng đúng mức. Việc xây dựng, triển khai các chương trình, kế hoạch giám sát, phản biện xã hội có lúc, có nơi chưa chủ động, kịp thời, thiếu trọng tâm, trọng điểm, còn hình thức; các ý kiến, kiến nghị sau giám sát, phản biện xã hội chưa sâu, tính thuyết phục chưa cao; việc theo dõi, đôn đốc giải quyết kiến nghị chưa quyết liệt. Một số cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền trả lời, giải quyết các ý kiến, kiến nghị sau giám sát, phản biện xã hội chưa thực hiện nghiêm túc.

Nguyên nhân của hạn chế nêu trên một phần là do cán bộ làm công tác mặt trận còn thiếu kỹ năng, phương pháp, kiến thức chuyên môn, trình độ lý luận; chưa được thường xuyên tập huấn, bồi dưỡng; chưa thể hiện được bản lĩnh, dám nói, dám làm, dám chịu trách nhiệm; chưa có phát huy trí tuệ tốt của các chuyên gia, nhà khoa học, nhà hoạt động thực tiễn và Nhân dân trong hoạt động giám sát, phản biện xã hội; nguồn lực dành cho công tác giám sát, phản biện còn hạn chế...

Nhằm tiếp tục phát huy vai trò, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác giám sát, phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội, cụ thể là nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ, công chức làm công tác giám sát, phản biện xã hội để nắm chắc các quan điểm, quy định, hình thành kỹ năng, phương pháp triển khai hoạt động giám sát, phản biện xã hội, Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam chỉ đạo xây dựng cuốn tài liệu hướng dẫn quy trình, thủ tục kỹ năng, phương pháp giám sát, phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

Nội dung cuốn tài liệu được trình bày dễ đọc, dễ hiểu, cung cấp cho bạn đọc những kiến thức, kỹ năng cơ bản, cần thiết về giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp; một số tình huống hỏi - đáp và biểu mẫu về giám sát và phản biện xã hội.

Xin trân trọng giới thiệu cuốn tài liệu cùng bạn đọc

Hà Nội, tháng 11 năm 2023

MỤC LỤC
KỸ NĂNG TỔ CHỨC, THỰC HIỆN HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT
CỦA MẶT TRẬN TỔ QUỐC VIỆT NAM

STT	MỤC LỤC	TRANG
Phần I	CÁC CHUYÊN ĐỀ HƯỚNG DẪN KỸ NĂNG GIÁM SÁT, PHẢN BIỆN XÃ HỘI CỦA MẶT TRẬN TỔ QUỐC VIỆT NAM	
1	Kỹ năng tổ chức, thực hiện hoạt động giám sát của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;	6
2	Kỹ năng phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;	23
3	Quy trình, thủ tục, cách thức giám sát thông qua việc nghiên cứu, xem xét văn bản của cơ quan có thẩm quyền liên quan đến quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của Nhân dân;	38
4	Kỹ năng, quy trình giám sát cán bộ, đảng viên tại nơi cư trú và nơi làm việc;	46
5	Công tác tiếp công dân, xử lý đơn thư, tham gia giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân trong hệ thống Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;	59
6	Vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam trong thực hiện dân chủ ở cơ sở	72
7	Tổ chức, hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân, Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng;	93
8	Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tham gia tổ chức đối thoại giữa người đứng đầu cấp ủy, chính quyền với Nhân dân.	110
Phần II	HỎI - ĐÁP LIÊN QUAN ĐẾN CÔNG TÁC GIÁM SÁT, PHẢN BIỆN XÃ HỘI (02 chuyên đề)	118
1	Công tác giám sát.	
2	Công tác phản biện xã hội;	
Phần III	BIỂU MẪU	137
1	Biểu mẫu giám sát;	
2	Biểu mẫu phản biện xã hội;	
3	Bảng biểu số liệu	

Chuyên đề 1

KỸ NĂNG TỔ CHỨC, THỰC HIỆN HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA MẶT TRẬN TỔ QUỐC VIỆT NAM

I. MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG VỀ GIÁM SÁT CỦA MẶT TRẬN TỔ QUỐC VIỆT NAM

1. Khái niệm

Theo quy định tại Khoản 1 Điều 25 Luật MTTQ Việt Nam, giám sát của MTTQ Việt Nam là việc Ủy ban MTTQ Việt Nam các cấp trực tiếp thực hiện hoặc do các tổ chức chính trị - xã hội thực hiện việc theo dõi, xem xét, đánh giá và kiến nghị đối với hoạt động của các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong việc thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước theo đề nghị của Ủy ban MTTQ Việt Nam.

2. Mục đích

Theo quy định tại Khoản 1, Điều 2 *Quy chế giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội* và tại Khoản 2, Điều 25 *Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam năm 2015*, mục đích giám sát của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam là: Thực hiện chức năng, nhiệm vụ đại diện, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của Nhân dân; phát huy quyền làm chủ của Nhân dân, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của nhân dân, góp phần xây dựng Đảng, Nhà nước trong sạch, vững mạnh; Kịp thời phát hiện và kiến nghị xử lý sai phạm, khuyết điểm; kiến nghị sửa đổi, bổ sung chính sách, pháp luật; phát hiện, phổ biến những nhân tố mới, các điển hình tiên tiến và những mặt tích cực.

3. Tính chất giám sát

Theo quy định tại Khoản 3, Điều 2 *Quy chế giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội* và tại Khoản 2, Điều 25, *Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam năm 2015*, giám sát của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam mang tính nhân dân, tính xã hội, tính dân chủ xã hội chủ nghĩa và tính xây dựng.

4. Nguyên tắc giám sát

Theo quy định tại Điều 3, *Quy chế giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội* và tại Khoản 3, Điều 25, *Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam năm 2015*, hoạt động giám sát của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam được thực hiện theo các nguyên tắc cơ bản sau:

- Bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng, phù hợp với Hiến pháp, pháp luật, Điều lệ Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và Điều lệ các tổ chức chính trị - xã hội.
- Phát huy dân chủ, sự tham gia của nhân dân, thành viên của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

- Xuất phát từ yêu cầu, nguyện vọng của nhân dân.
- Thực hiện dân chủ, công khai, khách quan, minh bạch, mang tính xây dựng.
- Không chồng chéo, không làm cản trở hoạt động của cơ quan, tổ chức, cá nhân được giám sát.

5. Chủ thể giám sát

- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp: Chủ trì giám sát đối với các đối tượng và nội dung quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 26 Luật MTTQ Việt Nam.

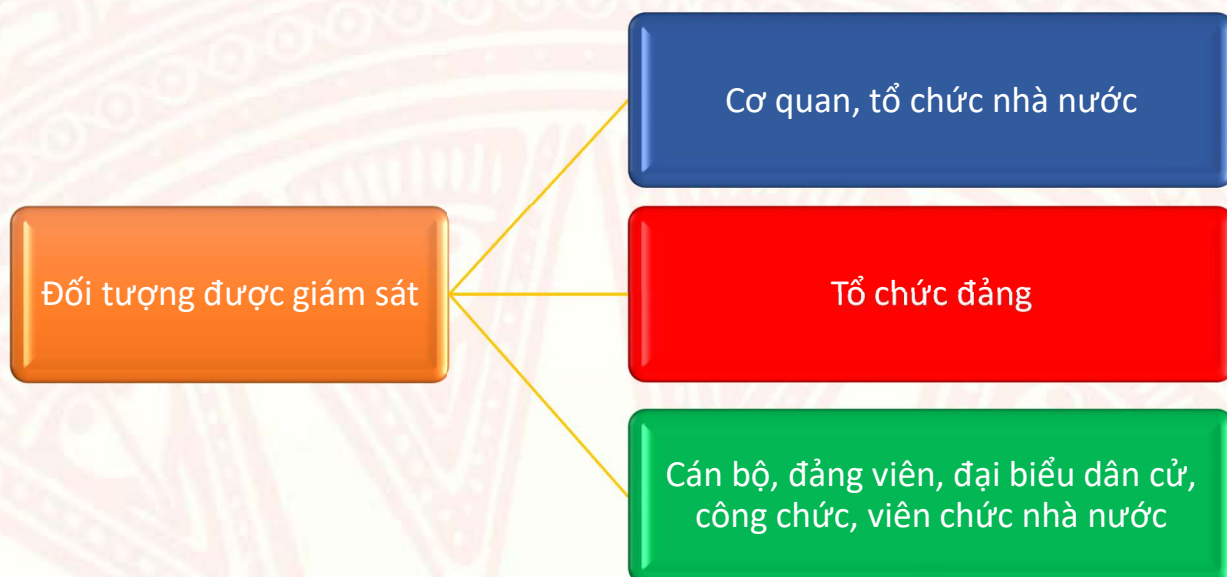
- Các tổ chức chính trị - xã hội: Chủ trì giám sát đối với các đối tượng và nội dung quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 26 Luật MTTQ Việt Nam theo đề nghị của Ủy ban MTTQ Việt Nam hoặc quy định của pháp luật.

- Các tổ chức thành viên khác của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam: Tham gia phối hợp với Ủy ban MTTQ Việt Nam cùng cấp thực hiện giám sát đối với các đối tượng và nội dung quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 26 của Luật MTTQ Việt Nam có liên quan trực tiếp đến quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của đoàn viên, hội viên, quyền và trách nhiệm của tổ chức mình.

* *Quyền và trách nhiệm của chủ thể giám sát* (Điều 28 Luật MTTQ Việt Nam):
i) Phối hợp với cơ quan, tổ chức có liên quan xây dựng chương trình, nội dung, kế hoạch giám sát; quyết định thành lập đoàn giám sát và tổ chức hoạt động giám sát theo kế hoạch hoặc khi cần thiết; *ii)* Yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân được giám sát báo cáo bằng văn bản, cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến nội dung giám sát; *iii)* Xem xét khách quan, khoa học những vấn đề liên quan đến nội dung giám sát; *iv)* Tổ chức đối thoại để làm rõ nội dung kiến nghị sau giám sát khi cần thiết hoặc theo yêu cầu của cơ quan, tổ chức, cá nhân được giám sát; *v)* Kiến nghị cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền xem xét áp dụng các biện pháp để bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của tổ chức, cá nhân; đề nghị xem xét trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm theo quy định của pháp luật; *vi)* Ban hành hoặc phối hợp với cơ quan, tổ chức liên quan ban hành văn bản về kết quả giám sát; chịu trách nhiệm về những nội dung kiến nghị sau giám sát; *vii)* Theo dõi, đôn đốc việc giải quyết kiến nghị sau giám sát; đề nghị cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền xem xét trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân không giải quyết hoặc giải quyết không đúng quy định của pháp luật; *viii)* Khen thưởng hoặc đề nghị cơ quan, tổ chức có thẩm quyền biểu dương, khen thưởng người có thành tích trong hoạt động giám sát.

6. Đối tượng và quyền, trách nhiệm của đối tượng được giám sát

6.1. Đối tượng được giám sát



6.2. Quyền và trách nhiệm của đối tượng được giám sát (Điều 29 Luật MTTQ Việt Nam)

6.2.1. Quyền của đối tượng được giám sát

- Được thông báo trước về nội dung, kế hoạch giám sát;
- Báo cáo bằng văn bản theo nội dung giám sát; cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến nội dung giám sát; báo cáo bổ sung, làm rõ những vấn đề liên quan;
- Trình bày ý kiến về các nội dung liên quan thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của mình; iv) Đề nghị xem xét lại kiến nghị sau giám sát, đối thoại để làm rõ nội dung các kiến nghị đó khi cần thiết;

6.2.2. Trách nhiệm của đối tượng được giám sát

- Tạo điều kiện để MTTQ Việt Nam thực hiện giám sát;
- Xem xét, giải quyết và trả lời những nội dung kiến nghị sau giám sát của MTTQ Việt Nam;
- Thực hiện kết luận, quyết định giải quyết của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền ban hành liên quan đến những nội dung kiến nghị giám sát của MTTQ Việt Nam.

7. Phạm vi và nội dung giám sát

- Hoạt động của Quốc hội, HĐND các cấp và các đại biểu Quốc hội, đại biểu HĐND các cấp.
- Hoạt động của các cơ quan quản lý hành chính nhà nước, các cơ quan thực hiện quyền tư pháp.
- Hoạt động công vụ của đội ngũ cán bộ, đại biểu dân cử, công chức, viên chức trong các cơ quan nhà nước.

- Việc thực hiện chính sách, pháp luật và việc tu dưỡng đạo đức, lối sống của đội ngũ cán bộ, đảng viên, đại biểu dân cử, công chức, viên chức sinh sống tại cộng đồng dân cư.

8. Hình thức giám sát của MTTQ Việt Nam: có 04 hình thức giám sát



II. KỸ NĂNG GIÁM SÁT

Kỹ năng tổ chức, thực hiện hoạt động giám sát của Mặt trận Tổ quốc (MTTQ) Việt Nam được hiểu là khả năng của các cơ quan, tổ chức và cá nhân trong việc vận dụng những kiến thức, hiểu biết và năng lực của mình để tổ chức, thực hiện các hoạt động giám sát của MTTQ Việt Nam. Kỹ năng giám sát của MTTQ Việt Nam được thể hiện qua các kỹ năng cụ thể trong quá trình tổ chức, thực hiện hoạt động giám sát, từ khâu xác định vấn đề cần giám sát; xác định và thực hiện hình thức, quy trình, thủ tục tiến hành giám sát; cách thức xây dựng Báo cáo kết quả giám sát, văn bản kiến nghị sau giám sát và việc theo dõi, đôn đốc xử lý, thực hiện kiến nghị sau giám sát...

1. Xác định vấn đề cần giám sát

1.1. Căn cứ xác định

- Chủ trương, đường lối của Đảng, Nghị quyết của cấp ủy; chính sách, pháp luật của Nhà nước.
- Chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế, xã hội của Nhà nước, chính quyền địa phương cùng cấp.
- Chức năng, nhiệm vụ của cơ quan, tổ chức thực hiện hoạt động giám sát.

- Chương trình phối hợp và thống nhất hành động cả nhiệm kỳ, hằng năm và Chương trình, kế hoạch giám sát hằng năm của Ủy ban MTTQ Việt Nam cấp tổ chức giám sát.

- Chương trình phối hợp công tác (chung) hoặc chương trình phối hợp giám sát giữa Ủy ban MTTQ Việt Nam với các tổ chức thành viên của Mặt trận và cơ quan nhà nước cùng cấp.

- Kiến nghị của thành viên của MTTQ Việt Nam (gồm các tổ chức và các cá nhân là thành viên Mặt trận);

- Đơn, thư khiếu nại, tố cáo, phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức do Ủy ban MTTQ Việt Nam tiếp nhận;

- Thông tin phản ánh trên các phương tiện thông tin đại chúng, dư luận xã hội.

- Chương trình, kế hoạch hoạt động của các cơ quan, tổ chức được giám sát.

1.2. Lựa chọn vấn đề giám sát

- Tập trung vào những vấn đề quan trọng, liên quan trực tiếp đến quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của nhân dân; tổ chức bộ máy nhà nước, hoạt động quản lý nhà nước về những lĩnh vực liên quan trực tiếp đến đời sống Nhân dân, quyền và lợi ích cơ bản của công dân, tổ chức, doanh nghiệp; công tác cán bộ; Hoạt động công vụ của cán bộ, đảng viên, đại biểu dân cử, công chức, viên chức và những vấn đề nổi cộm, được dư luận xã hội đặc biệt quan tâm, bức xúc.

- Vấn đề được giám sát phải phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền và năng lực, điều kiện thực hiện của cơ quan, tổ chức thực hiện giám sát (như: chỉ giám sát đối với cơ quan, tổ chức đảng, nhà nước **ngang cấp hoặc cấp dưới**; không giám sát đối với cơ quan, tổ chức ở cấp hành chính cao hơn).

- Tham khảo nội dung, chương trình giám sát, thanh tra, kiểm tra của các cơ quan, tổ chức đảng, nhà nước để lựa chọn không bị trùng lặp, chồng chéo về nội dung, đối tượng, địa bàn giám sát.

- Riêng đối với việc xác định văn bản cần xem xét, nghiên cứu, chú ý thêm:

+ Văn bản được xem xét, nghiên cứu gồm: Văn bản quy phạm pháp luật; Quyết định hành chính; Bản án, quyết định, kết luận, cáo trạng trong hoạt động tố tụng; Các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình kinh tế - xã hội, dự án, đề án của cơ quan nhà nước... liên quan đến quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của Nhân dân.

+ Cần chú ý thời điểm, thời gian giám sát đối với những văn bản có thời hiệu, thời hạn (như bản án, quyết định của Tòa án; Quyết định xử phạt hành chính của cơ quan quản lý...).

2. Xây dựng kế hoạch giám sát

2.1. Nội dung kế hoạch

Xác định rõ mục đích, yêu cầu, nội dung, hình thức, thời gian, chủ thể tiến hành và đối tượng được giám sát trong năm kế hoạch.

Kế hoạch giám sát cần xác định rõ nội dung giám sát do Ủy ban MTTQ chủ trì, nội dung do từng tổ chức chính trị - xã hội chủ trì, các cơ quan, tổ chức tham gia giám sát.

Khi cần thiết, kế hoạch giám sát có thể điều chỉnh hoặc bổ sung theo sự thống nhất của các tổ chức phối hợp giám sát, tùy theo điều kiện thực tế và thời gian tổ chức thực hiện.

2.2. Cách thức xây dựng kế hoạch

Thực hiện theo quy định tại Điều 3 của Nghị quyết liên tịch số 403/2017/NQLT-UBTVQH14-CP-ĐCT UBTWMTTQVN ngày 15/6/2017 giữa Ủy ban Thường vụ Quốc hội với Chính phủ, Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương MTTQ Việt Nam quy định chi tiết các hình thức giám sát, phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam..

- Ngay từ tháng đầu Quý IV hằng năm, Ban Thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam chủ trì hiệp thương thống nhất với các tổ chức chính trị - xã hội cùng cấp để xác định, lựa chọn những vấn đề cần giám sát, các hình thức giám sát, quy mô, phạm vi, thời gian tổ chức... phù hợp với từng nội dung giám sát để xây dựng Dự thảo kế hoạch giám sát của năm sau. Việc hiệp thương có thể thực hiện thông qua hình thức hội nghị hoặc gửi văn bản lấy ý kiến hiệp thương.

Để việc hiệp thương đạt mục đích, công tác chuẩn bị tài liệu, dự kiến nội dung hiệp thương cần thực hiện kỹ, có sự trao đổi, thảo luận và thống nhất ở cấp tham mưu giữa đơn vị đầu mối tham mưu giúp việc Ban Thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam và các đơn vị đầu mối tham mưu giúp việc của các tổ chức chính trị - xã hội và các tổ chức thành viên khác có liên quan (nếu có nội dung, yêu cầu cần tham gia).

- Trên cơ sở dự thảo kế hoạch giám sát hằng năm đã được hiệp thương với các tổ chức chính trị - xã hội, Ủy ban MTTQ Việt Nam trao đổi, thống nhất với các cơ quan hữu quan cùng cấp về dự thảo kế hoạch giám sát.

+ Ở Trung ương: Gửi dự thảo kế hoạch giám sát để trao đổi, thống nhất với Ủy ban thường vụ Quốc hội, Chính phủ.

+ Ở cấp tỉnh: Gửi dự thảo kế hoạch giám sát để trao đổi, thống nhất với Đoàn đại biểu Quốc hội, Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cùng cấp và gửi Ban Thường vụ tỉnh ủy, thành ủy cho ý kiến.

+ Ở cấp huyện, cấp xã, dự thảo kế hoạch giám sát có sự trao đổi, thống nhất với Hội đồng nhân dân (Thường trực Hội đồng nhân dân) và Ủy ban nhân dân cùng cấp và gửi Ban Thường vụ cấp ủy cùng cấp cho ý kiến.

Việc trao đổi, thống nhất với các cơ quan có thể bằng hình thức tổ chức hội nghị hoặc gửi văn bản dự thảo kế hoạch lấy ý kiến. Ngoài việc tổ chức hội nghị hoặc gửi dự thảo kế hoạch giám sát, đơn vị đầu mối tham mưu giúp việc Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp có thể mời đại diện các đơn vị tham mưu, giúp việc có liên quan của các cơ quan này đến để trao đổi, góp ý về dự thảo kế hoạch và báo cáo lại lãnh đạo các cơ quan để có ý kiến trả lời bằng văn bản hoặc chủ động gửi dự thảo kế hoạch để các cơ quan này góp ý kiến lại.

Sau khi đã trao đổi, thống nhất ý kiến tại hội nghị hoặc khi có ý kiến (bằng văn bản) của các cơ quan và ý kiến của Ban Thường vụ cấp ủy, đơn vị đầu mối tham mưu giúp Ban Thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam hoàn thiện dự thảo kế hoạch, trình cấp có thẩm quyền ký ban hành. Trường hợp cần thiết, có thể trao đổi, thống nhất với các tổ chức chính trị - xã hội và các tổ chức thành viên khác (nếu có) về các sửa đổi, bổ sung mới trong Kế hoạch trước khi ký ban hành.

Thời điểm ký ban hành kế hoạch giám sát hằng năm nên tính toán sao cho phù hợp, thuận lợi cho việc xây dựng kế hoạch hoạt động (chung) của các cơ quan, tổ chức và việc dự trù, quyết định về kinh phí thực hiện theo quy định của pháp luật và điều kiện cụ thể của từng cơ quan, tổ chức, địa phương.

(Kế hoạch giám sát được thực hiện theo Biểu mẫu số 01/KH-MT kèm theo. Kế hoạch giám sát, kế hoạch phản biện xã hội có thể được xây dựng chung hoặc riêng).

3. Quy trình và kỹ năng thực hiện hoạt động giám sát

3.1. Giám sát bằng hình thức nghiên cứu, xem xét văn bản (giám sát văn bản)

Ban Thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam hoặc lãnh đạo các tổ chức chính trị - xã hội phân công các đơn vị và cá nhân thuộc cơ quan, tổ chức mình thường xuyên theo dõi, nghiên cứu, xem xét các văn bản do các cơ quan có thẩm quyền cùng cấp ban hành có nội dung liên quan đến quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của Nhân dân, của đoàn viên, hội viên. Nếu phát hiện có dấu hiệu vi phạm pháp luật, gây thiệt hại đến quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của Nhân dân, của đoàn viên, hội viên thì ban, đơn vị, cá nhân được phân công báo cáo, đề xuất Ban Thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam hoặc lãnh đạo các tổ chức chính trị - xã hội quyết định việc giám sát văn bản đó; xây dựng kế hoạch giám sát trình Ban Thường trực ban hành.

****Bước 1: Xác định những vấn đề trọng tâm của văn bản cần nghiên cứu, xem xét***

- Ban Thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam các cấp phân công một đồng chí lãnh đạo phụ trách trực tiếp chỉ đạo ban, đơn vị chuyên môn, cá nhân tham mưu nghiên cứu và đề xuất các vấn đề của văn bản cần tập trung nghiên cứu, xem xét.

Trường hợp cần thiết, Ban Thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam các cấp tổ chức hội nghị hoặc gửi lấy ý kiến tham vấn của các chuyên gia, nhà khoa học hoặc tổ chức hoạt động khảo sát để thu thập thông tin, xem xét, nghiên cứu tác động của văn bản đối với các đối tượng chịu sự điều chỉnh của văn bản.

*** Bước 2: Nghiên cứu, xem xét văn bản được giám sát**

Tùy điều kiện, có thể lựa chọn theo một trong hai cách thức sau:

a) *Hội nghị nghiên cứu, xem xét văn bản*: thực hiện theo trình tự cơ bản sau:

- Đại diện Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam trình bày ý kiến về văn bản.
- Đại diện cơ quan, tổ chức có văn bản được giám sát trình bày ý kiến.
- Đại diện cơ quan, tổ chức, cá nhân được mời tham dự hội nghị phát biểu ý kiến.
- Chủ trì hội nghị kết luận cuộc họp.

b) *Gửi văn bản lấy ý kiến tham vấn của các chuyên gia, nhà khoa học*: Thực hiện theo trình tự cơ bản sau:

- Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam gửi văn bản được giám sát và công văn đề nghị nghiên cứu, đánh giá về những vấn đề của văn bản cần tham gia ý kiến đến các chuyên gia, nhà khoa học trong các lĩnh vực liên quan đến nội dung của văn bản được giám sát.

- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tập hợp, tổng hợp ý kiến đóng góp và xây dựng văn bản kiến nghị đối với nội dung của văn bản được giám sát.

Trong quá trình nghiên cứu, xem xét văn bản, Ban Thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam các cấp có thể yêu cầu cơ quan, tổ chức chủ trì xây dựng, ban hành văn bản trao đổi, có báo cáo, giải trình, cung cấp thông tin, tài liệu về những vấn đề liên quan đến nội dung của văn bản được giám sát; tổ chức khảo sát việc thực hiện văn bản; tổ chức hội thảo, tọa đàm lấy ý kiến của chuyên gia, nhà quản lý và tổ chức, cá nhân là đối tượng chịu sự tác động của văn bản.

*** Bước 3: Xây dựng báo cáo giám sát và văn bản kiến nghị**

- Sau khi đã hoàn thành các bước nghiên cứu, xem xét văn bản, đơn vị đầu mối tham mưu giúp việc Ban Thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam xây dựng Dự thảo Báo cáo kết quả giám sát và dự thảo văn bản kiến nghị sau giám sát (nếu qua giám sát phát hiện có những vấn đề cần kiến nghị) trình Ban Thường trực xem xét, cho ý kiến, thông qua báo cáo, văn bản kiến nghị, ký ban hành và gửi các cơ quan, tổ chức có liên quan. Trường hợp cuộc giám sát do Đoàn Chủ tịch Ủy ban trung ương MTTQ Việt Nam chủ trì thực hiện (ở Trung ương) thì Ban Thường trực trình báo cáo và dự thảo văn bản kiến nghị để Đoàn Chủ tịch xem xét.

- Khi phát hiện văn bản được giám sát chưa phù hợp với Hiến pháp hoặc có dấu hiệu vi phạm pháp luật, chưa phù hợp với thực tiễn đời sống, gây thiệt hại đến lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của nhân dân, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam chủ trì giám sát ban hành hoặc trình Đoàn Chủ tịch xem xét, ban hành (trường hợp cuộc giám sát do Đoàn Chủ tịch Ủy ban trung ương MTTQ Việt Nam chủ trì thực hiện) có văn bản kiến nghị gửi cơ quan có thẩm quyền

xem xét giải quyết hoặc kiến nghị sửa đổi, bổ sung hoặc đình chỉ thi hành; tùy tính chất, mức độ thiệt hại, kiến nghị cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền xử lý cơ quan, cá nhân đã ban hành văn bản được giám sát.

Văn bản kiến nghị phải chỉ rõ những vấn đề của văn bản được giám sát chưa phù hợp với Hiến pháp hoặc có dấu hiệu vi phạm pháp luật, chưa phù hợp với thực tiễn đời sống, gây thiệt hại đến lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của Nhân dân, kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xem xét giải quyết, sửa đổi, bổ sung hoặc đình chỉ thi hành (*Văn bản kiến nghị được xây dựng theo Biểu mẫu số 02/MT kèm theo*).

- Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, lãnh đạo các tổ chức chính trị - xã hội gửi văn bản kiến nghị sau giám sát đến cơ quan có thẩm quyền.

Tại văn bản gửi cơ quan, tổ chức có văn bản được giám sát nên có xác định thời hạn yêu cầu trả lời (*nên khoảng 15 ngày, kể từ ngày cơ quan, tổ chức có văn bản được giám sát nhận được văn bản*).

3.2. Giám sát bằng hình thức tổ chức đoàn giám sát

*** Bước 1: Xây dựng kế hoạch giám sát**

- *Xây dựng và ban hành kế hoạch giám sát:* Ủy ban MTTQ Việt Nam chủ trì xây dựng kế hoạch tổ chức đoàn giám sát; các tổ chức chính trị - xã hội chủ trì xây dựng kế hoạch tổ chức đoàn giám sát theo đề nghị của Ủy ban MTTQ Việt Nam cùng cấp.

Trước khi ban hành kế hoạch giám sát, đơn vị tham mưu giúp việc Ban Thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam cần tiến hành thu thập, tổng hợp và nghiên cứu các thông tin, tài liệu có liên quan đến nội dung giám sát; ý kiến, kiến nghị của nhân dân về nội dung giám sát; thông tin về nội dung giám sát trên các phương tiện truyền thông; báo cáo của các cơ quan chức năng... để làm cơ sở xác định nội dung kế hoạch cho sát với tình hình thực tế.

Nội dung kế hoạch tổ chức đoàn giám sát thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 6 của Nghị quyết liên tịch số 403/2017/NQLT-UBTVQH14-CP-ĐCT UBTVMTTQVN.

Căn cứ đối tượng, nội dung, phạm vi giám sát, Ban Thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam chủ trì giám sát quyết định việc mời đại diện cơ quan, tổ chức liên quan tham gia đoàn giám sát; gửi giấy mời (công văn đề nghị cử người tham gia) đến cơ quan, tổ chức tham gia (*Kế hoạch tổ chức đoàn giám sát được xây dựng theo Biểu mẫu số 03/KH-MT; Đề cương đoàn giám sát được thực hiện theo biểu mẫu 04/GS-MT kèm theo*).

*** Bước 2: Ban hành và thông báo quyết định thành lập đoàn giám sát**

- Căn cứ kế hoạch giám sát, văn bản cử người tham gia đoàn giám sát của các cơ quan, tổ chức, Ban Thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam ban hành quyết định thành lập đoàn giám sát.

- Trưởng đoàn giám sát thông báo kế hoạch; tổ chức việc thu thập thông tin có liên quan đến nội dung giám sát; gửi báo cáo của cơ quan, tổ chức, cá nhân được giám sát và các tài liệu có liên quan đến thành viên đoàn giám sát để nghiên cứu và tổ chức việc nghiên cứu (nếu cần thiết).

Kế hoạch giám sát, quyết định thành lập đoàn giám sát, nội dung yêu cầu báo cáo được gửi đến cơ quan, tổ chức, cá nhân được giám sát chậm nhất là 15 ngày trước ngày đoàn giám sát làm việc với cơ quan, tổ chức, cá nhân đó.

Chậm nhất là 07 ngày trước ngày đoàn giám sát làm việc, cơ quan, tổ chức, cá nhân được giám sát phải gửi báo cáo, thông tin, tài liệu có liên quan đến đoàn giám sát.

*** Bước 3: Làm việc với các cơ quan, tổ chức, cá nhân được giám sát**

Trình tự, thủ tục đoàn giám sát làm việc với cơ quan, tổ chức, cá nhân được giám sát thực hiện theo quy định tại Điều 8 của Nghị quyết liên tịch số 403/2017/NQLT-UBTVQH14-CP-ĐCT UBTWMTTQVN, cụ thể như sau:

- Trưởng đoàn giám sát thông báo kế hoạch, quyết định thành lập đoàn giám sát; nêu mục đích, yêu cầu, nội dung, phương thức và chương trình làm việc của đoàn giám sát.

- Người đứng đầu hoặc cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, cá nhân được giám sát báo cáo về những nội dung theo yêu cầu của đoàn giám sát.

- Các thành viên đoàn giám sát phát biểu ý kiến và có thể yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân được giám sát giải trình, cung cấp thêm thông tin, tài liệu có liên quan để làm rõ nội dung giám sát.

- Đại diện cơ quan, tổ chức, cá nhân được giám sát báo cáo bổ sung, giải trình làm rõ ý kiến của các thành viên đoàn giám sát, nêu kiến nghị với đoàn giám sát (nếu có).

- Trưởng đoàn giám sát kết luận cuộc làm việc (đợt giám sát).

(Chương trình làm việc được xây dựng theo Biểu mẫu số 05/GS-MT kèm theo).

- Trong quá trình giám sát, nếu cần thiết, đoàn giám sát tiến hành khảo sát thực tế tại cơ quan, tổ chức có liên quan; gặp, trao đổi thông tin với những người có liên quan. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm tạo điều kiện để đoàn giám sát thực hiện nhiệm vụ.

Trường hợp phát hiện có hành vi vi phạm pháp luật, gây thiệt hại đến lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của cơ quan, tổ chức, cá nhân, đoàn giám sát có văn bản kiến nghị cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan áp dụng các biện pháp cần thiết, kịp thời để bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của cơ quan, tổ chức, cá nhân.

*** Bước 4: Báo cáo kết quả giám sát và kiến nghị sau giám sát**

Kết thúc làm việc với cơ quan, tổ chức, đơn vị được giám sát, Trưởng đoàn giám sát chỉ đạo việc xây dựng dự thảo Báo cáo kết quả giám sát và dự thảo văn bản kiến nghị sau giám sát (phân công thành viên dự thảo báo cáo, văn bản kiến nghị; họp lấy ý kiến hoặc gửi xin ý kiến thành viên đoàn giám sát); trường hợp cần thiết có thể gửi lấy ý kiến cơ quan, tổ chức, cá nhân được giám sát.

Chậm nhất là sau 15 ngày kể từ ngày kết thúc làm việc với cơ quan, tổ chức, đơn vị được giám sát, Trưởng đoàn giám sát phải ký báo cáo (kèm theo dự thảo văn bản kiến nghị) gửi Ban Thường trực hoặc Đoàn Chủ tịch (nếu Đoàn Chủ tịch chủ trì giám sát).

Khi cần thiết, cơ quan chủ trì giám sát tổ chức hội nghị, hội thảo để xem xét báo cáo kết quả giám sát, kiến nghị giám sát (*Báo cáo kết quả giám sát được xây dựng theo Biểu mẫu số 06./BC-MT kèm theo*).

Căn cứ kết quả giám sát, cơ quan chủ trì giám sát kết luận về nội dung giám sát và ban hành báo cáo giám sát, văn bản kiến nghị gửi cơ quan, tổ chức được giám sát, cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền, đồng thời gửi Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp trên trực tiếp. (*Văn bản kiến nghị giám sát được thực hiện theo Biểu mẫu số 02 /MT kèm theo*).

3.3. Giám sát thông qua hoạt động của Ban thanh tra nhân dân được thành lập ở cấp xã, Ban giám sát đầu tư của cộng đồng

Hình thức giám sát thông qua hoạt động của Ban thanh tra nhân dân, Ban giám sát đầu tư của cộng đồng là hình thức giám sát đặc thù riêng của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc cấp xã. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc các cấp khác không sử dụng hình thức giám sát này.

Hình thức giám sát thông qua hoạt động của Ban thanh tra nhân dân, Ban giám sát đầu tư của cộng đồng thực hiện theo quy định tại Điều 10, Điều 11 của Nghị quyết liên tịch số 403/2017/NQLT-UBTVQH14-CP-ĐCTU BTWMTTQVN ngày 15/6/2017 quy định chi tiết các hình thức giám sát, phân biện xã hội.

3.3.1. Giám sát thông qua hoạt động của Ban thanh tra nhân dân

**** Bước 1: Xây dựng kế hoạch giám sát hằng năm và kế hoạch giám sát từng vụ việc***

- Hằng năm, Ban Thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam cấp xã chỉ đạo, hướng dẫn Ban thanh tra nhân dân xây dựng chương trình, kế hoạch giám sát hằng năm.

Đối với kế hoạch giám sát từng vụ việc, chậm nhất là 5 ngày trước khi tiến hành cuộc giám sát, Ban thanh tra nhân dân phải có kế hoạch gửi Ban Thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam cấp xã và Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã. Kế hoạch phải nêu rõ nội dung, thời gian, địa điểm giám sát; thành viên tham gia cuộc giám sát; kinh phí và điều kiện bảo đảm cho việc giám sát.

Kế hoạch giám sát hằng năm và kế hoạch giám sát từng vụ việc có thể được điều chỉnh, bổ sung về nội dung, lĩnh vực, địa bàn và thời gian thực hiện phù hợp với yêu cầu, tình hình thực tế hoặc khi có vấn đề phát sinh đột xuất.

*** Bước 2: Tiến hành giám sát**

- Thu thập thông tin:

+ Các văn bản quy phạm pháp luật liên quan; các thông tin; tài liệu đã được công khai;

+ Thông tin, tài liệu, ý kiến trả lời của cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền; ý kiến phản ánh, kiến nghị của nhân dân;

+ Đề nghị Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, các cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp thông tin, tài liệu theo quy định của pháp luật.

- Theo dõi, kiểm tra, phát hiện vi phạm và kiến nghị xử lý:

+ Trên cơ sở tổng hợp, phân tích, xử lý thông tin, tài liệu đã thu thập được, Ban Thanh tra nhân dân so sánh, đối chiếu tình hình thực tế với quy định của pháp luật hiện hành để phát hiện những mâu thuẫn, bất hợp lý, những hành vi vi phạm; tổng hợp, báo cáo cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền xem xét, xử lý theo quy định của pháp luật.

+ Trường hợp phát hiện cơ quan, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm ở xã, phường, thị trấn xâm phạm quyền làm chủ của nhân dân và có dấu hiệu tham nhũng, lãng phí, sử dụng sai mục đích tài sản nhà nước, ngân sách nhà nước và các khoản đóng góp của nhân dân; thực hiện chương trình, dự án, quản lý và sử dụng đất đai trái với các quy định của pháp luật và các hành vi vi phạm pháp luật khác thuộc phạm vi giám sát, thì Ban thanh tra nhân dân kiến nghị Chủ tịch Hội đồng nhân dân hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền khác xem xét, giải quyết; đồng thời, báo cáo với Ủy ban MTTQ Việt Nam cấp xã.

*** Bước 3: Thông báo kết quả xem xét, giải quyết của cơ quan có thẩm quyền đến nhân dân và theo dõi việc chấp hành của các đối tượng chịu sự giám sát.**

- Ban thanh tra nhân dân theo dõi việc giải quyết các kiến nghị của các cấp có thẩm quyền. Sau khi có kết quả xử lý kiến nghị, Ban thanh tra nhân dân sẽ thông báo kết quả xem xét, giải quyết của các cơ quan đến nhân dân; đồng thời, theo dõi việc chấp hành các biện pháp xử lý của các đối tượng có liên quan.

- Kiến nghị trực tiếp hoặc thông qua Ban Thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam cấp xã kiến nghị với Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp hoặc cơ quan, tổ chức có thẩm quyền xem xét, giải quyết các vấn đề liên quan đến nội dung giám sát và giám sát việc giải quyết kiến nghị đó.

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được kiến nghị, cơ quan, tổ chức, đơn vị, chính quyền xã, phường, thị trấn có trách nhiệm xem xét, giải quyết và thông báo kết quả giải quyết cho Ban thanh tra nhân dân.

Trường hợp kiến nghị không được xem xét, giải quyết hoặc thực hiện không đầy đủ thì Ban thanh tra nhân dân có quyền kiến nghị Chủ tịch Hội đồng nhân dân hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh hoặc cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền khác xem xét, giải quyết, xử lý trách nhiệm.

- Ủy ban MTTQ Việt Nam cấp xã định kỳ nghe báo cáo về hoạt động của Ban thanh tra nhân dân; xác nhận văn bản phản ánh, biên bản, kiến nghị của Ban thanh tra nhân dân trước khi gửi các cơ quan có thẩm quyền; xem xét, giải quyết và đôn đốc việc giải quyết kịp thời kiến nghị của Ban thanh tra nhân dân; động viên nhân dân ủng hộ, tham gia các hoạt động của Ban thanh tra nhân dân.

3.3.2. Giám sát thông qua hoạt động của Ban giám sát đầu tư của cộng đồng

- Mặt trận Tổ quốc Việt Nam chủ trì, phối hợp với các tổ chức chính trị - xã hội và các cơ quan liên quan xây dựng chương trình, kế hoạch giám sát đầu tư của cộng đồng đối với chương trình, dự án hàng năm trên địa bàn; đồng thời, thông báo cho chủ chương trình, chủ đầu tư và Ban quản lý chương trình, dự án về kế hoạch giám sát và thành phần Ban giám sát đầu tư của cộng đồng chậm nhất 45 ngày trước khi thực hiện.

- Ban giám sát đầu tư của cộng đồng trực tiếp thu thập các thông tin, tài liệu liên quan đến chương trình, dự án; tổ chức theo dõi, giám sát việc thực hiện đầu tư, vận hành các dự án đầu tư ở cộng đồng dân cư.

- Ban giám sát đầu tư của cộng đồng phát hiện những việc làm xâm hại đến lợi ích của cộng đồng; những tác động tiêu cực của dự án đến môi trường sinh sống của cộng đồng trong quá trình thực hiện đầu tư và vận hành dự án; những việc làm gây lãng phí, thất thoát vốn, tài sản thuộc dự án..

- Ủy ban MTTQ Việt Nam cấp xã xác nhận các văn bản phản ánh, kiến nghị của Ban giám sát đầu tư của cộng đồng trước khi gửi các cơ quan có thẩm quyền.

- Ủy ban MTTQ Việt Nam cấp xã phản ánh với các cơ quan nhà nước về kết quả giám sát đầu tư của cộng đồng và kiến nghị biện pháp xử lý.

3.4. Giám sát bằng hình thức tham gia giám sát với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền

3.4.1. Các trường hợp

- Việc Ủy ban MTTQ Việt Nam tham gia các hoạt động giám sát do các cơ quan, tổ chức đảng, nhà nước chủ trì tổ chức thực hiện căn cứ vào quy định của Đảng, Nhà nước và các quy chế, chương trình, kế hoạch phối hợp và sự thống nhất giữa các cơ quan.

- Khi được cơ quan, tổ chức có thẩm quyền mời tham gia giám sát, Ủy ban MTTQ Việt Nam cử đại diện tham gia đoàn giám sát.

- Ủy ban MTTQ Việt Nam có thể chủ động đề nghị tham gia các hoạt động giám sát ngoài các chương trình, kế hoạch phối hợp giám sát với các cơ quan, tổ chức trong trường hợp đối tượng, nội dung giám sát liên quan trực tiếp đến quyền, trách nhiệm của MTTQ Việt Nam, quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của Nhân dân.

3.4.2. Quy trình và kỹ năng

- Đại diện Ủy ban MTTQ Việt Nam được cử tham gia giám sát có quyền và trách nhiệm tham gia xây dựng và thực hiện chương trình, kế hoạch, nội dung giám sát theo đề nghị của cơ quan, tổ chức chủ trì giám sát.

- Trong quá trình tham gia giám sát, đại diện Ủy ban MTTQ Việt Nam có trách nhiệm và cần chủ động nghiên cứu báo cáo của cơ quan, tổ chức, cá nhân được giám sát, thu thập và tìm hiểu thêm các thông tin có liên quan từ các nguồn khác nhau; chuẩn bị ý kiến về nội dung giám sát và tham gia xây dựng, hoàn thiện báo cáo kết quả giám sát.

Trong quá trình tham gia giám sát, nếu phát hiện vi phạm hoặc có dấu hiệu vi phạm pháp luật, thì đại diện Ủy ban MTTQ Việt Nam có trách nhiệm đề nghị Trưởng đoàn giám sát kiến nghị cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền có biện pháp xử lý kịp thời.

Trường hợp phát hiện có vấn đề vi phạm hoặc chưa phù hợp với chính sách, pháp luật mà cơ quan chủ trì giám sát không kiến nghị việc khắc phục, xử lý vi phạm thì người được cử tham gia đoàn giám sát có trách nhiệm báo cáo với lãnh đạo cơ quan, tổ chức mình để xem xét, kiến nghị theo quy định của pháp luật.

4. Theo dõi, đôn đốc việc thực hiện kiến nghị giám sát

4.1. Ban Thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam chủ trì giám sát phân công lãnh đạo và đơn vị tham mưu giúp Ban Thường trực theo dõi, đôn đốc việc thực hiện các kiến nghị sau giám sát (Thường là lãnh đạo và đơn vị đã trực tiếp chủ trì tham mưu, giúp tổ chức hoạt động giám sát hoặc cũng có thể phân cho các đơn vị chuyên môn theo dõi việc thực hiện từng kiến nghị cụ thể của từng cơ quan theo lĩnh vực chuyên môn được phân công).

4.2. Trường hợp hết thời hạn yêu cầu xem xét, giải quyết mà các cơ quan, tổ chức, cá nhân không thực hiện, không có văn bản trả lời thì đơn vị tham mưu giúp Ban Thường trực xem xét, tùy từng trường hợp cụ thể mà lựa chọn thực hiện các việc sau:

- Gửi văn bản đến cơ quan, tổ chức, cá nhân được giám sát đôn đốc việc giải quyết, trả lời; trường hợp cần thiết thì có thể yêu cầu tổ chức làm việc để trao đổi trực tiếp.

- Gửi văn bản đến cơ quan, tổ chức là cấp trên trực tiếp của cơ quan, tổ chức, cá nhân được giám sát, các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền để chỉ đạo cơ quan, tổ chức, cá nhân được giám sát phải xem xét, giải quyết và trả lời.

- Đề nghị cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền xem xét trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân không giải quyết hoặc giải quyết không đúng quy định của pháp luật.

- Phản ánh tại các phiên họp của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, kỳ họp của Quốc hội, phiên họp của Chính phủ (ở cấp Trung ương); trong các báo cáo định kỳ hàng tháng, hàng quý gửi các cơ quan, tổ chức có thẩm quyền (Cấp ủy, Thường trực Hội đồng Nhân dân, Ủy ban Nhân dân cùng cấp) và tại các cuộc họp của Thường trực Hội đồng Nhân dân, Ủy ban Nhân dân và trong Báo cáo công tác Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tham gia xây dựng chính quyền tại các phiên họp Hội đồng nhân dân cùng cấp (ở các cấp địa phương).

- Trao đổi, cung cấp thông tin và đề nghị các cơ quan báo chí, truyền thông phản ánh, đưa tin.

- Thực hiện các quyền và trách nhiệm của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam được quy định tại Điều 31 của Luật MTTQ Việt Nam trong việc bãi nhiệm đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân; lấy phiếu tín nhiệm, bỏ phiếu tín nhiệm đối với người giữ chức vụ do Quốc hội, Hội đồng nhân dân bầu hoặc phê chuẩn (nếu người đứng đầu cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân được giám sát là đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng Nhân dân hoặc là người giữ các chức vụ do Quốc hội, Hội đồng Nhân dân bầu, phê chuẩn).

5. Phân biệt sự khác nhau giữa giám sát của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam với giám sát của cơ quan dân cử

5.1. Về chủ thể giám sát

- *Chủ thể giám sát của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam*: Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp; Tổ chức chính trị - xã hội khi được Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam đề nghị; các tổ chức thành viên khác tham gia hoạt động giám sát của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

- *Chủ thể giám sát của Quốc hội, Hội đồng nhân dân*: Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Hội đồng dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội, Đoàn đại biểu Quốc hội và đại biểu Quốc hội; Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân, đại biểu Hội đồng nhân dân.

5.2. Về nội dung giám sát

- *Nội dung giám sát của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam*: là việc thực hiện các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước (trừ những vấn đề thuộc bí mật quốc gia) của cơ quan, tổ chức và cá nhân, trong đó trọng tâm là việc thực hiện chính sách, pháp luật có liên quan đến quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của Nhân dân, quyền và trách nhiệm của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên. Trong đó, có cả các cơ quan, tổ chức của Đảng và đảng viên.

- *Nội dung giám sát của Quốc hội, Hội đồng nhân dân*: là việc thực hiện chính sách, pháp luật của Nhà nước của các cơ quan, tổ chức và cá nhân có trách nhiệm trong bộ máy nhà nước và không bao gồm các cơ quan, tổ chức của Đảng và đảng viên¹.

5.3. Về tính chất của giám sát

- *Tính chất cơ bản của giám sát của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam*: là tính xã hội, tính nhân dân và không có tính quyền lực nhà nước.

- *Tính chất của giám sát của Quốc hội, Hội đồng nhân dân*: tính chất cơ bản, bao trùm nhất là tính quyền lực nhà nước.

III. MỘT SỐ LƯU Ý KHI TỔ CHỨC THỰC HIỆN HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT

1. Để hoạt động giám sát chất lượng, hiệu quả thì khâu xây dựng kế hoạch giám sát, trong đó việc lựa chọn nội dung giám sát, phân công trách nhiệm chủ thể giám sát là vấn đề then chốt góp phần phân thành công hoạt động giám sát.

2. Quá trình tổ chức hoạt động giám sát cần huy động đội ngũ chuyên gia có trình độ chuyên sâu, am hiểu lĩnh vực được giám sát. Phát huy vai trò của thành viên Hội đồng tư vấn, ban tư vấn, tổ tư vấn, người hoạt động thực tiễn, đối tượng chịu sự tác động, đặc biệt là sự tham gia của các cơ quan truyền thông vào hoạt động giám sát.

3. Khi tổ chức giám sát cần chuẩn bị các điều kiện cần thiết về cơ sở lý luận, cơ sở pháp lý và cơ sở thực tiễn. Đối với những nội dung giám sát liên quan đến đông đảo các tầng lớp nhân dân, quyền của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên cần tiến hành khảo sát, nắm tình hình,

4. Trước khi tổ chức giám sát, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tổ chức giám sát cần tổ chức họp Đoàn giám sát đánh giá, phân tích báo cáo, tài liệu của cơ quan, tổ chức được giám sát gửi đến. Đồng thời, phân công trách nhiệm cụ thể cho các thành viên tham gia Đoàn giám sát.

5. Việc xây dựng báo cáo kết quả giám sát và văn bản kiến nghị sau phải khoa học, khách quan, trung thực, đầy đủ, có sự chất lọc bảo đảm đầy đủ căn cứ pháp lý, khoa học và thực tiễn, đồng thời đưa ra các kiến nghị đảm bảo, phù hợp với các quy định của pháp luật.

6. Việc theo dõi, đôn đốc việc trả lời của các cơ quan, tổ chức có thẩm quyền giải quyết các kiến nghị sau giám sát phải được thực hiện thường xuyên coi đây là nhiệm vụ trọng tâm của công tác mặt trận.

¹ Khoản 2 Điều 5 và Khoản 2 Điều 6 của Luật hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân có quy định cho Quốc hội, Hội đồng nhân dân được giám sát hoạt động của các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác, nhưng thực tế đến nay, các cơ quan này vẫn chưa giám sát đối với hoạt động của cơ quan, tổ chức và cá nhân đảng viên.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Hiến pháp 2013.
2. Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam năm 2015.
3. Quyết định số 217-QĐ/TW, ngày 12/12/2013 của Bộ Chính trị.
4. Nghị quyết liên tịch số 403/2017/NQLT-UBTVQH14-CP-ĐCTUBTWMTTQVN, ngày 15-6-2017 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ và Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Quy định chi tiết các hình thức giám sát, phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.
5. Luật Đầu tư công năm 2019.
6. Nghị định số 29/2021/NĐ-CP của Chính phủ: Quy định về trình tự, thủ tục thẩm định dự án quan trọng quốc gia và giám sát, đánh giá đầu tư.
7. Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở.
8. Nghị định số 59/2023/NĐ-CP, ngày 14/8/2023 quy định chi tiết một số điều của Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở.
9. Thông tri số 23/TTr-MTTW-BTT, ngày 21-7-2017 của Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Về hướng dẫn quá trình giám sát và quy trình phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.
10. Thông tri số 25/TTr-MTTW-BTT ngày 10-8-2017 của Ban Thường trực Ủy ban Trung ương MTTQVN về hướng dẫn về tổ chức và hoạt động của Ban thanh tra nhân dân, Ban giám sát đầu tư cộng đồng tại xã, phường, thị trấn.

Chuyên đề 2

KỸ NĂNG TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG PHẢN BIỆN XÃ HỘI CỦA MẶT TRẬN TỔ QUỐC VIỆT NAM VÀ CÁC TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI

I. MỘT SỐ VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ PHẢN BIỆN XÃ HỘI CỦA MẶT TRẬN TỔ QUỐC VIỆT NAM

Hoạt động phản biện xã hội được thực hiện theo Quy chế Giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã được ban hành kèm theo Quyết định số 217-QĐ/TW ngày 12/12/2013 của Bộ Chính trị và Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam quy định cụ thể tại Chương VI. Đồng thời, tại khoản 2 Điều 6. Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2020 quy định “*Trong quá trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, cơ quan, tổ chức, đại biểu Quốc hội chủ trì soạn thảo và cơ quan, tổ chức có liên quan có trách nhiệm tạo điều kiện để các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia góp ý kiến về đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật, để MTTQ Việt Nam thực hiện phản biện xã hội đối với dự thảo VBQPPL; tổ chức lấy ý kiến của đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của văn bản quy phạm pháp luật*”.

1. Khái niệm phản biện xã hội

Theo Quy chế Giám sát và phản biện xã hội của của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã được ban hành kèm theo Quyết định số 217-QĐ/TW ngày 12/12/2013 của Bộ Chính trị, khái niệm phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội được xác định như sau:

Phản biện xã hội là việc nhận xét, đánh giá, nêu chính kiến, kiến nghị đối với dự thảo các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước.

Thể chế hóa các quy định về phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tại Quy chế Giám sát và phản biện xã hội của Bộ Chính trị, Khoản 1, Điều 32 Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam năm 2015 đã quy định rõ khái niệm phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam như sau:

Phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam là việc Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp trực tiếp hoặc đề nghị tổ chức thành viên của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam nhận xét, đánh giá, nêu chính kiến, kiến nghị đối với dự thảo văn bản pháp luật, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, dự án, đề án (gọi chung là dự thảo văn bản) của cơ quan nhà nước.

Như vậy, so với khái niệm nêu trong Quy chế giám sát và phản biện xã hội của Bộ Chính trị, khái niệm nêu tại Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cơ bản là thống nhất, chỉ có điểm khác biệt về đối tượng phản biện xã hội không bao gồm dự thảo các chủ

trương, đường lối của Đảng, do đây là văn bản luật của Nhà nước ban hành, không điều chỉnh các quan hệ giữa Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và Đảng; tuy nhiên, việc phản biện xã hội đối với dự thảo các chủ trương, đường lối của Đảng, của Mặt trận Tổ quốc (MTTQ) Việt Nam đối với tổ chức đảng và đảng viên vẫn được thực hiện theo quy định của Đảng.

Phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam là sự phản biện có tổ chức của xã hội mang tính xã hội, quy mô và lực lượng rộng rãi, mà đại diện là Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội thông qua việc nhận xét, đánh giá, nêu chính kiến, kiến nghị của các lực lượng xã hội đối với dự thảo chủ trương, chính sách, văn bản quy phạm pháp luật, đề án, dự án xã hội liên quan đến tổ chức bộ máy nhà nước, đến quyền con người, quyền công dân, quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của nhân dân, đến quyền và trách nhiệm của Mặt trận, đến an sinh, phúc lợi xã hội.

2. Mục đích, tính chất và nguyên tắc

2.1. Mục đích: Góp phần bảo đảm tính đúng đắn, phù hợp với thực tiễn đời sống xã hội và tính hiệu quả của văn bản sẽ được ban hành.

2.2. Tính chất: Tính xã hội, khách quan, khoa học và xây dựng.

2.3. Nguyên tắc: Dân chủ, công khai, minh bạch, bảo đảm sự tham gia của thành viên, hội viên, đoàn viên và Nhân dân; tôn trọng các ý kiến khác nhau nhưng không trái với quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của Nhân dân, lợi ích quốc gia, dân tộc.

3. Đối tượng, nội dung, phạm vi phản biện xã hội

3.1. Đối tượng: Đối tượng phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam là dự thảo văn bản của cơ quan nhà nước, cấp ủy cùng cấp có liên quan trực tiếp đến quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của Nhân dân, quyền và trách nhiệm của MTTQ Việt Nam.

3.2. Nội dung và phạm vi phản biện xã hội bao gồm:

- Sự cần thiết; sự phù hợp với chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước;

- Tính đúng đắn, khoa học, khả thi;

- Đánh giá tác động, hiệu quả về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại của dự thảo văn bản;

- Việc bảo đảm hài hòa lợi ích của Nhà nước, Nhân dân, tổ chức.

Tuỳ nội dung văn bản cơ quan chủ trì phản biện xã hội lựa chọn các vấn đề phản biện xã hội phù hợp.

4. Chủ thể phản biện xã hội

4.1. Ủy ban MTTQ Việt Nam các cấp: Chủ trì phản biện xã hội đối dự thảo văn bản của cơ quan, tổ chức **cùng cấp** có liên quan trực tiếp đến quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của Nhân dân, quyền trách nhiệm của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam

4.2. Các tổ chức chính trị - xã hội: Theo đề nghị của Ủy ban MTTQ Việt Nam hoặc theo quy định của pháp luật các tổ chức chính trị- xã hội chủ trì phản biện xã hội đối với dự thảo văn bản của cơ quan, tổ chức **cùng cấp** có liên quan trực tiếp đến quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của đoàn viên, hội viên, quyền và trách nhiệm của tổ chức mình.

Các tổ chức thành viên khác của MTTQ Việt Nam phối hợp với Ủy ban MTTQ Việt Nam thực hiện phản biện xã hội đối với các đối tượng và nội dung quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 33 Luật MTTQ Việt Nam có liên quan trực tiếp đến quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của đoàn viên, hội viên, quyền và trách nhiệm của tổ chức mình.

5. Hình thức phản biện xã hội

Căn cứ Điều 34 Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam năm 2015, quy định có 03 hình thức phản biện xã hội:

- a) Tổ chức hội nghị phản biện xã hội.
- b) Gửi dự thảo văn bản được phản biện đến các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan để lấy ý kiến phản biện xã hội.
- c) Tổ chức đối thoại trực tiếp giữa MTTQ Việt Nam với cơ quan, tổ chức có dự thảo văn bản được phản biện xã hội.

6. Quyền và trách nhiệm của MTTQ Việt Nam

- a) Xây dựng kế hoạch phản biện xã hội (gồm: Kế hoạch giám sát và phản biện xã hội hằng năm; Kế hoạch phản biện xã hội cho từng dự thảo cụ thể).
- b) Yêu cầu cơ quan, tổ chức chủ trì soạn thảo gửi dự thảo văn bản và thông tin, tài liệu cần thiết.
- c) Thực hiện các hình thức (hoạt động) phản biện xã hội (Điều 34 Luật MTTQ Việt Nam).
- d) Xây dựng và gửi văn bản phản biện xã hội đến cơ quan, tổ chức có dự thảo văn bản được phản biện (và cả các cơ quan có liên quan).
- đ) Yêu cầu cơ quan chủ trì soạn thảo trả lời bằng văn bản đối với kiến nghị của MTTQ Việt Nam.

7. Quyền và trách nhiệm của cơ quan, tổ chức chủ trì soạn thảo dự thảo văn bản được phản biện

a) Gửi dự thảo văn bản được phản biện xã hội đến MTTQ Việt Nam chậm nhất là 15 ngày trước khi trình cơ quan có thẩm quyền ban hành văn bản; cung cấp thông tin, tài liệu cần thiết.

b) Cử người có trách nhiệm tham dự hội nghị phản biện xã hội hoặc tham gia đối thoại khi MTTQ Việt Nam yêu cầu.

c) Trả lời bằng văn bản đối với kiến nghị của MTTQ Việt Nam, trường hợp không tiếp thu kiến nghị thì phải giải trình; báo cáo ý kiến phản biện xã hội của MTTQ Việt Nam với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền ban hành văn bản.

8. Xây dựng kế hoạch phản biện xã hội hằng năm

a) Căn cứ xây dựng kế hoạch (Khoản 2 Điều 2 Nghị quyết liên tịch số 403/2017/NQLT-UBTWQH-CP-ĐCTUBTWMTTQVN)

- Chương trình phối hợp và thống nhất hành động hằng năm của Ủy ban MTTQ Việt Nam các cấp.

- Chương trình, kế hoạch xây dựng văn bản quy phạm pháp luật hằng năm; dự thảo quy hoạch, kế hoạch, chương trình, dự án, đề án (sau đây gọi chung là dự thảo văn bản) của cơ quan nhà nước, tổ chức đảng cùng cấp có liên quan trực tiếp đến quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của Nhân dân, hội viên, đoàn viên của các tổ chức thành viên, quyền và trách nhiệm của Ủy ban MTTQ Việt Nam.

- Kiến nghị của tổ chức thành viên của MTTQ Việt Nam.

- Đề nghị của cơ quan nhà nước, tổ chức đảng cùng cấp có dự thảo văn bản.

b) Nội dung kế hoạch: Xác định mục đích, yêu cầu, nội dung, hình thức, thời gian, chủ thể tiến hành và đối tượng được phản biện xã hội trong năm.

Kế hoạch phản biện xã hội nêu rõ nội dung phản biện do MTTQ chủ trì, nội dung do từng tổ chức chính trị - xã hội chủ trì.

Khi cần thiết, nội dung kế hoạch có thể điều chỉnh hoặc bổ sung theo sự thống nhất của các bên tùy theo điều kiện thực tế và thời gian tổ chức thực hiện.

c) Trình tự, thủ tục xây dựng Kế hoạch

- Quý IV hằng năm, Ủy ban MTTQ Việt Nam chủ trì hiệp thương thống nhất với các tổ chức chính trị - xã hội cùng cấp lựa chọn nội dung và xác định các hình thức phản biện xã hội phù hợp để xây dựng dự thảo kế hoạch phản biện của năm sau.

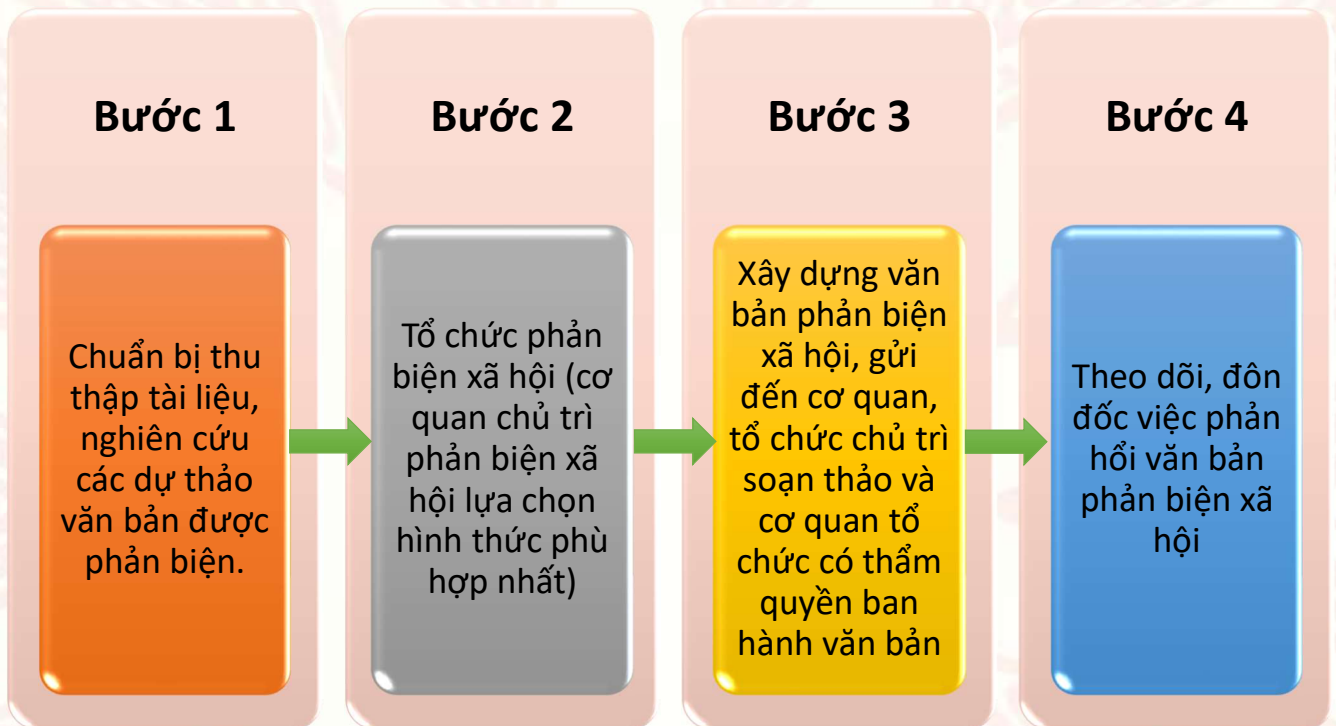
Việc hiệp thương được tổ chức bằng hình thức hội nghị gồm đại diện Ban Thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam, đại diện lãnh đạo các tổ chức chính trị - xã hội cùng cấp, do đại diện Ban Thường trực Ủy ban MTTQ chủ trì.

- Trên cơ sở dự thảo kế hoạch giám sát và phản biện xã hội hằng năm đã được hiệp thương, Ủy ban MTTQ Việt Nam trao đổi, thống nhất với các cơ quan hữu quan cùng cấp về dự thảo kế hoạch giám sát. Việc trao đổi, thống nhất với các cơ quan có thể bằng hình thức tổ chức hội nghị hoặc gửi dự thảo kế hoạch xin ý kiến.

- + Ở Trung ương, trao đổi, thống nhất với Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ.
- + Ở cấp tỉnh, trao đổi, thống nhất với Đoàn đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cùng cấp.
- + Ở cấp huyện, cấp xã, dự thảo Kế hoạch giám sát có sự trao đổi, thống nhất với Hội đồng nhân dân (Thường trực Hội đồng nhân dân) và Ủy ban nhân dân cùng cấp.
- Sau khi đã trao đổi, thống nhất với các cơ quan nhà nước cùng cấp, Ban Thường trực Ủy ban MTTQ ban hành kế hoạch phản biện xã hội và báo cáo với cấp ủy cùng cấp trước khi triển khai.

II. QUY TRÌNH PHẢN BIỆN XÃ HỘI

1. Quy trình thực hiện phản biện xã hội chung: gồm 4 bước



2. Quy trình phản biện xã hội cụ thể

Căn cứ yêu cầu, tình hình thực tế, điều kiện bảo đảm, tính chất, mức độ quan trọng của nội dung dự thảo cần phản biện xã hội, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam hoặc lãnh đạo tổ chức chính trị - xã hội cấp tổ chức phản biện xã hội lựa chọn tổ chức một trong các hình thức phản biện xã hội phù hợp theo các hình thức sau:

a) Tổ chức hội nghị phản biện xã hội

* **Bước 1: Chuẩn bị tổ chức hội nghị**

- Đại diện Ban Thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam hoặc lãnh đạo các tổ chức chính trị - xã hội trao đổi với cơ quan chủ trì soạn thảo về tài liệu, thời gian, địa điểm, nội dung và cách thức tiến hành tổ chức hội nghị phản biện; yêu cầu cung cấp tài liệu và cử đại diện có thẩm quyền tham dự hội nghị.

- Ban Thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam hoặc lãnh đạo các tổ chức chính trị-xã hội cấp xây dựng kế hoạch tổ chức hội nghị.

(Kế hoạch phản biện xã hội được thực hiện theo Biểu mẫu số 06/KH-MT kèm theo)

- Ban Thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam hoặc lãnh đạo tổ chức chính trị-xã hội cấp chủ trì hội nghị phản biện phân công đơn vị, cá nhân tham mưu bước đầu nghiên cứu định hướng, đề xuất nội dung phản biện xã hội; tổng hợp ý kiến, kiến nghị, phản ánh của người dân liên quan đến nội dung phản biện xã hội.

- Đề nghị tổ chức thành viên của Mặt trận, Hội đồng tư vấn, Ban tư vấn, tổ tư vấn có liên quan (nếu có) làm nòng cốt tham gia, đồng thời, mời các chuyên gia, nhà khoa học am hiểu lĩnh vực, nội dung dự kiến phản biện xã hội tham dự.

Tùy từng nội dung, lĩnh vực có thể đặt từ 5 đến 10 bài viết của chuyên gia tham gia phản biện xã hội chuyên sâu đối với nội dung cần được phản biện xã hội.

- Trong trường hợp cần thiết, cơ quan chủ trì phản biện có thể tổ chức khảo sát thực tế, trao đổi chuyên gia, nhất là với các thành viên các hội đồng tư vấn có liên quan về những nội dung cần phản biện; phân công cá nhân chịu trách nhiệm về một, một số nội dung cần phản biện.

- Chậm nhất 05 ngày làm việc trước ngày tổ chức hội nghị, cơ quan chủ trì phản biện gửi tài liệu đến đại biểu tham dự hội nghị phản biện xã hội.

- Tùy theo tính chất, quy mô và phạm vi phản biện xã hội, Ban Thường trực Ủy ban MTTQ hoặc lãnh đạo tổ chức chính trị-xã hội quyết định về thành phần tham dự hội nghị theo Điều 14 Nghị quyết liên tịch số 403 như sau:

+ *Thành phần hội nghị phản biện xã hội do Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tổ chức gồm:* Đại diện Ban Thường trực Ủy ban Trung ương MTTQ Việt Nam chủ trì hội nghị; đại diện Trung ương các tổ chức chính trị - xã hội; thành viên các Hội đồng tư vấn của Ủy ban Trung ương MTTQ Việt Nam, các chuyên gia, nhà khoa học thuộc lĩnh vực hoạt động có liên quan đến nội dung dự thảo văn bản được phản biện xã hội; đại diện cơ quan, tổ chức chủ trì soạn thảo văn bản được phản biện xã hội; đại diện cơ quan, tổ chức khác có liên quan.

+ *Thành phần hội nghị phản biện xã hội do Ủy ban MTTQ Việt Nam ở địa phương tổ chức gồm:* Đại diện Ban Thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam tổ chức hội nghị phản biện xã hội chủ trì hội nghị; đại diện các tổ chức chính trị - xã hội; thành viên Hội đồng tư vấn (đối với cấp tỉnh), Ban tư vấn (đối với cấp huyện), Tổ tư vấn (đối với cấp xã); các chuyên gia, người có uy tín, kinh nghiệm thực tiễn thuộc lĩnh vực hoạt động có liên quan đến nội dung dự thảo văn bản được phản biện xã hội; đại diện cơ quan, tổ chức chủ trì soạn thảo văn bản được phản biện xã hội; đại diện cơ quan, tổ chức khác có liên quan.

+ *Thành phần hội nghị phản biện xã hội do tổ chức chính trị - xã hội tổ chức theo đề nghị của Ủy ban MTTQ Việt Nam cùng cấp gồm:* Đại diện lãnh đạo các tổ chức

chính trị-xã hội chủ trì hội nghị; đại diện lãnh đạo Ủy ban MTTQ Việt Nam; các chuyên gia, nhà khoa học, người có uy tín, kinh nghiệm thực tiễn thuộc lĩnh vực hoạt động có liên quan đến nội dung dự thảo văn bản được phản biện xã hội; đại diện cơ quan, tổ chức chủ trì soạn thảo văn bản được phản biện xã hội; đại diện cơ quan, tổ chức khác có liên quan.

*** Bước 2: Hội nghị phản biện xã hội**

Hội nghị được tiến hành theo trình tự, thủ tục sau:

- Đại diện Ban Thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam hoặc đại diện lãnh đạo tổ chức chính trị- xã hội tổ chức hội nghị chủ trì hội nghị.

- Đại diện cơ quan, tổ chức có dự thảo văn bản được phản biện xã hội giới thiệu những nội dung cơ bản của dự thảo.

- Đại diện Ban Thường trực MTTQ hoặc đại diện lãnh đạo tổ chức chính trị - xã hội trình bày định hướng và những nội dung trọng tâm cần tập trung phản biện.

- Các đại biểu tham dự hội nghị tiến hành thảo luận về các nội dung phản biện xã hội.

- Đại diện cơ quan, tổ chức có dự thảo văn bản được phản biện xã hội trao đổi, giải trình làm rõ những vấn đề có liên quan đến nội dung được phản biện xã hội.

- Chủ trì hội nghị kết luận hội nghị. Trong đó, cần nêu rõ những vấn đề của dự thảo văn bản cần đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo xem xét, nghiên cứu để sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

(Chương trình Hội nghị phản biện xã hội được thực theo Biểu mẫu số 07/PB-MT)

*** Bước 3: Xây dựng văn bản phản biện xã hội**

- Ngay sau hội nghị phản biện xã hội, trên cơ sở các ý kiến phản biện và kết luận tại hội nghị, Ban Thường trực Ủy ban MTTQ hoặc lãnh đạo tổ chức chính trị - xã hội chỉ đạo đơn vị chuyên môn, cá nhân có trách nhiệm xây dựng văn bản phản biện xã hội.

- Tùy theo nội dung phản biện mà văn bản phản biện xã hội có thể gồm các nội dung được quy định tại Khoản 2, Điều 33 Luật MTTQ Việt Nam, gồm: sự phù hợp với chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; tính đúng đắn, khoa học, khả thi; đánh giá tác động, hiệu quả về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại của dự thảo văn bản; bảo đảm hài hòa lợi ích của Nhà nước, tổ chức, cá nhân.

(Lưu ý: nội dung phản biện không nên quá rộng mà nên tập trung sâu vào một số vấn đề trọng yếu của dự thảo văn bản được phản biện)

- Chậm nhất 7 ngày kể từ ngày tổ chức hội nghị phản biện, Ban Thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam hoặc lãnh đạo tổ chức chính trị - xã hội chủ trì phản biện xã hội gửi văn bản phản biện xã hội đến cơ quan, tổ chức chủ trì soạn thảo văn bản (và các cơ quan, tổ chức có liên quan).

Ngoài nội dung phản biện, văn bản phản biện cần xác định thời hạn đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản phải trả lời bằng văn bản đối với kiến nghị của cơ quan chủ trì phản biện. Thời gian tối thiểu từ 7 đến 15 ngày; trường hợp đặc biệt có thể kéo dài hơn nhưng phải có sự trao đổi, thống nhất giữa hai cơ quan và không vượt quá 30 ngày.

(Văn bản phản biện xã hội được thực hiện theo Biểu mẫu số 08/MT)

*** Bước 4: Theo dõi, đôn đốc việc phản hồi văn bản phản biện xã hội**

- Ban Thường trực Ủy ban MTTQ hoặc lãnh đạo các tổ chức chính trị - xã hội chủ trì phản biện xã hội có trách nhiệm theo dõi việc tiếp thu, giải trình đối với những ý kiến phản biện xã hội, kiến nghị.

- Hết thời hạn đã đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản trả lời đối với kiến nghị của cơ quan chủ trì phản biện (được xác định trong văn bản phản biện) mà cơ quan này chưa có văn bản trả lời, cơ quan chủ trì phản biện cần ban hành văn bản đôn đốc cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản phải khẩn trương có trả lời bằng văn bản. Nếu cơ quan, tổ chức chủ trì soạn thảo văn bản vẫn không có văn bản trả lời hoặc không tiếp thu ý kiến, kiến nghị thì, cơ quan chủ trì phản biện xã hội có văn bản yêu cầu cơ quan, tổ chức đó phải có trả lời, giải trình. Đồng thời, có văn bản báo cáo ý kiến phản biện xã hội với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền ban hành văn bản

(Ví dụ: Nếu hết thời hạn trả lời mà Sở A (là cơ quan được Ủy ban Nhân dân tỉnh giao chủ trì soạn thảo dự thảo văn bản nghị quyết của Hội đồng nhân dân để Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân) nhưng Sở A vẫn không có văn bản trả lời hoặc có văn bản trả lời nhưng không tiếp thu ý kiến, kiến nghị phản biện xã hội thì, cơ quan chủ trì phản biện xã hội ban hành văn bản báo cáo về việc này và phản ánh đầy đủ các ý kiến đã phản biện xã hội với Ủy ban nhân dân tỉnh để Ủy ban nhân dân tỉnh có chỉ đạo hoặc xem xét việc thực hiện nhiệm vụ của Sở A).

3.2. Gửi dự thảo văn bản được phản biện xã hội đến các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan để lấy ý kiến phản biện xã hội

Hình thức gửi dự thảo văn bản được phản biện xã hội đến các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan để lấy ý kiến phản biện xã hội là việc Ủy ban MTTQ Việt Nam chủ trì hoặc các tổ chức chính trị - xã hội chủ trì theo đề nghị của Ủy ban MTTQ Việt Nam cùng cấp hoặc theo quy định của pháp luật gửi dự thảo văn bản tới các chuyên gia, nhà khoa học, thành viên các tổ chức tư vấn, cơ quan, tổ chức có liên quan để lấy ý kiến phản biện và tập hợp, tổng hợp gửi cơ quan, tổ chức chủ trì dự thảo văn bản.

*** Bước 1: Chuẩn bị gửi văn bản lấy ý kiến:**

- Ban Thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam hoặc lãnh đạo tổ chức chính trị- xã hội cấp chủ trì phản biện xây dựng kế hoạch, dự kiến danh sách, cá nhân, tổ chức tham gia phản biện xã hội.

- Tùy thuộc vào nội dung văn bản Ủy ban MTTQ Việt Nam hoặc tổ chức chính trị- xã hội cấp tổ chức phản biện lựa chọn gửi dự thảo văn bản cần phản biện đến cơ quan, tổ chức, nhà khoa học, nhà hoạt động thực tiễn, các chức sắc, tôn giáo, người tiêu biểu trong hệ thống MTTQ Việt Nam là người am hiểu nội dung, lĩnh vực cần phản biện xã hội hoặc đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của văn bản để lấy ý kiến cho phù hợp.

*** Bước 2: Tổ chức nghiên cứu văn bản:**

- Ban Thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam hoặc tổ chức chính trị - xã hội cấp tổ chức phản biện xã hội nghiên cứu xây dựng định hướng nội dung cần phản biện xã hội.

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được dự thảo văn bản cần phản biện xã hội, Ban Thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam hoặc lãnh đạo các tổ chức chính trị- xã hội gửi dự thảo văn bản cần phản biện xã hội đến cơ quan, tổ chức cá nhân được lựa chọn tham gia phản biện xã hội.

Trong văn bản xin ý kiến phản biện xã hội, cơ quan chủ trì phản biện nên định hướng nội dung cần phản biện và xác định thời hạn gửi văn bản phản biện xã hội; đề nghị các cơ quan, tổ chức phản ánh kiến nghị của đoàn viên, hội viên và nhân dân về nội dung cần phản biện.

*** Bước 3: Xây dựng văn bản phản biện xã hội**

- Ngay sau khi nhận được ý kiến tham gia phản biện xã hội của cơ quan, tổ chức, cá nhân, cơ quan chủ trì phản biện xã hội tiến hành tập hợp, tổng hợp để xây dựng văn bản phản biện xã hội. Trường hợp cần thiết có thể gửi dự thảo văn bản phản biện để xin ý kiến tổ chức, cá nhân đã có ý kiến phản biện.

- Nội dung văn bản phản biện xã hội được thực hiện theo Khoản 2, Điều 33 Luật MTTQ Việt Nam.

*** Bước 4: Theo dõi, đôn đốc việc phản hồi văn bản phản biện xã hội:**

- Ban Thường trực Ủy ban MTTQ hoặc lãnh đạo các tổ chức chính trị - xã hội cấp chủ trì phản biện xã hội có trách nhiệm theo dõi việc tiếp thu, giải trình đối với những ý kiến phản biện xã hội.

- Hết thời hạn được ấn định trong văn bản phản biện, Ban Thường trực Ủy ban MTTQ, lãnh đạo tổ chức chính trị- xã hội chủ trì phản biện có văn bản đôn đốc cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản được phản biện trả lời bằng văn bản.

- Trường hợp cơ quan, tổ chức chủ trì dự thảo văn bản không trả lời hoặc không tiếp thu ý kiến phản biện xã hội, Ban Thường trực Ủy ban MTTQ, lãnh đạo tổ chức chính trị- xã hội có văn bản yêu cầu trả lời, đề nghị giải trình và có văn bản báo cáo ý kiến phản biện xã hội của MTTQ với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền ban hành văn bản.

3.3. Tổ chức đối thoại trực tiếp giữa cơ quan chủ trì phản biện với cơ quan, tổ chức có dự thảo văn bản được phản biện

Tổ chức đối thoại trực tiếp giữa cơ quan chủ trì phản biện với cơ quan, tổ chức có dự thảo văn bản được phản biện xã hội là việc Ban Thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam tiến hành tổ chức hội nghị đối thoại trực tiếp với đại diện có thẩm quyền của cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản cùng cấp về một hoặc một số nội dung cần phản biện xã hội.

Ngoài đại diện cơ quan, tổ chức chủ trì soạn thảo văn bản được phản biện xã hội, Hội nghị đối thoại nên mời đại diện cơ quan, tổ chức có thẩm quyền ban hành văn bản được phản biện xã hội tham dự.

Ban Thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam hoặc lãnh đạo tổ chức chính trị- xã hội có thể chọn hình thức đối thoại trực tiếp trong bốn trường hợp sau:

1- Khi xét thấy nội dung cần phản biện xã hội có mức độ quan trọng, có khả năng ảnh hưởng lớn đến kinh tế - xã hội, đến quốc phòng, an ninh chính trị của đất nước hoặc của địa phương cần phải đối thoại để trao đổi, làm rõ ý kiến của mỗi cơ quan.

2- Dự thảo văn bản có phạm vi ảnh hưởng rộng đến quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của một bộ phận lớn nhân dân.

3- Hoặc sau khi Ủy ban MTTQ Việt Nam, lãnh đạo tổ chức chính trị - xã hội đã tổ chức Hội nghị phản biện hoặc gửi văn bản phản biện, nhưng giữa cơ quan chủ trì phản biện và cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản được phản biện vẫn còn có ý kiến khác nhau về những nội dung quan trọng.

4- Do cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản đề nghị tổ chức.

*** Bước 1: Chuẩn bị tổ chức hội nghị đối thoại**

- Cơ quan chủ trì phản biện trao đổi với cơ quan chủ trì soạn thảo về thời gian, địa điểm, cách thức tiến hành tổ chức hội nghị đối thoại.

- Cơ quan chủ trì phản biện xây dựng kế hoạch tổ chức hội nghị đối thoại.

- Xây dựng định hướng, nội dung phản biện xã hội.

- Đặt chuyên gia, người có kinh nghiệm thực tiễn về nội dung được phản biện xã hội nghiên cứu, chuẩn bị nội dung phản biện.

- Trường hợp cần thiết gửi nội dung phản biện đến cơ quan chủ trì soạn thảo để có sự trao đổi qua lại trong quá trình phản biện; tổ chức khảo sát, điều tra xã hội học về nội dung được phản biện.

- Chậm nhất 05 ngày làm việc trước ngày tổ chức hội nghị, Cơ quan chủ trì phản biện gửi giấy mời, tài liệu cho đại biểu tham dự hội nghị phản biện xã hội. Thành phần tham dự hội nghị theo Điều 18 Nghị quyết liên tịch số 403.

*** Bước 2: Hội nghị đối thoại**

Hội nghị được tiến hành theo trình tự, thủ tục sau:

- Ban Thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam hoặc đại diện lãnh đạo tổ chức chính trị- xã hội tổ chức hội nghị đối thoại chủ trì hội nghị. Chủ trì hội nghị đối thoại nêu rõ sự cần thiết, ý nghĩa mục đích và các nội dung cần tập trung đối thoại.

- Đại diện cơ quan, tổ chức có dự thảo văn bản được phản biện xã hội trình bày về những nội dung cơ bản (nếu trước đó chưa tổ chức phản biện) hoặc trình bày, giải trình thêm về những nội dung được đưa ra đối thoại.

- Các đại biểu tham dự hội nghị thảo luận về dự thảo văn bản.

- Đại diện cơ quan, tổ chức có dự thảo văn bản được phản biện trao đổi làm rõ những vấn đề cần thiết có liên quan, những nội dung tiếp thu, những nội dung không tiếp thu thì giải trình thêm.

- Mời đại diện cơ quan, tổ chức có thẩm quyền ban hành hoặc phê duyệt dự thảo văn bản phát biểu quan điểm, ý kiến về các nội dung đã được đối thoại (nếu có)

- Chủ trì hội nghị kết luận. Trong đó, nêu rõ những nội dung của dự thảo văn bản đã được đối thoại tại hội nghị, những nội dung nào đã được thống nhất với đại diện cơ quan có dự thảo văn bản, những nội dung nào chưa thống nhất và ý kiến của cơ quan chủ trì phản biện xã hội.

**** Bước 3: Xây dựng văn bản phản biện xã hội***

- Ngay sau khi tổ chức hội nghị đối thoại, trên cơ sở các ý kiến phản biện tại hội nghị đối thoại, Ban Thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam hoặc lãnh đạo tổ chức chính trị - xã hội tổng hợp ý phản biện để xây dựng văn bản phản biện xã hội. Văn bản phản biện xã hội thể hiện được những nội dung đối thoại tại hội nghị và kết luận của chủ trì hội nghị đối thoại.

- Chậm nhất 7 ngày, kể từ ngày kết thúc hội nghị đối thoại, Ban Thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam hoặc lãnh đạo tổ chức chính trị xã hội chủ trì phản biện xã hội gửi văn bản phản biện xã hội đến cơ quan, tổ chức chủ trì soạn thảo văn bản.

- Nội dung văn bản kiến nghị được thực hiện theo Khoản 2, Điều 33 Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và kết luận tại hội nghị đối thoại.

**** Bước 4: Theo dõi, đôn đốc việc phản hồi văn bản phản biện xã hội***

- Ban Thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam hoặc lãnh đạo các tổ chức chính trị - xã hội cấp chủ trì phản biện xã hội có trách nhiệm theo dõi việc tiếp thu, giải trình đối với những ý kiến phản biện xã hội.

- Hết thời hạn được ấn định trong văn bản phản biện, Ban Thường trực Ủy ban MTTQ, lãnh đạo tổ chức chính trị- xã hội chủ trì phản biện có văn bản đôn đốc cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản được phản biện trả lời bằng văn bản.

- Trường hợp cơ quan, tổ chức chủ trì dự thảo văn bản không trả lời hoặc không tiếp thu ý kiến phản biện xã hội, Ban Thường trực Ủy ban MTTQ, lãnh đạo tổ chức chính trị- xã hội có văn bản yêu cầu trả lời, đề nghị giải trình và có văn bản báo cáo ý kiến phản biện xã hội của MTTQ với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền ban hành văn bản.

III. KỸ NĂNG TỔ CHỨC LẤY Ý KIẾN PHẢN BIỆN XÃ HỘI

1. Công tác chuẩn bị

Để việc tổ chức lấy ý kiến phản biện xã hội bảo đảm chất lượng, hiệu quả thì các cơ quan chủ trì phản biện xã hội cần xây dựng Kế hoạch phản biện xã hội cho từng dự thảo được lựa chọn phản biện xã hội:

- Lựa chọn hình thức phản biện xã hội phù hợp với tình hình, điều kiện thực tế.
- Xác định đối tượng, phạm vi, thời gian tổ chức phản biện xã hội.
- Tổ chức họp trước khi tổ chức phản biện để định hướng xác định một số nội dung lớn cần phản biện xã hội; phân công chuẩn bị nội dung dự kiến phản biện xã hội cho các thành viên tham gia phản biện xã hội.
- Tổ chức khảo sát, lấy ý kiến đối tượng chịu sự tác động nếu xét thấy cần thiết;
- Trao đổi với lãnh đạo cơ quan chủ trì soạn thảo để thống nhất thời gian, địa điểm, tài liệu và các vấn đề khác có liên quan đến dự thảo được phản biện xã hội.

2. Xử lý kết quả lấy ý kiến phản biện xã hội

Các ý kiến phản biện xã hội đều được tổng hợp đầy đủ, nghiêm túc và được công khai để Nhân dân biết. Theo đó, để nâng cao chất lượng, hiệu quả phản biện xã hội Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp cần thực hiện như sau:

- Phân loại ý kiến phản biện theo từng nhóm nội dung/vấn đề lớn được điều chỉnh trong dự thảo.
- Đánh dấu các ý kiến phản biện xã hội hợp lý, dự kiến sẽ đưa vào văn bản phản biện xã hội.
- Trong trường hợp tổ chức khảo sát thì người thu thập thông tin cần tóm tắt lại các ý kiến và phân loại theo từng chủ đề, nội dung cụ thể

3. Kỹ năng tổng hợp ý kiến phản biện xã hội

3.1. Bố cục của văn bản phản biện xã hội thông thường có 3 phần chính:

- (1) Khái quát chung quá trình tổ chức phản biện xã hội;
- (2) Nhận xét, đánh giá chung về dự thảo văn bản được phản biện;
- (3) Các nội dung chính được phản biện xã hội.

3.2. Nội dung văn bản phản biện

Văn bản phản biện xã hội cần nêu rõ vấn đề/nội dung/quy định nào tại dự thảo văn bản cần được cân nhắc chỉnh lý, hoàn thiện hoặc nên hay không nên quy định; quy định lại theo hướng nào? Mỗi vấn đề/nội dung nội dung phản biện cần phân tích các cơ sở pháp lý, cơ sở thực tiễn, cơ sở khoa học, các luận chứng, luận cứ (lý do), đề xuất hướng xử lý vấn đề đó cho phù hợp. Tuy nhiên, văn bản phản biện xã hội của mặt trận phải bảo đảm sự cần thiết; sự phù hợp với chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; Tính đúng đắn, khoa học, khả thi; đánh giá tác động, hiệu quả về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại của dự thảo văn bản; Việc bảo đảm hài hòa lợi ích của Nhà nước, Nhân dân, tổ chức. Tùy nội dung văn bản cơ quan chủ trì phản biện xã hội lựa chọn các vấn đề phản biện xã hội phù hợp.

4. Phân biệt sự khác nhau giữa hoạt động góp ý kiến và hoạt động phản biện xã hội

4.1. Sự giống nhau

(1) *Về hình thức:* Hoạt động phản biện xã hội và góp ý đều sử dụng hai hình thức: tổ chức hội nghị và gửi dự thảo văn bản được góp ý hoặc phản biện đến các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan để lấy ý kiến góp ý, phản biện xã hội.

(2) *Về đối tượng:* Đối tượng của phản biện xã hội và góp ý đều là dự thảo văn bản của cơ quan Đảng, Nhà nước cùng cấp có liên quan trực tiếp đến quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của nhân dân, quyền và trách nhiệm của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

(3) *Về mục đích:* Đều góp phần bảo đảm tính đúng đắn, phù hợp với thực tiễn đời sống xã hội và tính hiệu quả của văn bản; bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của nhân dân; phát huy dân chủ; tăng cường đồng thuận xã hội.

- *Về tính chất:* Đều giống nhau ở tính xã hội, khách quan, khoa học, xây dựng.

(4) *Về nguyên tắc:* Đều bảo đảm nguyên tắc dân chủ, công khai, minh bạch, bảo đảm sự tham gia của thành viên, hội viên, đoàn viên và nhân dân; tôn trọng các ý kiến khác nhau nhưng không trái với quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của nhân dân, lợi ích quốc gia, dân tộc.

(5) *Về thành phần tham dự hội nghị:* Tùy tình hình, điều kiện và tính chất, mức độ, phạm vi, nội dung của dự thảo văn bản góp ý hay phản biện xã hội có thể mời: tương ứng với từng cấp có đại diện Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; Đoàn Chủ tịch; Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp; đại diện lãnh đạo các tổ chức chính trị - xã hội; đại diện cơ quan, tổ chức có dự thảo văn bản được góp ý, phản biện xã hội; đại diện lãnh đạo các cơ quan, tổ chức có liên quan; thành viên các hội đồng tư vấn, các tổ chức tư vấn của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp, các chuyên gia, nhà khoa học thuộc lĩnh vực hoạt động có liên quan đến nội dung dự thảo văn bản cần góp ý, phản biện xã hội.

(6) *Về kết quả:* Đều có văn bản kiến nghị của Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam hoặc của các tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức thành viên.

4.2. Sự khác nhau

(1) *Về hình thức:* Ngoài sử dụng hình thức hội nghị như hoạt động góp ý, hoạt động phản biện xã hội còn sử dụng hình thức tổ chức hội nghị đối thoại trực tiếp giữa Mặt trận Tổ quốc Việt Nam với cơ quan, tổ chức có dự thảo văn bản được phản biện xã hội.

(2) *Về thành phần hội nghị:*

- *Hội nghị phản biện xã hội gồm:* Đại diện cơ quan chủ trì phản biện xã hội: Ban Thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam; đại diện lãnh đạo các tổ chức chính trị - xã hội cấp tổ chức phản biện; các chuyên gia, nhà khoa học, người có kinh nghiệm hoạt động thực tiễn, am hiểu lĩnh vực phản biện do Mặt trận Tổ quốc Việt Nam mời tham gia phản biện xã hội; đại diện cơ quan tổ chức chủ trì soạn thảo văn bản được phản biện xã hội; và tùy tính chất, mức độ quan trọng cơ quan chủ trì phản biện xã hội đại diện của cơ quan có thẩm quyền ban hành văn bản được phản biện xã hội tham dự.

- *Hội nghị góp ý gồm*: Có thể mời đủ hoặc không bắt buộc có đủ thành phần như hội nghị phản biện xã hội. Ở những trường hợp cụ thể, căn cứ tính chất, mức độ dự thảo văn bản, có thể là Ban Thường trực, lãnh đạo các tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức thành viên có văn bản kiến nghị góp ý. Tại hội nghị này không nhất thiết phải mời cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản.

(3) Về nội dung hội nghị:

- *Nội dung phản biện xã hội*: Tại hội nghị phản biện, các đại biểu tham dự hội nghị tập trung phản biện xã hội những vấn đề mà cơ quan chủ trì phản biện thấy chưa phù hợp, còn có nhiều ý kiến khác nhau. Tại hội nghị phản biện xã hội, các ý kiến tham gia không chỉ đơn thuần là ý kiến một chiều, mà có thể có sự trao đổi, thảo luận để đi đến cùng một vấn đề; tại hội nghị này, có thể phạm vi giới hạn chỉ cần một nội dung để phản biện xã hội, nội dung đó liên quan mật thiết đến đời sống nhân dân, được dư luận xã hội quan tâm.

- *Nội dung góp ý*: Tại hội nghị góp ý, các đại biểu tham dự hội nghị có thể góp ý toàn diện văn bản từ nội dung đến kỹ thuật văn bản, câu chữ, từ ngữ, không giới hạn phạm vi góp ý.

(4) Về trình tự, thủ tục:

- *Về hoạt động phản biện xã hội*: Được thực hiện theo các quy định của Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam năm 2015 và Điều 15, Nghị quyết liên tịch số 403/2017/NQLT-UBTVQH14-CP-ĐCTUBTWMTTQVN ngày 15/6/2017; Quyết định số 217-QĐ/TW ngày 12/12/2013 của Bộ Chính trị về Quy chế giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội.

- *Về hoạt động góp ý*: Được thực hiện theo các quy định của *Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật và các quy định của Đảng*.

IV. MỘT SỐ LƯU Ý KHI TỔ CHỨC THỰC HIỆN HOẠT ĐỘNG PHẢN BIỆN XÃ HỘI

1. Đề phản biện xã hội có hiệu quả, trọng tâm, trọng điểm thì người tham mưu tổng hợp ý kiến phản biện xã hội phải có năng lực tư duy, đánh giá và nắm chắc các quy định của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về lĩnh vực phản biện xã hội. Trong quá trình tổ chức phản biện xã hội, nếu xét thấy cần thiết có thể tổ chức đi khảo sát, đánh giá tình hình thực tế tại cơ sở; tổ chức lấy ý kiến người dân, doanh nghiệp, đối tượng trực tiếp chịu sự tác động.

2. Quá trình tổ chức phản biện xã hội cần có sự kết nối với hoạt động thẩm định, thẩm tra của các cơ quan có thẩm quyền. Phát huy nguồn lực các chuyên gia, nhà khoa học, người hoạt động thực tiễn, nhân sỹ, trí thức người dân, đối tượng chịu sự tác động.

3. Chuẩn bị các điều kiện cần thiết về cơ sở lý luận, cơ sở pháp lý và cơ sở thực tiễn. Đối với những nội dung còn nhiều ý kiến khác nhau, cần tiến hành khảo sát, điều tra xã hội học, huy động và phân công trách nhiệm nghiên cứu, chuẩn bị nội dung và ý kiến đánh giá, đề xuất kiến nghị cụ thể cho các chuyên gia, nhà khoa học, nhà hoạt động thực tiễn.

4. Trước khi tổ chức hội nghị phản biện xã hội cần tổ chức họp các chuyên gia, nhà khoa học, người hoạt động thực tiễn có kinh nghiệm để thống nhất lựa chọn các nội dung phản biện xã hội (lưu ý lựa chọn từ 5-10 những nội dung lớn), đồng thời phân công trách nhiệm các thành viên phản biện xã hội chuẩn bị nội dung phản biện xã hội chuyên sâu.

5. Việc tập hợp, tổng hợp kiến nghị phản biện xã hội phải khoa học, khách quan, trung thực, đầy đủ, có sự chặt chẽ bảo đảm đầy đủ căn cứ pháp lý, khoa học và thực tiễn, đồng thời đưa ra các giải pháp có tính khả thi. Người đứng đầu cơ quan chủ trì phản biện xã hội cần có bản lĩnh chính trị, dám nói, dám làm, dám chịu trách nhiệm.

6. Phân công cán bộ có trách nhiệm, trình độ, năng lực làm công tác phản biện xã hội, thường xuyên theo dõi, đôn đốc việc tiếp thu, trả lời các ý kiến kiến nghị sau phản biện xã hội.

7. Trường hợp quá hạn cơ quan, tổ chức, cá nhân có văn bản được phản biện xã hội không tiếp thu, phản hồi ý kiến phản biện xã hội thì Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, lãnh đạo tổ chức chính trị - xã hội cấp chủ trì phản biện có văn bản đôn đốc hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền ban hành văn bản.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Hiến pháp năm 2013.
2. Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam năm 2015.
3. Luật Ban hành văn bản Văn bản Quy phạm pháp luật năm 2020;
4. Quyết định số 217-QĐ/TW, ngày 12/12/2013 của Bộ Chính trị ban hành kèm theo Quy chế giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội.
5. Nghị quyết liên tịch số 403/2017/ỒĐCTUBTWMTTQVN, ngày 15-6-2017 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ và Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Quy định chi tiết các hình thức giám sát, phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.
6. Nghị định số 154/2020/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.
7. Thông tri số 23/TTr-MTTW-BTT, ngày 21-7-2017 của Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam về hướng dẫn quá trình giám sát và quy trình phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

Chuyên đề 3

QUY TRÌNH, THỦ TỤC, CÁCH THỨC GIÁM SÁT THÔNG QUA VIỆC NGHIÊN CỨU, XEM XÉT VĂN BẢN CỦA CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN LIÊN QUAN ĐẾN QUYỀN VÀ LỢI ÍCH HỢP PHÁP, CHÍNH ĐÁNG CỦA NHÂN DÂN

I. MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG

1. Khái niệm giám sát thông qua việc nghiên cứu, xem xét văn bản

1.1. Khái niệm

Giám sát thông qua việc nghiên cứu, xem xét văn bản của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam (MTTQ) Việt Nam là việc Ủy ban MTTQ Việt Nam các cấp trực tiếp thực hiện hoặc do các tổ chức chính trị - xã hội thực hiện việc theo dõi, xem xét, đánh giá văn bản. Khi phát hiện văn bản được giám sát chưa phù hợp với Hiến pháp, pháp luật hoặc có dấu hiệu vi phạm pháp luật, chưa phù hợp với thực tiễn đời sống, gây thiệt hại đến lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của nhân dân thì kiến nghị gửi cơ quan có thẩm quyền xem xét giải quyết hoặc kiến nghị sửa đổi, bổ sung hoặc đình chỉ thi hành.

1.2. Mục đích

Kịp thời phát hiện và kiến nghị xử lý sai phạm, khuyết điểm; kiến nghị sửa đổi, bổ sung chính sách, pháp luật; phát huy quyền làm chủ của Nhân dân, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của nhân dân, góp phần xây dựng Đảng, Nhà nước trong sạch, vững mạnh.

1.3. Tính chất

Giám sát của MTTQ Việt Nam mang tính nhân dân, tính xã hội, tính dân chủ xã hội chủ nghĩa.

2. Đối tượng giám sát thông qua việc nghiên cứu, xem xét văn bản

2.1. *Đối tượng*: Cơ quan, tổ chức ban hành văn bản được giám sát.

2.2. *Nội dung*: Nghiên cứu, xem xét văn bản của cơ quan có thẩm quyền liên quan đến quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của Nhân dân.

3. Quyền và trách nhiệm của MTTQ Việt Nam trong hoạt động giám sát nghiên cứu, xem xét văn bản

- Phối hợp với cơ quan, tổ chức có liên quan xây dựng chương trình, nội dung, kế hoạch giám sát bằng hình thức nghiên cứu, xem xét văn bản; quyết định tổ chức hoạt động giám sát theo kế hoạch.

- Yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân được giám sát báo cáo bằng văn bản, cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến nội dung giám sát.

- Xem xét khách quan, khoa học những vấn đề liên quan đến nội dung giám sát.
- Tổ chức đối thoại để làm rõ nội dung kiến nghị sau giám sát khi cần thiết hoặc theo yêu cầu của cơ quan, tổ chức, cá nhân được giám sát.
- Kiến nghị cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền xem xét áp dụng các biện pháp để bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của tổ chức, cá nhân; đề nghị xem xét trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm theo quy định của pháp luật.
- Ban hành hoặc phối hợp với cơ quan, tổ chức liên quan ban hành văn bản về kết quả giám sát; chịu trách nhiệm về những nội dung kiến nghị sau giám sát nghiên cứu, xem xét văn bản.
- Theo dõi, đôn đốc việc giải quyết kiến nghị sau giám sát; đề nghị cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền xem xét trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân không giải quyết hoặc giải quyết không đúng quy định của pháp luật.
- Khen thưởng hoặc đề nghị cơ quan, tổ chức có thẩm quyền biểu dương, khen thưởng người có thành tích trong hoạt động giám sát.

4. Quyền và trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân được giám sát

- Được thông báo trước về nội dung, kế hoạch giám sát.
- Báo cáo bằng văn bản theo nội dung giám sát; cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến nội dung giám sát; báo cáo bổ sung, làm rõ những vấn đề liên quan.
- Trình bày ý kiến về các nội dung liên quan thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của mình.
- Đề nghị xem xét lại kiến nghị sau giám sát, đối thoại để làm rõ nội dung các kiến nghị đó khi cần thiết.
- Tạo điều kiện để MTTQ Việt Nam thực hiện giám sát.
- Xem xét, giải quyết và trả lời những nội dung kiến nghị sau giám sát của MTTQ Việt Nam.
- Thực hiện kết luận, quyết định giải quyết của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền ban hành liên quan đến những nội dung kiến nghị giám sát của MTTQ Việt Nam.

5. Phân biệt giữa giám sát thông qua việc nghiên cứu, xem xét văn bản với tập hợp, theo dõi văn bản; với tổng kết văn bản

5.1. Phân biệt giữa giám sát thông qua việc nghiên cứu, xem xét văn bản với tập hợp, theo dõi văn bản

- Giống nhau: đều theo dõi, nghiên cứu văn bản xem có phù hợp với Hiến pháp, pháp luật, phù hợp với thực tiễn hay không.

- Khác nhau: Giám sát bằng việc nghiên cứu, xem xét văn bản được thực hiện khi thấy các văn bản đó có tác dụng tiêu cực; ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nhân dân; những quy định trong văn bản chưa phù hợp; trong quá trình thực hiện trên thực tế phát sinh nhiều điểm bất cập; tác động đến quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của nhân dân... thì MTTQ Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội tổ chức giám sát theo quy định của Luật MTTQ Việt Nam và quy trình của Nghị quyết liên tịch số 403; sau đó có văn bản kiến nghị cơ quan có thẩm quyền ban hành văn bản sửa đổi, bổ sung; đình chỉ thi hành...

Còn việc tập hợp; theo dõi văn bản chỉ là việc thu thập tài liệu thông thường; qua xem xét thấy có vấn đề gì thì kiến nghị sửa đổi, bổ sung (nếu có).

5.2. Phân biệt giữa giám sát thông qua việc nghiên cứu, xem xét văn bản với tổng kết văn bản

- Giống nhau: Điều nghiên cứu các văn bản để tìm ra bất cập; cần sửa đổi, bổ sung.

- Khác nhau: Việc nghiên cứu, xem xét văn bản do MTTQ Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội thực hiện sẽ lấy văn bản (giám sát) là gốc; từ đó soi chiếu vào đối tượng điều chỉnh của văn bản để thấy văn bản quy định có hợp lý và bất cập không; tác động đến quyền và lợi ích của người dân như thế nào; từ đó có kiến nghị xử lý sau giám sát.

Việc tổng kết văn bản: Là văn bản đã được ban hành, đã được thực hiện trong một thời gian nhất định (5 năm sơ kết; 10 năm tổng kết); trong quá trình thực hiện trên thực tế, cơ quan, tổ chức sẽ đánh giá quá trình thực hiện trong một khoảng thời gian đó xem có gì bất cập, khó khăn; từ đó đưa ra những ưu điểm, hạn chế và đề xuất phương án sửa đổi, bổ sung. Việc tổng kết văn bản sẽ coi việc thực hiện trên thực tế của văn bản đó là gốc, soi chiếu; để từ đó kết luận những ưu điểm, nhược điểm của văn bản được tổng kết. Văn bản tổng kết có thể không ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nhân dân.

II: KỸ NĂNG GIÁM SÁT THEO HÌNH THỨC NGHIÊN CỨU, XEM XÉT VĂN BẢN

1. Các loại văn bản được giám sát gồm những văn bản liên quan đến quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của Nhân dân như:

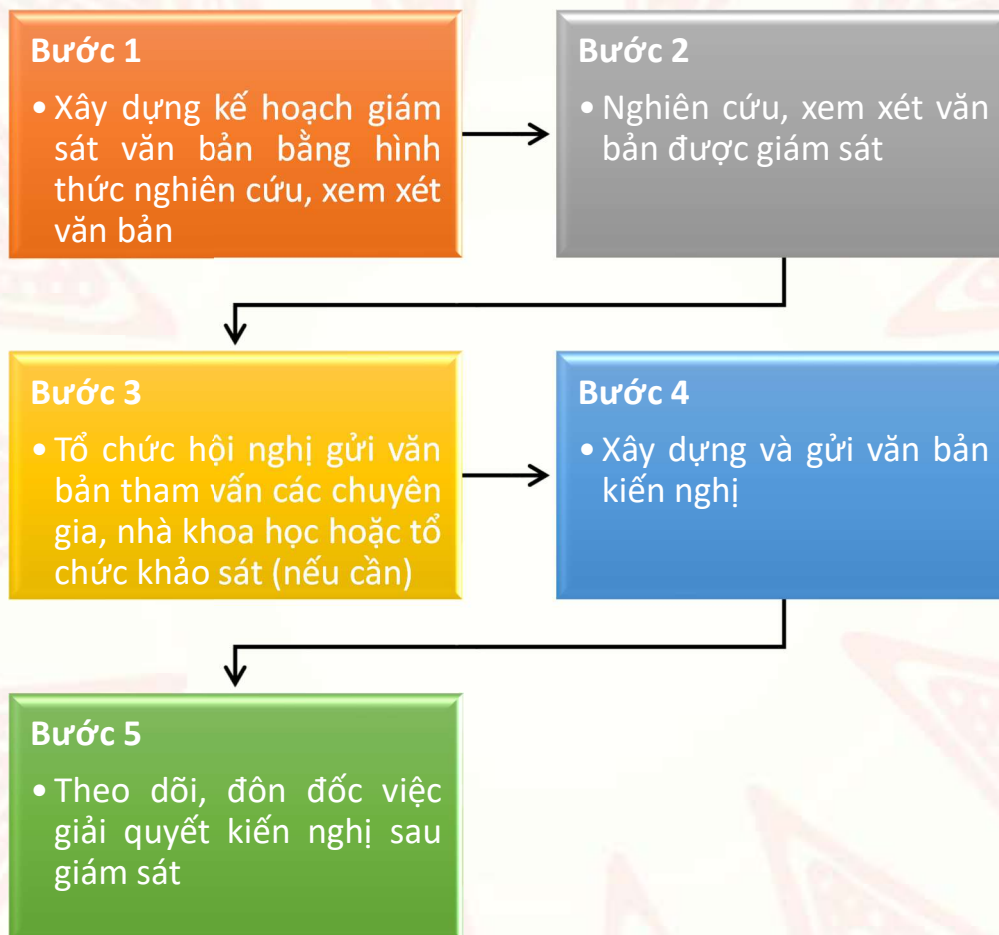
- Văn bản quy phạm pháp luật;
- Quyết định hành chính;
- Bản án;
- Quyết định, kết luận, cáo trạng trong hoạt động tố tụng;
- Các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình kinh tế - xã hội;
- Dự án, đề án của cơ quan nhà nước...

Tùy quy mô, tính chất của hoạt động giám sát, Ban Thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam hoặc lãnh đạo các tổ chức chính trị - xã hội xây dựng kế hoạch thực hiện.

- Để bảo đảm hiệu quả giám sát văn bản, Ban Thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam hoặc lãnh đạo các tổ chức chính trị - xã hội phân công các ban, đơn vị và cá nhân thuộc cơ quan, tổ chức mình thường xuyên theo dõi, nghiên cứu, xem xét các văn bản do các cơ quan có thẩm quyền cùng cấp ban hành có nội dung liên quan đến quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của Nhân dân. Nếu phát hiện có dấu hiệu vi phạm pháp luật, gây thiệt hại đến quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của Nhân dân, thì ban, đơn vị, cá nhân được phân công có trách nhiệm báo cáo, đề xuất Ban Thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam hoặc lãnh đạo các tổ chức chính trị - xã hội quyết định việc giám sát văn bản đó.

2. Quy trình giám sát:

* Sơ đồ hóa quy trình giám sát:



2.1. Bước 1: Xây dựng Kế hoạch giám sát văn bản bằng hình thức nghiên cứu, xem xét văn bản

Khi phát hiện văn bản có dấu hiệu vi phạm pháp luật, gây thiệt hại đến quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của Nhân dân, thì ban, đơn vị, cá nhân được phân công có trách nhiệm báo cáo, đề xuất Ban Thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam hoặc lãnh đạo các tổ chức chính trị - xã hội quyết định việc giám sát văn bản đó.

Kế hoạch giám sát phải nêu được: mục đích, yêu cầu giám sát; Nội dung và thời gian giám sát (trong đó nội dung giám sát cần nêu cụ thể các bước tiến hành hoạt động giám sát bằng hình thức nghiên cứu, xem xét văn bản) và cuối cùng là tổ chức thực hiện.

2.2. Bước 2: Nghiên cứu, xem xét văn bản được giám sát

- Ban Thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam, lãnh đạo các tổ chức chính trị - xã hội các cấp phân công một đồng chí lãnh đạo phụ trách trực tiếp chỉ đạo việc nghiên cứu, xem xét văn bản và giao các ban, đơn vị chuyên môn, cá nhân tham mưu thực hiện.

Ban, đơn vị chuyên môn cần nghiên cứu kỹ văn bản được giám sát, lựa chọn, nghiên cứu các văn bản có liên quan đến văn bản được giám sát, đồng thời so sánh sự tương thích, đồng bộ của văn bản được giám sát và các văn bản có liên quan để tìm ra những bất cập cần sửa đổi bổ sung.

Trường hợp cần thiết, Ban Thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam, lãnh đạo các tổ chức chính trị - xã hội các cấp tổ chức hội nghị hoặc gửi lấy ý kiến tham vấn của các chuyên gia, nhà khoa học hoặc tổ chức hoạt động khảo sát đến các đối tượng chịu tác động của văn bản để thu thập thông tin, xem xét, nghiên cứu tác động của văn bản đối với xã hội.

2.3. Bước 3: Tổ chức hội nghị hoặc gửi văn bản tham vấn các chuyên gia, nhà khoa học

- Trình tự nghiên cứu, xem xét văn bản được thực hiện theo quy định tại Điều 5 của Nghị quyết liên tịch số 403 gồm các trình tự sau đây:

- a) Đại diện lãnh đạo Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội trình bày ý kiến nghiên cứu về văn bản;
- b) Đại diện cơ quan, tổ chức có văn bản được giám sát trình bày ý kiến;
- c) Đại diện cơ quan, tổ chức, cá nhân được mời tham dự hội nghị phát biểu ý kiến;
- d) Đại diện Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, lãnh đạo tổ chức chính trị - xã hội chủ trì hội nghị kết luận.

Trong quá trình nghiên cứu, xem xét văn bản, Ban Thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam, lãnh đạo các tổ chức chính trị - xã hội các cấp có thể yêu cầu cơ quan, tổ chức ban hành văn bản có báo cáo, giải trình, cung cấp thông tin, tài liệu về những vấn đề liên quan đến nội dung của văn bản được giám sát.

- Việc gửi văn bản lấy ý kiến tham vấn của các chuyên gia, nhà khoa học được thực hiện theo trình tự sau đây:

- a) Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội gửi văn bản được giám sát đến các chuyên gia, nhà khoa học trong các lĩnh vực liên quan đến nội dung của văn bản được giám sát;

b) Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội tập hợp, tổng hợp ý kiến đóng góp và xây dựng văn bản kiến nghị đối với nội dung của văn bản được giám sát.

2.4. Bước 4: Xây dựng và gửi văn bản kiến nghị

- Khi phát hiện văn bản được giám sát chưa phù hợp với Hiến pháp hoặc có dấu hiệu vi phạm pháp luật, chưa phù hợp với thực tiễn đời sống, gây thiệt hại đến lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của Nhân dân, Ủy ban MTTQ Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội chủ trì giám sát có văn bản kiến nghị gửi cơ quan có thẩm quyền xem xét giải quyết, sửa đổi, bổ sung hoặc đình chỉ thi hành.

- Ban Thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam, lãnh đạo các tổ chức chính trị - xã hội gửi văn bản kiến nghị sau giám sát đến cơ quan có thẩm quyền.

Tại văn bản gửi cơ quan, tổ chức có văn bản được giám sát cần xác định thời hạn yêu cầu trả lời (15 ngày kể từ ngày cơ quan, tổ chức có văn bản được giám sát nhận được văn bản).

2.5. Bước 5: Theo dõi, đôn đốc việc giải quyết kiến nghị sau giám sát

- Cơ quan ban hành văn bản được giám sát xem xét, nghiên cứu, tiếp thu và phản hồi các kiến nghị của Ủy ban MTTQ Việt Nam và các tổ chức chính trị- xã hội.

Hết thời hạn mà cơ quan, tổ chức có văn bản được giám sát chưa trả lời, Ban Thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam, lãnh đạo tổ chức chính trị- xã hội cấp chủ trì giám sát có văn bản đôn đốc cơ quan ban hành văn bản được giám sát trả lời.

- Trường hợp cơ quan, tổ chức ban hành văn bản được giám sát không trả lời hoặc không đồng ý với nội dung văn bản kiến nghị, Ban Thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam, lãnh đạo tổ chức chính trị - xã hội chủ trì giám sát gửi văn bản kiến nghị lên cấp trên trực tiếp của cơ quan ban hành văn bản được giám sát đề nghị chỉ đạo việc xem xét, giải quyết.

* Trường hợp ý kiến giữa cơ quan, tổ chức ban hành văn bản được giám sát và cơ quan chủ trì giám sát không thống nhất, thì hai bên có thể tổ chức đối thoại để làm rõ.

Hội nghị đối thoại có thể được thực hiện theo các bước sau tham khảo sau:

- Đại diện Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội chủ trì hội nghị đối thoại nêu rõ sự cần thiết, ý nghĩa, mục đích của việc giám sát văn bản và trình bày văn bản kiến nghị sau giám sát.

- Đại diện cơ quan, tổ chức có văn bản được giám sát nêu ý kiến, đồng tình hay không đồng tình; lý do không đồng tình với văn bản kiến nghị.

- Đại biểu được mời dự hội nghị đối thoại nêu câu hỏi, đặt vấn đề cần làm rõ, thể hiện quan điểm, ý kiến về nội dung văn bản kiến nghị sau giám sát.

- Đại diện cơ quan, tổ chức có văn bản được giám sát trình bày bổ sung, giải trình làm rõ những vấn đề liên quan đến nội dung văn bản được giám sát và văn bản kiến nghị của MTTQ Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội.

- Đại diện Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội kết luận.

Trên cơ sở kết quả của hội nghị đối thoại, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội xây dựng văn bản sau giám sát (có thể giữ nguyên văn bản đã ban hành hoặc sửa đổi, bổ sung (nếu có)) gửi cơ quan, tổ chức có văn bản được giám sát và cơ quan, tổ chức có liên quan.

3. Kỹ năng xây dựng báo cáo giám sát; văn bản kiến nghị sau giám sát văn bản

Kỹ năng xây dựng báo cáo giám sát bằng việc nghiên cứu, xem xét văn bản là khả năng của MTTQ Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội trong việc vận dụng những kiến thức, hiểu biết và năng lực của mình để nghiên cứu, xem xét văn bản có liên quan trực tiếp đến quyền và lợi ích của tổ chức, cá nhân (như văn bản có phù hợp với Hiến pháp, luật; có dấu hiệu vi phạm pháp luật hay không; đã phù hợp với thực tiễn đời sống hay chưa; có gây thiệt hại đến lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của nhân dân?; với thực tiễn xã hội; tác động như thế nào đến tổ chức, cá nhân khi thực hiện trên thực tế...).

Kỹ năng giám sát của MTTQ Việt Nam và các tổ chức chính trị khi nghiên cứu, xem xét văn bản được thể hiện qua các kỹ năng cụ thể trong quá trình tổ chức, thực hiện hoạt động giám sát bằng hình thức nghiên cứu, xem xét, văn bản; từ khâu xác định nội dung, vấn đề cần giám sát; xác định và thực hiện hình thức, quy trình, thủ tục tiến hành giám sát; cách thức xây dựng Báo cáo kết quả giám sát, văn bản kiến nghị sau giám sát và việc theo dõi, đôn đốc xử lý, thực hiện kiến nghị sau giám sát...

Báo cáo giám sát; văn bản kiến nghị phải chỉ rõ những vấn đề của văn bản được giám sát chưa phù hợp với Hiến pháp hoặc có dấu hiệu vi phạm pháp luật, chưa phù hợp với thực tiễn đời sống, gây thiệt hại đến lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của Nhân dân, kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xem xét giải quyết, sửa đổi, bổ sung hoặc đình chỉ thi hành.

III. MỘT SỐ LƯU Ý KHI TỔ CHỨC GIÁM SÁT THÔNG QUA VIỆC NGHIÊN CỨU XEM XÉT VĂN BẢN

1. Cách thức lựa chọn văn bản được giám sát

Cần tập trung giám sát các văn bản liên quan trực tiếp đến quyền và trách nhiệm của MTTQ Việt Nam, quyền lợi hợp pháp chính đáng của nhân dân trong đó tập trung giám sát việc tuân thủ tính hợp hiến, hợp pháp, thống nhất của hệ thống pháp luật; bám sát thực tiễn và các yêu cầu về đại diện, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của nhân dân để tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, kiến nghị các giải pháp khắc phục các vấn đề tồn tại, hạn chế, ảnh hưởng đến quyền lợi của người dân trong quá trình thực hiện văn bản.

Trong quá trình giám sát, khi phát hiện văn bản chưa bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp, tính thống nhất của hệ thống pháp luật; nội dung bất cập, không còn phù hợp, tác động tiêu cực đến quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của công dân thì cần kịp thời đề nghị báo cáo, cung cấp thông tin, trao đổi, đối thoại với đối tượng chịu sự giám sát để đi đến kết luận rõ ràng và có biện pháp xử lý hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền xử lý dứt điểm theo quy định; kết quả giám sát bằng việc nghiên cứu, xem xét văn bản phải làm rõ các nội dung có hạn chế, vướng mắc và nguyên nhân của hạn chế, vướng mắc trong văn bản.

2. Cách thức tổ chức khảo sát thực tiễn triển khai thực hiện

Khảo sát thực tiễn phải có kế hoạch rõ ràng trong đó nêu rõ mục đích, yêu cầu, nội dung và địa điểm, thời gian khảo sát.

Việc khảo sát phải đúng, trúng với đối tượng bị tác động của văn bản; từ đó tìm ra nguyên nhân, vướng mắc trong quy định của văn bản được giám sát để đề xuất sửa đổi, bổ sung.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Hiến pháp năm 2013.
2. Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam năm 2015.
3. Quyết định số 217-QĐ/TW, ngày 12/12/2013 của Bộ Chính trị.
4. Nghị quyết liên tịch số 403/2017/NQLT-UBTVQH14-CP-ĐCTUBTWMTTQVN, ngày 15/6/2017 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ và Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Quy định chi tiết các hình thức giám sát, phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.
5. Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2020
6. Luật hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân.
7. Nghị quyết số 560/NQ-UBTVQH15 về Hướng dẫn việc tổ chức thực hiện hoạt động giám sát văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội.
8. Thông tri số 23/TTr-MTTW-BTT, ngày 21/7/2017 của Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam về hướng dẫn quá trình giám sát và quy trình phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

Chuyên đề 4

KỸ NĂNG GIÁM SÁT CÁN BỘ, ĐẢNG VIÊN CỦA MẶT TRẬN TỔ QUỐC VIỆT NAM

I. MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG

1. Khái niệm

1.1. Khái niệm giám sát của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam là việc Ủy ban Mặt trận Tổ quốc (MTTQ) Việt Nam các cấp theo dõi, xem xét; đánh giá, kiến nghị đối với hoạt động của cơ quan, tổ chức, đại biểu dân cử, cán bộ, công chức, viên chức trong thực hiện chính sách, pháp luật của Nhà nước.

1.2. Giám sát cán bộ, đảng viên là giám sát của MTTQ Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội và Nhân dân đối với việc thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước; các biểu hiện suy thoái về đạo đức, lối sống; việc thực hiện chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp của người đứng đầu, cán bộ chủ chốt, cán bộ, đảng viên, đại biểu dân cử (sau đây gọi chung là cán bộ, đảng viên).

Hoạt động giám sát cán bộ, đảng viên nhằm kịp thời phát hiện, chỉ ra những tồn tại, hạn chế, khó khăn vướng mắc và nguyên nhân; làm rõ trách nhiệm của cá nhân, tổ chức trong tổ chức thực hiện các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước nhất là vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu cấp ủy, chính quyền các cấp từ sớm, từ xa, từ cơ sở, giúp mỗi cán bộ, đảng viên tự soi, tự sửa; giúp phòng ngừa, chấn chỉnh cán bộ, đảng viên có biểu hiện suy thoái về đạo đức, lối sống; tinh thần, trách nhiệm nêu gương; trách nhiệm thực thi công vụ. Qua đó, đề xuất, kiến nghị các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan khắc phục những tồn tại, hạn chế, đồng thời, xử lý cán bộ, đảng viên vi phạm, đưa ra khỏi tổ chức những cán bộ, đảng viên thoái hóa, biến chất (nếu có). Đồng thời, qua giám sát của MTTQ Việt Nam kịp thời phát hiện, biểu dương những nhân tố mới, các điển hình tiên tiến và những mặt tích cực; phát huy quyền làm chủ của Nhân dân, góp phần xây dựng Đảng, xây dựng Nhà nước trong sạch, vững mạnh.

2. Cơ sở chính trị, cơ sở pháp lý

Thời gian qua, Đảng và Nhà nước đặc biệt quan tâm đến hoạt động giám sát của MTTQ Việt Nam, đã ban hành nhiều văn bản chỉ đạo, quy định, hướng dẫn cụ thể để triển khai hoạt động giám sát của MTTQ Việt Nam. Có thể nói Hoạt động giám sát của MTTQ Việt Nam nói chung; giám sát cán bộ, đảng viên (CBDV) nói riêng tuy chưa được Luật hóa nhiều như hoạt động giám sát của Cơ quan dân cử nhưng đã có cơ sở chính trị, cơ sở pháp lý để MTTQ Việt Nam thực hiện giám sát cán bộ, đảng viên, góp phần tham gia xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền.

2.1. Cơ sở chính trị

- Quyết định số 217-QĐ/TW, ngày 12/12/2013 của Bộ Chính trị “Về việc ban hành Quy chế giám sát và phản biện xã hội của MTTQ Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội”;

- Quy định số 124-QĐ/TW, ngày 02/02/2018 của Ban Bí thư về giám sát Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội và Nhân dân đối với việc tu dưỡng, rèn luyện đạo đức, lối sống của người đứng đầu, cán bộ chủ chốt và cán bộ, đảng viên;

- Quy định 69-QĐ/TW Ngày 06/7/2022 của Bộ Chính trị Quy định về kỷ luật tổ chức đảng, đảng viên vi phạm (*Điều 14*);

- Chỉ thị số 18-CT/TW ngày 26/10/2022 của Ban Bí thư Trung ương Đảng “Về phát huy vai trò, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác giám sát, phản biện xã hội của MTTQ Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội”

2.2 Cơ sở pháp lý

- Hiến pháp Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam năm 2013 đã ghi nhận và khẳng định rất rõ vai trò của MTTQ Việt Nam trong thực hiện công tác giám sát, phản biện xã hội. Đồng thời quy định: “*Đảng Cộng sản Việt Nam gắn bó mật thiết với Nhân dân, phục vụ Nhân dân, chịu sự giám sát của Nhân dân*”; “*Các cơ quan nhà nước, cán bộ, công chức, viên chức... chịu sự giám sát của Nhân dân*”.

- Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam năm 2015;

- Nghị quyết Liên tịch số 403/2017/NQLT-UBTVQH14-CP-ĐCTUBTWMTTQVN, ngày 15/6/2017 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ và Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương MTTQ Việt Nam quy định chi tiết các hình thức giám sát, phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;

- Thông tri số 23/TTr-MTTW-BTT, ngày 21/7/2017 của Ủy ban Trung ương MTTQ Việt Nam về hướng dẫn quy trình giám sát và quy trình phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;

- Thông tri số 10/TT-MTTW-BTT, ngày 22/9/2020 của Ban Thường trực Ủy ban Trung ương MTTQ Việt Nam về hướng dẫn Ủy ban MTTQ Việt Nam các cấp thực hiện giám sát cán bộ, đảng viên và công tác cán bộ.

3. Phạm vi, đối tượng giám sát

Phạm vi giám sát: giám sát người đứng đầu, cán bộ chủ chốt, cán bộ đảng viên thuộc phạm vi quản lý của cấp ủy cùng cấp ở nơi làm việc; giám sát cán bộ, đảng viên sinh hoạt, cư trú trên địa bàn khu dân cư. Trường hợp phát hiện cán bộ, đảng viên không thuộc cấp ủy cùng cấp quản lý có biểu hiện suy thoái về đạo đức, lối sống thì chủ thể giám sát báo cáo, phản ánh với cấp ủy có thẩm quyền quản lý cán bộ cán bộ, đảng viên.

4. Nguyên tắc giám sát

- Bảo đảm sự lãnh đạo của cấp ủy, tổ chức đảng; phù hợp với Hiến pháp, pháp luật, Điều lệ MTTQ Việt Nam và Điều lệ của các tổ chức chính trị - xã hội.

- Phối hợp chặt chẽ giữa Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội với các cơ quan, tổ chức có liên quan; không làm cản trở hoặc ảnh hưởng đến công việc, sinh hoạt của tổ chức, cá nhân, gia đình người đứng đầu, cán bộ chủ chốt và cán bộ, đảng viên được giám sát.

- Giám sát trên tinh thần xây dựng, bảo đảm dân chủ, công khai, khách quan, minh bạch; tránh nể nang, né tránh hoặc để bị lợi dụng, mua chuộc.

5. Chủ thể giám sát

- Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội từ Trung ương đến cơ sở.
- Nhân dân thực hiện quyền giám sát thông qua Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội; phản ánh, kiến nghị đến cấp ủy, tổ chức đảng, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội và cơ quan có thẩm quyền về những biểu hiện suy thoái về đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên.

6. Nội dung giám sát

Nội dung giám sát Cán bộ, đảng viên gồm 02 nội dung chính: (1) giám sát cán bộ, đảng viên; (2) giám sát công tác cán bộ (*đối với người đứng đầu cấp ủy, chính quyền*). Các nội dung giám sát cụ thể cần được lượng hóa theo các quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước để dễ kiểm đếm, đánh giá; tránh xây dựng chung chung, định tính. Tập trung các nội dung cụ thể sau:

6.1. Đối với cán bộ, đảng viên

(1) Việc tu dưỡng rèn luyện đạo đức lối sống và trách nhiệm nêu gương

- Việc thực hiện tu dưỡng, rèn luyện đạo đức, lối sống được xác định trong Nghị quyết Trung ương 4, khóa XII về tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng; vai trò, trách nhiệm, nêu gương quy tắc ứng xử của người đứng đầu, cán bộ lãnh đạo (*theo Quy định số 101-QĐ/TW ngày 7/6/2012 của Ban Bí thư Trung ương Đảng; Quy định số 55-QĐ/TW ngày 19/12/2016 của Bộ Chính trị và Quy định số 08-QĐi/TW, ngày 25/10/2018 của Ban Chấp hành Trung ương*)

- Tham gia học tập, nghiên cứu viết bài thu hoạch về các Nghị quyết, Chỉ thị của Đảng, Nhà nước.

- Việc đăng ký và Kết quả học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh (*theo Chỉ thị số 05-CT/TW ngày 15/5/2016 và Kết luận số 01-KL/TW ngày 18/5/2021 của Bộ Chính trị*)

- Việc thực hiện quy định về 19 điều đảng viên không được làm (*theo Quy định số 47-QĐ/TW ngày 01/11/2011 và Quy định số 37-QĐ/TW ngày 29/11/2021 của Ban Chấp hành Trung ương*)

(2) Việc tham gia sinh hoạt Chi bộ tại nơi công tác và nơi cư trú theo quy định của Trung ương và địa phương

- Tham gia sinh hoạt Chi bộ nơi công tác theo Hướng dẫn số 12-HD/BTCTW, ngày 06 tháng 7 năm 2018 của Ban Tổ chức Trung ương Đảng.

- Thực hiện dự sinh hoạt Chi bộ tại địa bàn tổ chức Đảng được phân công, theo dõi, phụ trách theo quy định của địa phương, đơn vị (nếu có).

- Thực hiện sinh hoạt Chi bộ và chấp hành các quy định của địa phương, các quy ước, hương ước nơi cư trú theo Điều 2, Quy định số 213-QĐ/TW, ngày 02/01/2020 của Bộ Chính trị.

(3) Việc thực hiện chuẩn mực đạo đức công vụ và đạo đức nghề nghiệp, trách nhiệm thực thi công vụ

- Việc triển khai và kết quả thực hiện của cá nhân, nhất là vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu, cán bộ lãnh đạo trong việc chấp hành và thực hiện các quy định pháp luật, quy chế, quy định của Cơ quan, đơn vị.

- Trách nhiệm và kết quả thực thi công vụ của cá nhân theo chức trách, nhiệm vụ được giao.

6.2. Công tác cán bộ (đối tượng giám sát là người đứng đầu cấp ủy, chính quyền)

(1) Công tác lãnh đạo, chỉ đạo và ban hành các văn bản chỉ đạo, điều hành theo thẩm quyền tại nơi làm việc liên quan các nội dung giám sát: Việc tổ chức quán triệt, học tập, hướng dẫn triển khai thực hiện Nghị quyết, Chỉ thị Đảng; xây dựng, ban hành các quy chế, quy định, quy trình công tác, tiêu chuẩn đạo đức công vụ và đạo đức nghề nghiệp, văn hóa công sở...; Công tác kiểm tra, thanh tra, giám sát của cơ quan, đơn vị...

(2) Việc thực hiện các quy định về công tác cán bộ

- Thực hiện các quy định pháp luật về tổ chức bộ máy, biên chế

- Việc thực hiện các quy định về công tác tuyển dụng, quản lý, sử dụng công chức, viên chức, lao động hợp đồng.

- Việc thực hiện chuyên đổi vị trí công tác của cán bộ, công chức, người lao động theo Luật phòng chống tham nhũng và Nghị định số 59/2019/NĐ-CP, ngày 01/7/2019 của Chính Phủ.

- Việc thực hiện các quy định về công tác cán bộ, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại chức vụ cán bộ quản lý.

(3) Công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, tiêu cực tại cơ quan, đơn vị:

- Việc triển khai thực hiện Luật Thực hành tiết kiệm chống lãng phí theo quy định tại Điều 7 và Khoản 3, Điều 13; Khoản 2, Điều 25 Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí số 44/2013/QH13 ngày 26/11/2013, gồm:

+ Xây dựng chương trình, kế hoạch thực hiện tiết kiệm, chống lãng phí hằng năm;

+ Xây dựng và công khai định mức, tiêu chuẩn, chế độ, quy chế chi tiêu nội bộ;

+ Công tác sơ, tổng kết đánh giá và kết quả thực hiện, số kinh phí tiết kiệm.

- Việc thực hiện các quy định về kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị theo Nghị định số 130/2020/NĐ-CP, ngày 30/10/2020 của Chính phủ và việc công khai, minh bạch tài sản, thu nhập của người đứng đầu, cán bộ lãnh đạo; việc thực hiện kiểm tra, xác minh, đánh giá tính trung thực của việc kê khai tài sản, thu nhập của người có chức vụ, lãnh đạo; việc xử lý những cán bộ, lãnh đạo chậm và không trung thực trong việc kê khai tài sản, thu nhập theo quy định tại cơ quan, đơn vị (nếu có).

(4) Việc chấp hành pháp luật về tiếp công dân; giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh

- Việc triển khai thực hiện pháp luật về công tác Tiếp công dân của Cơ quan, đơn vị: Ban hành nội quy, quy chế tiếp công dân; bố trí địa điểm tiếp công dân; cán bộ làm công tác tiếp công dân (*phân công, chi trả chế độ, chuyển đổi vị trí công tác*)...

- Kết quả tiếp công dân của cơ quan, đơn vị; người đứng đầu

- Kết quả giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh (*thuộc thẩm quyền hoặc được các cơ quan có thẩm quyền giao*)

(5) Giám sát việc thực hiện kết luận sau thanh tra, kiểm tra, giám sát của cấp có thẩm quyền và việc triển khai thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra nội bộ

6.3. Đối với đại biểu dân cử (HĐND các cấp)

Ngoài giám sát việc tu dưỡng, rèn luyện đạo đức, lối sống và trách nhiệm nêu gương của đại biểu tại nơi làm việc và nơi cư trú, đối với đại biểu dân cử cần giám sát các nội dung cụ thể sau:

- Trách nhiệm của đại biểu tham gia hoạt động của đại biểu theo Luật Tổ chức chính quyền địa phương, Nghị quyết 759/2014/UBTVQH13 của Ủy ban Thường Vụ Quốc hội và các quy định của HĐND:

+ *Tham dự các Kỳ họp HĐND (chuẩn bị nội dung, ý kiến phát biểu tham luận tại Hội trường, tại tổ thảo luận; ý kiến tham gia chất vấn...);*

+ *Thực hiện trách nhiệm Tiếp xúc cử tri, tiếp công dân, giám sát việc giải quyết KNCT và đơn thư;*

+ *Tham gia hoạt động của các Ban HĐND (đối với các đại biểu là thành viên các Ban và các hoạt động khác theo đề nghị của Ban, Thường trực HĐND).*

- Kết quả thực hiện Chương trình hành động của Đại biểu và báo cáo cử tri nơi ứng cử theo quy định.

- Việc triển khai thực hiện trách nhiệm của Tổ trưởng Tổ đại biểu; Ban HĐND; Thường trực HĐND theo quy định.

7. Hình thức giám sát

Kết hợp các hình thức giám sát của MTTQ theo Nghị quyết liên tịch số 403/2017/NQLT-UBTVQH14-CP-ĐCTUBTWMTTQVN ngày 15/6/2017, cụ thể:

7.1. Nghiên cứu, xem xét qua báo cáo

- Các thành viên Đoàn giám sát nghiên cứu, tổng hợp các báo cáo và tài liệu có liên quan đến đối tượng là cán bộ, đảng viên được giám sát.

- Trên cơ sở nghiên cứu báo cáo và các tài liệu liên quan, các thành viên Đoàn giám sát đề xuất những nội dung cần làm rõ và các đối tượng cán bộ, đảng viên, cán bộ chủ chốt... cần giám sát trực tiếp.

7.2. Tiếp nhận thông tin từ các kênh khác

- Thông qua quá trình tìm hiểu, giao tiếp với cán bộ, đảng viên; qua các hoạt động của MTTQ Việt Nam, đoàn thể, hội nghị, diễn đàn, tiếp xúc, trao đổi, đối thoại, phiếu khảo sát, qua hòm thư góp ý...

- Tiếp nhận thông tin qua kiến nghị của các cơ quan, tổ chức; khiếu nại, tố cáo, phản ánh của cá nhân, đoàn viên, hội viên và Nhân dân; qua phản ánh của người có uy tín trong cộng đồng dân cư, dư luận xã hội, cơ quan truyền thông đại chúng.

- Thông qua hoạt động của Ban công tác Mặt trận ở khu dân cư; Ban Thanh tra nhân dân ở xã, phường, thị trấn và Ban Thanh tra nhân dân ở cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp nhà nước.

7.3. Tổ chức Đoàn giám sát

Thành lập Đoàn giám sát do Ban Thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam cấp chủ trì giám sát, các thành viên tham gia gồm đại diện Công đoàn các tổ chức chính trị - xã hội, Hội đồng tư vấn (ban tư vấn, tổ tư vấn), chuyên gia, nhà khoa học, người hoạt động thực tiễn; đại diện một số ban của Đảng (*Ủy ban Kiểm tra, Ban Tổ chức, ...*); một số cơ quan chuyên môn liên quan đến nội dung giám sát...

8. Quy trình giám sát cán bộ, đảng viên được sơ đồ hóa như sau:



8.1. Xây dựng, ban hành kế hoạch, Đề cương (kèm biểu mẫu) giám sát

a) Kế hoạch giám sát: Gồm các nội dung sau:

- Mục đích, yêu cầu giám sát;
- Đối tượng, nội dung, phạm vi giám sát;
- Thành phần đoàn giám sát;
- Thời gian, địa điểm giám sát;
- Phân công trách nhiệm thành viên đoàn giám sát;
- Các điều kiện bảo đảm.

b) Đề cương (kèm biểu mẫu) giám sát

Căn cứ nội dung, phạm vi giám sát, lựa chọn nội dung xây dựng Đề cương (kèm biểu mẫu) giám sát. Đề cương giám sát cần cụ thể, rõ ràng, phải được lượng hóa để dễ kiểm đếm, đánh giá (*tránh việc xây dựng nội dung giám sát chung chung, định tính*)

8.2. Tổ chức giám sát

8.2.1. Ban hành, thông báo Quyết định thành lập đoàn giám sát

1. Căn cứ kế hoạch tổ chức đoàn giám sát, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam ban hành quyết định thành lập đoàn giám sát.

2. Trưởng đoàn giám sát thông báo kế hoạch; tổ chức nghiên cứu, thu thập thông tin có liên quan đến nội dung giám sát; gửi báo cáo của cơ quan, tổ chức, cá nhân được giám sát, tài liệu có liên quan đến thành viên đoàn giám sát để nghiên cứu.

3. Kế hoạch giám sát, quyết định thành lập đoàn giám sát, nội dung yêu cầu báo cáo gửi đến cơ quan, tổ chức, cá nhân được giám sát chậm nhất là 15 ngày trước ngày đoàn giám sát làm việc với cơ quan, tổ chức đó.

Chậm nhất là 07 ngày trước ngày đoàn giám sát làm việc, cơ quan, tổ chức, cá nhân được giám sát phải gửi báo cáo, tài liệu có liên quan đến đoàn giám sát.

8.2.3. Trình tự Tổ chức giám sát

a) Nghiên cứu Báo cáo

Các thành viên Đoàn giám sát thu thập tài liệu, nghiên cứu báo cáo của các cá nhân được giám sát, đề xuất những nội dung cần làm rõ và các đối tượng cần giám sát trực tiếp để Đoàn giám sát thống nhất trước khi đi khảo sát thực tế tại cơ sở.

b) Khảo sát thực tế (nơi làm việc và nơi cư trú) nhằm xác minh làm rõ các nội dung báo cáo của cán bộ, đảng viên được giám sát theo quy trình:

- Đoàn giám sát thông báo kế hoạch, quyết định thành lập đoàn giám sát; nêu mục đích, yêu cầu, nội dung, phương thức và chương trình làm việc của đoàn giám sát;
- Tổ chức, cá nhân được giám sát cung cấp tài liệu Đoàn giám sát yêu cầu;

- Đoàn giám sát thu thập, xác minh nội dung Đoàn giám sát quan tâm;
- Ký Biên bản làm việc giữa Đoàn giám sát với Cơ quan, đơn vị liên quan về các nội dung xác minh;
- Trên cơ sở nghiên cứu Báo cáo, tiếp nhận thông tin từ các nguồn khác và kết quả khảo sát xác minh thông tin tại nơi làm việc và nơi cư trú (*căn cứ Biên bản làm việc*), Đoàn giám sát dự thảo Thông báo Kết luận kết quả, tồn tại hạn chế đối với từng cán bộ, đảng viên được giám sát.

b) Tổ chức làm việc với cá nhân được giám sát

- Trưởng đoàn giám sát thông báo kế hoạch, quyết định thành lập đoàn giám sát; nêu mục đích, yêu cầu, nội dung, phương thức và chương trình làm việc của đoàn giám sát;
- Tổ chức, cá nhân được giám sát báo cáo về những nội dung theo yêu cầu của đoàn giám sát;
- Đoàn giám sát báo cáo dự thảo kết luận giám sát; các thành viên đoàn giám sát phát biểu ý kiến và có thể yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân được giám sát giải trình, cung cấp thêm thông tin, tài liệu có liên quan để làm rõ nội dung giám sát;
- Đại diện cơ quan, tổ chức, cá nhân được giám sát báo cáo bổ sung, giải trình làm rõ ý kiến của các thành viên đoàn giám sát, nêu kiến nghị với đoàn giám sát (*nếu có*);
- Trưởng đoàn giám sát kết luận.

8.4. Báo cáo Kết quả giám sát và kiến nghị sau giám sát

1. Chậm nhất là 15 ngày kể từ ngày kết thúc cuộc làm việc với cơ quan, tổ chức, cá nhân được giám sát, Trưởng đoàn giám sát có báo cáo kết quả giám sát gửi Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam chủ trì giám sát.
2. Khi cần thiết, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam chủ trì giám sát tổ chức hội nghị, hội thảo để xem xét báo cáo của Đoàn giám sát.
3. Căn cứ kết quả giám sát, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam chủ trì giám sát kết luận về nội dung giám sát và có văn bản kiến nghị gửi cơ quan, tổ chức, cá nhân được giám sát, cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền, đồng thời gửi Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp trên trực tiếp.

9. Phân biệt giữa hoạt động giám sát cán bộ, đảng viên của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam với hoạt động kiểm tra, giám sát của Đảng

9.1. Giống nhau:

- *Về đối tượng giám sát:* Giám sát của MTTQ Việt Nam và Kiểm tra, giám sát của Đảng đều có chung **đối tượng** giám sát là đảng viên.
- *Về mục đích giám sát:* đều là thực hiện việc theo dõi, xem xét, đánh giá cán bộ, đảng viên về việc tuân thủ quy định của Đảng, Hiến pháp và Pháp luật của Nhà nước trong thực thi nhiệm vụ, quyền hạn của mình; kịp thời phát hiện, kiến nghị, phòng ngừa, ngăn chặn vi phạm từ sớm, từ xa, từ cơ sở để giúp đối tượng giám sát thực hiện đúng chủ

trương, đường lối của Đảng; chính sách, pháp luật của Nhà nước cũng như kiến nghị sửa đổi bổ sung hoàn thiện hệ thống pháp luật; góp phần xây dựng Đảng, Nhà nước trong sạch, vững mạnh, tạo niềm tin của Nhân dân đối với Đảng, Nhà nước.

9.2. Khác nhau về phạm vi, tính chất, chủ thể thực hiện

- Phạm vi giám sát:

+ Giám sát của MTTQ Việt Nam rộng hơn, ngoài giám sát cán bộ, đảng viên MTTQ còn giám sát là đại biểu dân cử.

+ Kiểm tra, giám sát đảng: là đảng viên, tổ chức cơ sở Đảng.

- Về tính chất:

+ Giám sát của MTTQ mang tính xã hội, tính nhân dân nên tính kiến nghị, đề xuất. Giám sát của MTTQ xuất phát từ yêu cầu, nguyện vọng của Nhân dân, những vấn đề người dân quan tâm, hoạt động giám sát do MTTQ Việt Nam chủ trì thực hiện, có sự tham gia của Nhân dân, các tổ chức thành viên của Mặt trận;

+ Kiểm tra, giám của Đảng mang tính quyền lực (của Đảng) nên tính bắt buộc thi hành. Hoạt động giám sát, kiểm tra xuất phát từ yêu cầu quản lý theo quy định của Đảng và pháp luật của Nhà nước. Đặc biệt là công tác Kiểm tra của Đảng là để làm rõ đúng, sai và được tiến hành theo quy trình quy định rất chặt chẽ (*Gồm: thăm tra, xác minh, Thông báo kết quả kiểm tra, xem xét thi hành kỷ luật- nếu có*), Trong đó, Đảng luôn coi trọng việc thăm tra, xác minh; kết thúc cuộc kiểm tra ban hành Kết luận, đánh giá, nhận xét ưu điểm, khuyết điểm, vi phạm và xử lý hoặc kiến nghị xử lý kỷ luật tổ chức đảng và đảng viên (nếu có). Kết luận kiểm tra của Đảng là yêu cầu bắt buộc, các tổ chức Đảng và Cán bộ, Đảng viên phải nghiêm túc thực hiện các Kết luận sau kiểm tra, giám sát của Đảng.

- Về chủ thể thực hiện:

+ Hoạt động giám sát của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam do MTTQ Việt Nam chủ trì thực hiện, có sự tham gia của Nhân dân, các tổ chức thành viên của Mặt trận.

+ Hoạt động kiểm tra, giám sát của Đảng do cơ quan, tổ chức của Đảng thực hiện.

III. KỸ NĂNG GIÁM SÁT CÁN BỘ, ĐẢNG VIÊN

1. Xây dựng Chương trình, Kế hoạch giám sát hằng năm

Giám sát của MTTQ Việt Nam mang tính Nhân dân, tính bắt buộc không cao nên cần có sự lãnh đạo chỉ đạo của cấp ủy, sự phối hợp của Chính quyền trong chỉ đạo triển khai thực hiện. Vì vậy, Mặt trận Tổ quốc cần phát huy vai trò chủ trì, tính chủ động trong hoạt động phối hợp, hiệp thương, thống nhất với các tổ chức chính trị - xã hội cùng cấp để xây dựng Chương trình, Kế hoạch giám sát, phản biện xã hội hằng năm, trình Ban Thường vụ cấp ủy cùng cấp cho ý kiến nhằm thống nhất sự lãnh đạo, chỉ đạo từ các cấp ủy đảng đến chính quyền; là cơ sở quan trọng để MTTQ Việt Nam triển khai thực hiện có hiệu quả các cuộc giám sát theo Kế hoạch đã đề ra.

2. Lựa chọn nội dung, phạm vi, đối tượng giám sát phù hợp, sát thực tiễn

Nội dung, đối tượng, phạm vi giám sát CBDV rất rộng, được quy định bởi nhiều văn bản của Đảng, Nhà nước và của địa phương. Do vậy việc lựa chọn nội dung, đối tượng, phạm vi giám sát là hết sức quan trọng, vừa đảm bảo sát thực tiễn, trúng, đúng những vấn đề Đảng, nhà nước và Nhân dân đang quan tâm đồng thời phù hợp với năng lực giám sát của MTTQ Việt Nam.

- Phạm vi, đối tượng giám sát nên tập trung giám sát người đứng đầu cấp ủy, chính quyền, đại biểu HĐND.

- Nội dung giám sát cần quan tâm các *nội dung giám sát chung* liên quan đến việc tu dưỡng, rèn luyện đạo đức, lối sống, tính tiên phong gương mẫu của cán bộ, đảng viên: (1) giám sát việc tổ chức quán triệt, học tập và triển khai thực hiện các Chỉ thị, Nghị quyết của Đảng liên quan đến tu dưỡng, rèn luyện, đạo đức, lối sống “tự diễn biến”, “tự chuyển hoá”, trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên; (2) Việc tu dưỡng rèn luyện đạo đức, lối sống, trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên thông qua kết quả thực hiện nhiệm vụ được phân công trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện; (3) Giám sát việc thực hiện nghĩa vụ trách nhiệm của người đảng viên trong tham gia sinh hoạt chi bộ nơi công tác, nơi cư trú theo Hướng dẫn số 12-HD/BTCTW, Quy định 213-QĐ/TW của Bộ Chính trị và các quy định khác (nếu có)...

- **Đối với cán bộ đảng viên là người đứng đầu cấp ủy, chính quyền:** Ngoài nội dung giám sát chung đã đề cập ở trên, cần quan tâm giám sát các nội dung trách nhiệm người đứng đầu theo quy định: (1) Trách nhiệm Tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo theo Quy định số 11-QĐi/TW của Bộ Chính trị và Luật Tiếp công dân; (2) Trách nhiệm thực hành tiết kiệm, chống lãng phí theo quy định Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; (3) Giám sát việc chuyển đổi vị trí việc làm đối với cán bộ, công chức, viên chức và công tác cán bộ theo Luật phòng chống tham nhũng và Nghị định số 59/2019/NĐ-CP của Chính phủ; (4) Giám sát việc chấp hành pháp luật về công tác thanh tra, kiểm tra và thực hiện các Kết luận sau thanh tra, kiểm tra (nếu có);

- **Đối với đại biểu HĐND:** Ngoài các nội dung giám sát trên, cần quan tâm giám sát: (1) Trách nhiệm tiếp xúc cử tri, tiếp công dân và tham gia hoạt động HĐND tại các kỳ họp theo quy định Luật Tổ chức Chính quyền địa phương, quy định của Hội đồng nhân dân và các quy định pháp luật khác có liên quan; (2) Trách nhiệm triển khai thực hiện Chương trình hành động theo theo Hướng dẫn số 60/HĐ-MTTQ-BTT ngày 20/4/2021 của Ủy ban Trung ương MTTQ Việt Nam.

3. Quan tâm xây dựng Đề cương giám sát và hệ thống phụ lục các bảng biểu số liệu thống kê kèm theo Báo cáo và các mẫu Biên bản xác minh, thẩm tra khi đi làm việc tại cơ sở

Trên cơ sở nội dung giám sát, các quy định pháp luật về CBDV và mục tiêu Đoàn giám sát hướng tới để xây dựng dự thảo Đề cương giám sát đảm bảo cụ thể, rõ ràng, đầy đủ các nội dung mà Đoàn giám sát đặt ra, trong đó đặc biệt quan tâm xây dựng hệ thống phụ lục các bảng biểu số liệu thống kê kèm theo để minh chứng cho kết quả trong

Báo cáo; tổ chức họp Đoàn giám sát thảo luận, thống nhất, bổ sung hoàn thiện Đề cương cũng như phụ lục các bảng biểu, gửi các cá nhân được giám sát xây dựng báo cáo. Đây là nội dung hết sức quan trọng, giúp Đoàn giám sát có nhận định nhanh, sơ bộ về công tác triển khai thực hiện của cơ quan, đơn vị, của cá nhân cán bộ, đảng viên trong thực hiện nhiệm vụ. Cùng với đó, cần quan tâm xây dựng các mẫu Biên bản thẩm tra xác minh tại nơi làm việc và nơi cư trú để xác nhận với các tổ chức, cá nhân liên quan về số liệu, kết quả thu thập khi đi làm việc tại cơ sở.

4. Vận dụng linh hoạt các hình thức giám sát

Giám sát thông qua báo cáo và thành lập Đoàn giám sát trực tiếp tại cơ sở. Trong đó chú trọng hình thức tổ chức Đoàn giám sát trực tiếp tại nơi làm việc và nơi cư trú.

- *Thứ nhất*, chú trọng việc lựa chọn các thành viên tham gia đoàn giám sát giám sát. Do nội dung giám sát của MTTQ Việt Nam rất rộng, để giám sát đạt kết quả, ngoài các thành viên đoàn giám sát là lãnh đạo, cán bộ công chức Cơ quan chuyên trách Ủy ban MTTQ Việt Nam, thành viên các tổ chức chính trị, xã hội, mời một số cán bộ, công chức các sở, ban, ngành, các ban đảng có trình độ chuyên môn, có kinh nghiệm phù hợp với nội dung giám sát; có bản lĩnh, năng lực nhận diện, phát hiện vấn đề; năng lực phân tích, đánh giá, tổng hợp tham gia làm thành viên và Tổ giúp việc Đoàn giám sát.

- *Thứ hai*, Đoàn giám sát cần phân công trách nhiệm cụ thể cho từng thành viên Đoàn giám sát nghiên cứu chuyên sâu theo các nội dung giám sát. Đối với các vụ việc phức tạp, các nội dung còn nhiều ý kiến khác nhau, Đoàn giám sát cần tiến hành khảo sát, điều tra xã hội học, huy động và phân công trách nhiệm cụ thể cho từng thành viên nghiên cứu chuyên sâu, trên cơ sở nghiên cứu Báo cáo giám sát của đối tượng được giám sát và các quy định của pháp luật để nhận diện, phát hiện, tổng hợp trước những nội dung bất cập, tồn tại, hạn chế cần trao đổi, làm rõ khi tiến hành hoạt động giám sát tại cơ sở.

- *Thứ ba*, khi triển khai giám sát tại cơ sở (nơi làm việc và nơi cư trú), Đoàn giám sát nên chia thành các nhóm thu thập tài liệu (1) Nhóm đến Chi bộ Khu dân cư, tổ dân phố để thu thập, xác minh kết quả dự sinh hoạt Chi bộ và tính tiên phong gương mẫu của cán bộ, đảng viên tại nơi cư trú (2) Nhóm thu thập tài liệu tại nơi làm việc thông qua việc kiểm tra, thu thập số liệu từ sổ Nghị quyết Chi, đảng bộ; sổ theo dõi tiếp công dân, các thông báo kết luận sau tiếp công dân, các văn bản, kế hoạch triển khai và các báo cáo định kỳ, báo cáo chuyên đề... làm cơ sở để thống kê, tổng hợp các số liệu theo các bảng biểu về kết quả thực hiện của cán bộ, đảng viên theo từng nội dung giám sát. Trên cơ sở đó, Đoàn giám sát tiếp tục nghiên cứu, tổng hợp, đối chiếu các quy định cụ thể để dự thảo Kết luận các nội dung giám sát theo từng địa phương, cơ quan, đơn vị. Trong đó những tồn tại, hạn chế được đánh giá cụ thể, chính xác theo từng nội dung, từng cá nhân được giám sát.

- *Thứ tư*, trên cơ sở các nội dung thu thập, xác minh được, Đoàn giám sát tổ chức làm việc với các địa phương, các cơ quan, đơn vị để thống nhất nội dung kết luận giám sát. Tại buổi làm việc, từng nội dung giám sát, nhất là những tồn tại, hạn chế được trao

đôi thẳng thắn, giải trình làm rõ đảm bảo tính khách quan, chính xác, thống nhất giữa Đoàn giám sát và cá nhân được giám sát. Trưởng đoàn giám sát kết luận những ưu điểm, hạn chế, tồn tại của mỗi cá nhân được giám sát và kiến nghị giải pháp khắc phục hạn chế, tồn tại; Kết luận giám sát là cơ sở xây dựng Báo cáo kết quả giám sát và Văn bản kiến nghị sau giám sát.

5. Kỹ năng tổng hợp Báo cáo giám sát và Văn bản kiến nghị sau giám sát

Đây là 02 nội dung rất quan trọng, là kết quả cuối cùng phản ánh chất lượng, hiệu quả hoạt động giám sát. Trong đó công tác tổng hợp Báo cáo giám sát là căn cứ để MTTQ Việt Nam ban hành Văn bản kiến nghị sau giám sát. Vì vậy, công tác Tổng hợp Báo cáo phải đầy đủ, toàn diện, trung thực, khách quan; nội dung kiến nghị, đề xuất phải cụ thể, rõ ràng, rõ căn cứ, cơ sở pháp lý để các cơ quan hữu quan tiếp thu, triển khai thực hiện, đảm bảo hiệu lực, hiệu quả giám sát.

Để Báo cáo giám sát đạt chất lượng, đảm bảo thời gian quy định (*ban hành Chậm nhất là 15 ngày kể từ ngày kết thúc cuộc làm việc với cơ quan, tổ chức, cá nhân được giám sát*), trên cơ sở đề cương, nội dung giám sát, Đoàn giám sát cần quan tâm xây dựng bố cục dự thảo Báo cáo giám sát trước khi Đoàn đi giám sát đi làm việc tại cơ sở, gồm: (1) Khái quát tình hình triển khai giám sát, (2) Kết quả đạt được (3) Tồn tại, hạn chế và Nguyên nhân (*nguyên nhân chủ quan, khách quan*); (4) Đề xuất, Kiến nghị.

Trong quá trình Đoàn giám sát làm việc tại cơ sở, Thư ký Đoàn giám sát chủ động cập nhật kết quả Dự thảo Báo cáo giám sát. Sau khi kết thúc làm việc ở cơ sở, trên cơ sở Thông báo kết luận của Trưởng Đoàn giám sát, Thư ký Đoàn sẽ tổng hợp dự thảo Báo cáo giám sát, gửi xin ý kiến các thành viên Đoàn giám sát; sau đó tiếp thu, hoàn thiện và gửi Trưởng Đoàn giám sát duyệt, ban hành. Đồng thời, Đoàn giám sát dự thảo Văn bản kiến nghị, trình xin ý kiến Ban Thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam để thống nhất ban hành Văn bản kiến nghị sau giám sát, làm cơ sở để các cơ quan chức năng tiếp thu, triển khai thực hiện và theo dõi giám sát việc thực hiện của các cơ quan liên quan đảm bảo các kiến nghị sau giám sát phải được nghiêm túc tiếp thu, có giải pháp khắc phục nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động giám sát của MTTQ Việt Nam./.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Hiến pháp 2013;
2. Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam 2015;
3. Quyết định số 217-QĐ/TW, ngày 12/12/2013 của Bộ Chính trị “Về việc ban hành Quy chế giám sát và phản biện xã hội của MTTQ Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội”;
4. Quy định số 124-QĐ/TW, ngày 02/02/2018 của Ban Bí thư về giám sát Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội và Nhân dân đối với việc tu dưỡng, rèn luyện đạo đức, lối sống của người đứng đầu, cán bộ chủ chốt và cán bộ, đảng viên;

5. Quy định số 22-QĐ/TW, ngày 28/7/2021 của Ban Chấp hành Trung ương về công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng;

6. Quy định 69-QĐ/TW Ngày 06/7/2022 của Bộ Chính trị Quy định về kỷ luật tổ chức đảng, đảng viên vi phạm;

7. Chỉ thị số 18-CT/TW ngày 26/10/2022 của Ban Bí thư Trung ương Đảng “Về phát huy vai trò, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác giám sát, phản biện xã hội của MTTQ Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội”;

8. Nghị quyết Liên tịch số 403/2017/NQLT-UBTVQH14-CP-ĐCTUBTWMTTQVN, ngày 15/6/2017 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ và Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương MTTQ Việt Nam quy định chi tiết các hình thức giám sát, phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;

9. Thông tri số 23/TTr-MTTW-BTT, ngày 21/7/2017 của Ủy ban Trung ương MTTQ Việt Nam về hướng dẫn quy trình giám sát và quy trình phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;

10. Thông tri số 10/TT-MTTW-BTT, ngày 22/9/2020 của Ban Thường trực Ủy ban Trung ương MTTQ Việt Nam về hướng dẫn Ủy ban MTTQ Việt Nam các cấp thực hiện giám sát cán bộ, đảng viên và công tác cán bộ.

Chuyên đề 5

CÔNG TÁC TIẾP CÔNG DÂN, XỬ LÝ ĐƠN THƯ, THAM GIA GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI, TỔ CÁO CỦA CÔNG DÂN TRONG HỆ THỐNG MẶT TRẬN TỔ QUỐC VIỆT NAM

I. MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG VỀ TIẾP CÔNG DÂN, KHIẾU NẠI, TỔ CÁO, KIẾN NGHỊ, PHẢN ÁNH

1. Khái niệm tiếp công dân, khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh

1.1. Tiếp công dân

Theo quy định tại Điều 2, Luật tiếp công dân năm 2013 quy định:

Tiếp công dân là việc cơ quan, tổ chức, cá nhân quy định trong Điều 4, Luật tiếp công dân đón tiếp để lắng nghe, tiếp nhận khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của công dân; giải thích, hướng dẫn cho công dân về việc thực hiện khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh theo đúng quy định pháp luật.

Nơi tiếp công dân bao gồm Trụ sở tiếp công dân, địa điểm tiếp công dân hoặc nơi làm việc khác do cơ quan, tổ chức, đơn vị có trách nhiệm tiếp công dân bố trí và phải được thông báo công khai hoặc thông báo trước cho người được tiếp.

1.2. Khiếu nại

Khoản 1, Khoản 2, Điều 2 Luật khiếu nại năm 2011 quy định:

Khiếu nại là việc công dân, cơ quan, tổ chức hoặc cán bộ, công chức theo thủ tục do Luật khiếu nại quy định, đề nghị cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền xem xét lại quyết định hành chính, hành vi hành chính của cơ quan hành chính nhà nước, của người có thẩm quyền trong cơ quan hành chính nhà nước hoặc quyết định kỷ luật cán bộ, công chức khi có căn cứ cho rằng quyết định hoặc hành vi đó là trái pháp luật, xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của mình.

Người khiếu nại là công dân, cơ quan, tổ chức hoặc cán bộ, công chức thực hiện quyền khiếu nại.

1.3. Tố cáo

Theo quy định tại Điều 2, Luật tố cáo năm 2018:

Tố cáo là việc cá nhân theo thủ tục quy định của Luật tố cáo báo cho cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền biết về hành vi vi phạm pháp luật của bất kỳ cơ quan, tổ chức, cá nhân nào gây thiệt hại hoặc đe dọa gây thiệt hại đến lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân, bao gồm: (1) Tố cáo hành vi vi phạm pháp luật trong việc thực hiện nhiệm vụ, công vụ; (2) Tố cáo hành vi vi phạm pháp luật về quản lý nhà nước trong các lĩnh vực.

Tố cáo hành vi vi phạm pháp luật trong việc thực hiện nhiệm vụ, công vụ là tố cáo về hành vi vi phạm pháp luật trong việc thực hiện nhiệm vụ, công vụ của các đối tượng sau đây: Cán bộ, công chức, viên chức; người khác được giao thực hiện nhiệm vụ, công vụ; Người không còn là cán bộ, công chức, viên chức nhưng đã thực hiện hành vi vi phạm pháp luật trong thời gian là cán bộ, công chức, viên chức; người không còn được giao thực hiện nhiệm vụ, công vụ nhưng đã thực hiện hành vi vi phạm pháp luật trong thời gian được giao thực hiện nhiệm vụ, công vụ; Cơ quan, tổ chức.

Tố cáo hành vi vi phạm pháp luật về quản lý nhà nước trong các lĩnh vực là tố cáo về hành vi vi phạm pháp luật về quản lý nhà nước trong các lĩnh vực của bất kỳ cơ quan, tổ chức, cá nhân nào về việc chấp hành quy định của pháp luật, trừ hành vi vi phạm pháp luật trong việc thực hiện nhiệm vụ, công vụ.

Người tố cáo là cá nhân thực hiện việc tố cáo.

Người bị tố cáo là cơ quan, tổ chức, cá nhân có hành vi bị tố cáo.

Người giải quyết tố cáo là cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền giải quyết tố cáo.

Giải quyết tố cáo là việc thụ lý, xác minh, kết luận nội dung tố cáo và xử lý kết luận nội dung tố cáo của người giải quyết tố cáo.

1.4. Kiến nghị, phản ánh

Theo quy định tại Khoản 2, Điều 2, Luật tiếp công dân 2013:

Kiến nghị, phản ánh là việc công dân cung cấp thông tin, trình bày ý kiến, nguyện vọng, đề xuất giải pháp với cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có thẩm quyền về những vấn đề liên quan đến việc thực hiện chủ trương, đường lối, chính sách, pháp luật, công tác quản lý trong các lĩnh vực đời sống xã hội thuộc trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân đó.

2. Yêu cầu đối với người tiếp công dân, người xử lý đơn

Người tiếp công dân là người có đủ các tiêu chuẩn quy định tại khoản 1, Điều 34, Luật tiếp công dân. Khi tiếp công dân, người tiếp công dân phải bảo đảm trang phục chỉnh tề, có đeo thẻ công chức hoặc phù hiệu theo quy định; có thái độ đúng mực, tôn trọng công dân, lắng nghe ý kiến trình bày của công dân.

Đối với nội dung khiếu nại, tố cáo của công dân đã được giải quyết đúng chính sách, pháp luật thì người tiếp công dân giải thích, vận động để công dân chấp hành nghiêm chỉnh kết luận, quyết định giải quyết đã có hiệu lực pháp luật của cơ quan có thẩm quyền, chấm dứt việc khiếu nại, tố cáo.

Người tiếp công dân có quyền từ chối tiếp công dân khi công dân vi phạm Điều 9, Luật tiếp công dân nhưng phải giải thích cho công dân được biết lý do từ chối tiếp. Khi cần thiết, lập biên bản từ chối tiếp công dân và báo cáo Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam đề nghị các cơ quan chức năng xử lý theo quy định của pháp luật.

Người tiếp công dân và người xử lý đơn có trách nhiệm giữ bí mật họ tên, địa chỉ, bút tích của người tố cáo theo quy định của pháp luật; hướng dẫn công dân gửi đơn đến đúng cơ quan, người có thẩm quyền giải quyết; theo dõi việc giải quyết đơn; kịp thời tham mưu xử lý, đề xuất giám sát việc giải quyết đơn; báo cáo công tác tiếp công dân, xử lý đơn.

II. VAI TRÒ CỦA MTTQ VIỆT NAM TRONG TIẾP CÔNG DÂN, THAM GIA GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI, TỐ CÁO

1. Quan điểm của Đảng và quy định của pháp luật về MTTQ Việt Nam thực hiện nhiệm vụ tiếp công dân, tham gia xử lý khiếu nại, tố cáo

1.1. Một số quan điểm chỉ đạo của Đảng

Tiếp công dân, xử lý khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh là một nhiệm vụ quan trọng của cấp ủy, chính quyền, MTTQ Việt Nam các cấp, trong thời gian qua Đảng đã ban hành nhiều văn bản về nội dung này. Cụ thể như:

Chỉ thị 35-CT/TW, ngày 26/5/2014 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo đã chỉ rõ: "Các cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức nhân dân có trách nhiệm lãnh đạo, chỉ đạo và thực hiện công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo; phải xác định đây là nhiệm vụ chính trị quan trọng, thường xuyên. Đẩy mạnh công tác kiểm tra, giám sát; khắc phục kịp thời sơ hở, yếu kém trong xây dựng chính sách, pháp luật, công tác quản lý nhà nước. Tăng cường sự phối hợp giữa các cơ quan, tổ chức, nhất là giữa các cơ quan chức năng trong công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo; thực hiện đồng bộ các giải pháp để giải quyết dứt điểm khiếu nại, tố cáo đông người, phức tạp, kéo dài, vượt cấp".

Chỉ thị số 27-CT/TW, ngày 10/01/2019 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác bảo vệ người phát hiện, tố giác, người đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí tiêu cực đã chỉ rõ những nhiệm vụ của MTTQ Việt Nam: "Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội các cấp vận động đoàn viên, hội viên và các tầng lớp nhân dân tích cực tham gia giám sát, phát hiện và kiến nghị xử lý trách nhiệm đối với các tổ chức, cá nhân có hành vi trả thù, trù dập, chưa thực hiện tốt trách nhiệm bảo vệ người tố cáo; thực hiện bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người tố cáo theo quy định".

1.2. Một số quy định của pháp luật và hướng dẫn của Ban Thường trực Ủy ban Trung ương MTTQ Việt Nam về việc MTTQ Việt Nam tiếp công dân, xử lý khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của công dân

Nhiệm vụ tiếp công dân, xử lý khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của công dân được quy định trong rất nhiều văn bản quy phạm pháp luật như: Hiến pháp năm 2013, Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam năm 2015, Luật Tiếp công dân năm 2013, Luật Khiếu nại năm 2011, Luật Tố cáo năm 2018...cụ thể như:

Hiến pháp năm 2013 tại Điều 9 quy định: “Mặt trận Tổ quốc Việt Nam là cơ sở chính trị của chính quyền nhân dân; đại diện, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của Nhân dân; tập hợp, phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, thực hiện dân chủ, tăng cường đồng thuận xã hội; giám sát, phản biện xã hội; tham gia xây dựng Đảng, Nhà nước...”.

Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam năm 2015 quy định tại Điều 3: “MTTQ Việt Nam là cơ sở chính trị của chính quyền Nhân dân; đại diện, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của Nhân dân;...”. Tại Điều 18: "Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thực hiện việc tiếp công dân; tham gia công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo, đặc xá theo quy định của pháp luật".

Luật Khiếu nại năm 2011 tại Điều 66 quy định: "MTTQ Việt Nam, các tổ chức thành viên của Mặt trận có trách nhiệm giám sát việc thi hành pháp luật về khiếu nại theo quy định của Luật này; động viên nhân dân nghiêm chỉnh thi hành pháp luật về khiếu nại; tổ chức việc tiếp công dân đến khiếu nại; khi nhận được khiếu nại thì nghiên cứu, hướng dẫn người khiếu nại đến cơ quan, tổ chức có thẩm quyền giải quyết khiếu nại..."

Luật Tố cáo năm 2018 quy định tại Điều 60: "cơ quan có thẩm quyền của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội hướng dẫn việc thực hiện pháp luật về tố cáo và giải quyết tố cáo trong phạm vi cơ quan, tổ chức mình phù hợp với đặc thù tổ chức, hoạt động của cơ quan, tổ chức mình" thực hiện quy định trên, Ban Thường trực Ủy ban Trung ương MTTQ Việt Nam đã ban hành Quyết định số 2832/QĐ-MTTW-BTT ngày 29/8/2019 về việc ban hành Quy chế tiếp nhận, xử lý và giải quyết khiếu nại, tố cáo đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động thuộc cơ quan Ủy ban Trung ương MTTQ Việt Nam.

Luật Tiếp công dân năm 2013 quy định: "Trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình, tổ chức chính trị, Ủy ban MTTQ Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội, cơ quan thuộc Chính phủ, đơn vị sự nghiệp công lập tổ chức việc tiếp công dân phù hợp với yêu cầu, quy mô, tính chất hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị mình".

Căn cứ vào các quy định của pháp luật, Ban Thường trực Ủy ban Trung ương MTTQ Việt Nam ban hành Thông tri số 36/TT-MTTW-BTT ngày 06/5/2019 quy định, hướng dẫn MTTQ Việt Nam các cấp tiếp công dân, xử lý khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của công dân.

Bên cạnh những văn bản quy phạm pháp luật nêu trên còn có rất nhiều văn bản quy phạm pháp luật khác quy định về vai trò, trách nhiệm của MTTQ trong việc tham gia giải quyết khiếu nại, tố cáo, giám sát việc giải quyết khiếu nại tố cáo liên quan đến hoạt động của các cơ quan tư pháp như: Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ hướng dẫn thực hiện Luật khiếu nại...

2. MTTQ Việt Nam thực hiện nhiệm vụ tiếp công dân, xử lý đơn thư và tham gia giải quyết khiếu nại, tố cáo

Xuất phát từ vị trí, vai trò của MTTQ Việt Nam là cơ sở chính trị của chính quyền nhân dân; đại diện, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của Nhân dân; tập hợp, phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, thực hiện dân chủ, tăng cường đồng thuận xã hội; giám sát, phản biện xã hội; tham gia xây dựng Đảng, Nhà nước. Việc tham gia tiếp công dân, xử lý khiếu nại, tố cáo của công dân vừa là quyền và cũng là trách nhiệm của MTTQ Việt Nam, bên cạnh việc tham gia tiếp công dân, xử lý khiếu nại, tố cáo thì MTTQ Việt Nam còn thực hiện vai trò giám sát đối với các hoạt động này. Để thực hiện tốt vai trò, nhiệm vụ đó, một trong những hoạt động của Ủy ban MTTQ Việt Nam các cấp là phải thường xuyên tiếp xúc, lắng nghe ý kiến, tâm tư, nguyện vọng và những bức xúc trong Nhân dân để phản ánh, kiến nghị với Đảng và Nhà nước và tham gia trong quá trình giải quyết các khiếu nại, tố cáo của người dân.

Trong thời gian qua, công tác tiếp dân, xử lý các đơn thư khiếu nại, tố cáo của công dân được MTTQ các cấp quan tâm thực hiện và đạt được những kết quả tích cực; việc phối hợp với cơ quan hữu quan trong việc giải quyết khiếu nại, tố cáo cũng được Mặt trận nhiều nơi tiến hành thường xuyên và thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ của mình, cụ thể như: (1) Trong quá trình tiếp dân, xử lý khiếu nại, tố cáo, phản ánh, Ban Thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam các cấp thường xuyên phối hợp với cơ quan hữu quan để nắm thông tin, tình hình, diễn biến của vụ việc cũng như quá trình giải quyết của cơ quan nhà nước. Đối với những vụ việc bức xúc, Ủy ban MTTQ Việt Nam kịp thời kiến nghị tới cơ quan hữu quan xem xét, giải quyết; những vụ việc có liên quan đến tổ chức thành viên nào thì trao đổi thông tin, diễn biến của vụ việc với tổ chức thành viên đó để thống nhất nội dung kiến nghị với các cơ quan hữu quan có thẩm quyền. Trường hợp khiếu nại phức tạp, MTTQ Việt Nam tham gia phối hợp với Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nghe đại diện của những người khiếu nại trình bày nội dung khiếu nại. (2) Thông qua việc thực hiện quy chế phối hợp công tác với các cơ quan Nhà nước, MTTQ các cấp cử đại diện tham gia các đoàn công tác của Quốc hội, Chính phủ, của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cùng cấp để giải quyết các vụ việc khiếu nại, tố cáo, nhất là các vụ việc phức tạp, bức xúc, những điểm nóng về khiếu kiện ở địa phương. (3) Đối với những tranh chấp trong nội bộ Nhân dân, trước khi các cơ quan Nhà nước, các tổ chức, cá nhân có thẩm quyền giải quyết thì Ủy ban MTTQ các cấp ở địa phương, nhất là cấp xã phối hợp với các tổ chức thành viên để cử cán bộ, đoàn viên, hội viên tiến hành hoà giải nhằm hạn chế phát sinh ngay từ cấp cơ sở, khu dân cư. Ở cấp cơ sở, đối với những khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp xã, thì Ủy ban MTTQ cùng cấp có trách nhiệm tham gia góp ý, cung cấp thông tin, tài liệu có liên quan, đôn đốc Ủy ban nhân dân giải quyết dứt điểm, không để khiếu nại, tố cáo vượt cấp lên cấp trên. Đối với những vụ việc phức tạp, nổi cộm ở địa phương thì MTTQ cần chủ động kiến nghị và đề xuất ý kiến giải quyết với các cấp uỷ Đảng, chính quyền để nhanh chóng giải quyết các khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh theo đúng quy định của pháp luật. (4) Phối hợp để thực hiện giám sát việc tiếp công dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo của các cơ quan hữu quan.

MTTQ và các tổ chức thành viên còn có trách nhiệm động viên Nhân dân, nhất là các đoàn viên, hội viên nghiêm chỉnh thi hành các quyết định giải quyết khiếu nại, tố cáo đúng pháp luật đã được chính quyền giải quyết. Mọi đơn thư khiếu nại, tố cáo của công dân, khi gửi đến Mặt trận đều được xem xét, nghiên cứu nghiêm túc và xử lý, phân loại và chuyển đến các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để xem xét, giải quyết; đồng thời, Mặt trận các cấp còn tích cực tuyên truyền, giải thích cho Nhân dân hiểu rõ các quy định của pháp luật liên quan. Các ý kiến phản hồi từ cơ quan Nhà nước đều được MTTQ các cấp thông báo kịp thời cho người khiếu nại, tố cáo.

Với phương pháp, cách thức như vậy, MTTQ Việt Nam các cấp vừa thể hiện là người đại diện cho Nhân dân, nắm bắt và gần gũi với Nhân dân, đã bám sát tình hình sản xuất và đời sống của Nhân dân, vừa thực hiện tốt chức năng tham gia phối hợp cùng các cơ quan chức năng giải quyết khiếu nại, tố cáo của Nhân dân; góp phần tích cực vào việc bảo vệ bảo đảm quyền con người, quyền công dân, xây dựng chính quyền cơ sở ngày càng trong sạch, vững mạnh.

III. TỔ CHỨC TIẾP DÂN, XỬ LÝ ĐƠN THƯ KHIẾU NẠI, TỐ CÁO, KIẾN NGHỊ, PHẢN ÁNH CỦA MTTQ VIỆT NAM CÁC CẤP

Trên cơ sở các quy định của pháp luật về tiếp công dân và xử lý đơn thư khiếu nại, tố cáo, Ban Thường trực Ủy ban Trung ương MTTQ Việt Nam ban hành Thông tri số 36/TT-MTTW-BTT ngày 06/5/2019 quy định, hướng dẫn MTTQ Việt Nam các cấp tiếp công dân, xử lý khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của công dân. Cụ thể như sau:

1. Trách nhiệm của Ban Thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam các cấp

- Ban Thường trực Ủy ban Trung ương MTTQ Việt Nam tổ chức tiếp công dân tại Trụ sở tiếp công dân Trung ương; cơ quan Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp tiếp công dân tại trụ sở tiếp công dân chung tại địa phương.

Trường hợp công dân trực tiếp đến cơ quan MTTQ thì cử người tiếp công dân lắng nghe trình bày của người dân, giải thích, hướng dẫn người dân gửi đơn đến cơ quan có thẩm quyền để giải quyết hoặc đến nơi tiếp công dân chung của địa phương để trình bày, gửi đơn.

- Tổ chức việc tiếp nhận, phân loại, xử lý khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh tập trung về một đầu mối và phải tuân theo quy định của pháp luật, bảo đảm tính khoa học, khách quan, chính xác, kịp thời.

- Chủ tịch Ủy ban MTTQ Việt Nam các cấp trực tiếp hoặc phân công lãnh đạo tham gia tiếp công dân; chỉ đạo theo dõi, nắm bắt tình hình tiếp công dân, tham gia giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân.

Kiểm tra việc thực hiện công tác tiếp công dân, xử lý khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của Ủy ban MTTQ Việt Nam cấp dưới trực tiếp, xây dựng chương trình hoặc quy chế phối hợp với các cơ quan hữu quan cùng cấp về công tác tiếp công dân, xử lý khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh.

- Ban Thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam các cấp bố trí người tiếp công dân phải là những người có phẩm chất đạo đức tốt, có trình độ pháp lý nhất định.

2. Quy trình tổ chức tiếp dân và xử lý đơn thư khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh

2.1. Quy trình tiếp dân

2.1.1. Xác định tính hợp pháp của người khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh

Khi tiếp công dân, người tiếp công dân yêu cầu người khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh nêu rõ họ tên, địa chỉ và xuất trình giấy tờ tùy thân, giấy giới thiệu, giấy ủy quyền (nếu có) và cung cấp thông tin, bản sao tài liệu cần thiết cho việc thụ lý giải quyết.

Khi có từ 05 người trở lên cùng khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh về cùng nội dung thì yêu cầu cử đại diện để trình bày. Trường hợp có từ 05 đến 10 người thì cử 01 hoặc 02 người đại diện; trường hợp có trên 10 người thì có thể cử thêm, nhưng tối đa không quá 05 người. Người đại diện phải là người có cùng nội dung khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh với những người cử đại diện.

2.1.2. Tiếp nhận khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh

Khi tiếp nhận khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh tại nơi tiếp công dân thì người tiếp công dân xem xét nội dung, yêu cầu, nguyện vọng của công dân; hướng dẫn công dân đến cơ quan chức năng, người có thẩm quyền để được giải quyết.

Nếu công dân gửi hồ sơ khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh thì người tiếp công dân tiếp nhận đơn hoặc bản ghi nội dung khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh và bản sao tài liệu có liên quan; làm văn bản ghi chép việc giao, nhận giữa 2 bên.

Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận nội dung khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh, người tiếp công dân có trách nhiệm trả lời trực tiếp hoặc thông báo bằng văn bản kết quả xử lý vụ việc theo một trong những nội dung quy định tại khoản 1, Điều 28 Luật tiếp công dân.

2.1.3. Một số kinh nghiệm trong tiếp công dân

Trong quá trình tiếp công dân cần chú ý một số kỹ năng giúp cho việc tiếp công dân đạt hiệu quả tốt hơn như: cách ứng xử, kỹ năng hỏi, kỹ năng lắng nghe, kỹ năng ghi chép nội dung trình bày của người khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh.

Giai đoạn tiếp xúc ban đầu: Trước hết, cán bộ làm nhiệm vụ tiếp công dân cần có thái độ, tác phong, cử chỉ, lời nói lịch sự, nhã nhặn, bình tĩnh, khiêm tốn, đúng mực ngay từ khi tiếp xúc ban đầu với công dân, cũng như trong quá trình tiếp công dân, đây là việc tạo cảm giác ban đầu tích cực với công dân, giảm sự bức xúc của công dân. Đối với trường hợp đông người khiếu nại cùng một nội dung, thì đề nghị các công dân cử đại diện; cần thiết phối hợp với lực lượng bảo vệ để việc cử đại diện theo quy định của pháp luật và giữ trật tự, an ninh tại trụ sở cơ quan, đơn vị, không ảnh hưởng đến công tác của cơ quan, đơn vị.

Kỹ năng đặt câu hỏi, kỹ năng này giúp thu thập thông tin nhưng cũng là kỹ năng tiếp xúc, đối thoại hiệu quả. Trong quá trình đặt câu hỏi cần hạn chế đặt câu hỏi đóng liên tục (những câu hỏi đóng là câu hỏi mà câu trả lời thường là: "có", "không" hoặc "chưa") nếu lạm dụng câu hỏi đóng liên tục, vì sẽ khiến công dân có cảm giác như đang bị tra khảo, tạo ra sự khó chịu cho công dân. Trong quá trình đặt câu hỏi với công dân cần đan xen các câu hỏi mở (Câu hỏi mở thường có dạng: vì sao, như thế nào, ở đâu, ý kiến của ông (bà) về vấn đề này như thế nào;...) câu hỏi mở giúp cho công dân có thể đưa ra ý kiến của mình một cách thoải mái, ít tạo ra cảm giác khó chịu và bức xúc hơn.

Quá trình đặt câu hỏi cần hướng tới kết quả nắm được những thông tin cơ bản như: Nội dung khiếu nại, tố cáo; nguyên nhân phát sinh khiếu nại, tố cáo; quá trình khiếu nại, tố cáo, quá trình tiếp nhận, giải quyết khiếu nại, tố cáo của cơ quan chức năng; lý do khiếu nại, tố cáo tiếp (nếu có); nguyện vọng của công dân khi khiếu nại, tố cáo.

Kỹ năng lắng nghe, là một kỹ năng quan trọng của quá trình tiếp công dân, việc lắng nghe sẽ giúp thu thập chính xác, đầy đủ các nội dung, bản chất vụ việc, làm cho quan hệ giữa cán bộ làm nhiệm vụ tiếp công dân với công dân tốt hơn. Để việc lắng nghe có hiệu quả, cán bộ làm nhiệm vụ tiếp công dân phải bắt đầu bằng một thái độ tích cực, nhiệt tình và nhẹ nhàng; duy trì một khoảng cách vừa phải, hợp lý giữa người nghe và người nói; đảm bảo môi trường giao tiếp không bị các tác động khác làm phân tán hoặc ngắt quãng người nghe; tạo cơ hội cho công dân được trình bày kết hợp với khuyến khích bằng lời hoặc bằng cử chỉ thân thiện; hạn chế việc ngắt lời người nói và có phản hồi lại ngay khi công dân đang trình bày.

Kỹ năng chia sẻ: Đây là kỹ năng chung của người tiếp công dân. Tuy nhiên, đối với cán bộ tiếp công dân của MTTQ thì kỹ năng này cần được nhận thức sâu sắc hơn ai hết để chuyển hóa thành hành vi tiếp công dân đặc thù của người cán bộ Mặt trận. Qua lắng nghe công dân trình bày, cán bộ tiếp công dân của MTTQ không chỉ cần nắm được thông tin về việc khiếu nại, tố cáo mà còn cần chia sẻ, cảm thông với công dân trước những bức xúc, từ đó tạo niềm tin với công dân để họ sẵn sàng cung cấp tài liệu, thông tin, chứng cứ có giá trị, tạo điều kiện thuận lợi để MTTQ thực hiện vai trò bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của công dân.

Kỹ năng ghi chép nội dung trình bày của công dân, ghi chép là một kỹ thuật quan trọng trong buổi tiếp công dân, thể hiện hình thức, kết quả giao tiếp gián tiếp thông qua ngôn ngữ viết trên cơ sở văn phong hành chính. Việc ghi biên bản hoặc ghi Sổ tiếp công dân cần đảm bảo về hình thức, thể thức, văn phong. Nội dung phải đảm bảo chính xác, đúng yêu cầu về thông tin buổi tiếp công dân; những nội dung được nhấn mạnh, cần làm rõ phải chuyển tải đầy đủ. Tránh lan man bởi các thông tin phụ, các vấn đề dẫn dắt quá dài không cần thiết.

Bên cạnh đó, cần chú ý tới một số kỹ năng khác như: Kỹ năng tra cứu tài liệu pháp luật; kỹ năng nghiên cứu, xem xét, xác định điều kiện thụ lý vụ việc; kỹ năng thực hiện các phương pháp tác động tâm lý nhằm làm cho công dân có thái độ, hành vi tích cực...các kỹ năng cần được vận dụng linh hoạt, tùy từng nội dung, tình huống có cách áp dụng phù hợp.

2.2. Quy trình xử lý khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh

Người tiếp công dân, người xử lý khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh có trách nhiệm xử lý khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh do cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân gửi đến được tiếp nhận từ các sau: Qua bộ phận tiếp công dân; Qua dịch vụ bưu chính; Qua bộ phận tiếp nhận đơn, thư của cơ quan; qua hộp thư góp ý của cơ quan; Theo quy định của pháp luật.

2.2.1. Phân loại đơn

* Phân loại theo nội dung:

(1) Đơn khiếu nại; (2) đơn tố cáo; (3) đơn phản ánh, đơn kiến nghị; (4) đơn có nhiều nội dung khác nhau.

* Phân loại theo điều kiện xử lý:

(1) Trường hợp đủ điều kiện xử lý

- Khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh được trình bày bằng ngôn ngữ tiếng Việt thể hiện rõ nội dung vụ việc; yêu cầu của người khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh; có đủ những thông tin, chứng cứ cần thiết cho việc thụ lý giải quyết; chưa được cơ quan, tổ chức, cá nhân nào xử lý, giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Khiếu nại, tố cáo đã giải quyết hết thẩm quyền nhưng người khiếu nại, tố cáo, cung cấp được tình tiết, chứng cứ mới có đủ cơ sở làm thay đổi nội dung đã giải quyết.

- Khiếu nại khi chưa hết thời hiệu khiếu nại theo quy định của pháp luật; khiếu nại không thuộc trường hợp quy định tại Điều 11, Luật khiếu nại (các khiếu nại không được thụ lý giải quyết) và trường hợp khiếu nại không thành, chuyển sang tố cáo cá nhân, tổ chức ban hành quyết định giải quyết khiếu nại nhưng không có căn cứ chứng minh việc giải quyết khiếu nại trái pháp luật; khiếu nại chưa được chuyển đến cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền giải quyết.

- Tố cáo đáp ứng yêu cầu về hình thức tố cáo quy định tại khoản 1 và khoản 2, Điều 23, Luật tố cáo; có đủ điều kiện để thụ lý tố cáo quy định tại Điều 29, Luật tố cáo; có căn cứ cho rằng việc giải quyết tố cáo trái pháp luật hoặc quá thời hạn quy định mà tố cáo chưa được giải quyết; không thuộc trường hợp tố cáo mạo danh, giấu tên người tố cáo.

- Kiến nghị, phản ánh có đầy đủ những thông tin về nội dung kiến nghị, phản ánh quy định tại khoản 2, Điều 2, Luật tiếp công dân.

Nếu khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh trình bày bằng đơn thì nội dung đơn phải có đủ thông tin: ngày, tháng, năm gửi đơn; họ tên, địa chỉ, chữ ký hoặc điểm chỉ của người khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh hoặc người đại diện; họ tên, địa chỉ, chức vụ của cá nhân, tổ chức bị khiếu nại, tố cáo. Đơn tố cáo phải có chữ ký trực tiếp hoặc điểm chỉ trực tiếp của người tố cáo.

(2) Trường hợp không đủ điều kiện xử lý

- Đơn không đáp ứng được các yêu cầu tại mục (1) Trường hợp đủ điều kiện xử lý; đơn được gửi cho nhiều cơ quan, nhiều người trong đó đã gửi đến cơ quan hoặc người có thẩm quyền giải quyết; đơn khiếu nại đã có quyết định giải quyết cuối cùng mà người gửi đơn không cung cấp được tình tiết, tài liệu, chứng cứ mới có đủ cơ sở làm thay đổi nội dung đã giải quyết;

- Đơn khiếu nại thuộc một trong các trường hợp quy định tại Điều 11 của Luật khiếu nại;

- Đơn tố cáo giấu tên, mạo danh, không rõ địa chỉ, không có chữ ký trực tiếp mà sao chụp chữ ký; đơn tố cáo xuất phát từ việc khiếu nại không đạt được mục đích, công dân chuyển sang tố cáo đối với người giải quyết khiếu nại nhưng không cung cấp được thông tin, tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho việc tố cáo của mình;

- Đơn đã được hướng dẫn một lần về cùng nội dung.

2.2.2. Tham mưu xử lý khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh

Căn cứ từng trường hợp cụ thể, người tiếp công dân, người xử lý khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh lựa chọn tham mưu xử lý vụ việc như sau:

** Hướng dẫn cho công dân*

- Nếu đơn chưa được cơ quan, tổ chức nào hướng dẫn hoặc chuyển đến cơ quan chức năng, người có thẩm quyền giải quyết thì hướng dẫn công dân gửi đơn đến đúng cơ quan chức năng, người có thẩm quyền để được giải quyết.

- Nếu trong cùng một đơn trình bày tất cả nội dung khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh hoặc nội dung thuộc thẩm quyền giải quyết của nhiều cơ quan, tổ chức, cá nhân khác nhau thì hướng dẫn công dân viết thành đơn riêng để khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh với cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền.

** Thông báo cho công dân hoặc cơ quan, tổ chức*

- Trong trường hợp công dân gửi đơn kèm theo tài liệu gốc thì thông báo để công dân biết về thời gian trả lại tài liệu gốc tại nơi tiếp công dân.

- Trong trường hợp cơ quan, tổ chức chuyển đơn không đúng thẩm quyền thì trả lại đơn và thông báo cho cơ quan, tổ chức đó biết rõ lý do trả lại đơn.

** Chuyển tố cáo, kiến nghị, phản ánh đến người có thẩm quyền giải quyết*

Đối với tố cáo, kiến nghị, phản ánh đủ điều kiện xử lý thì chuyển đến người có thẩm quyền giải quyết. Thời hạn chuyển đơn tố cáo là 05 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận đơn.

Không chuyển đơn tố cáo nhận từ nơi tiếp công dân.

** Đôn đốc giải quyết tố cáo*

Đôn đốc giải quyết tố cáo được thực hiện khi Ban Thường trực MTTQ Việt Nam đã chuyển tố cáo nhưng quá thời hạn quy định của pháp luật mà cơ quan chức năng, người có thẩm quyền không gửi văn bản thông báo kết quả giải quyết tố cáo đến Ban Thường trực MTTQ Việt Nam đã chuyển tố cáo.

*** Đề xuất Ban Thường trực giám sát**

Khi nội dung vụ việc là lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của công dân có dấu hiệu bị xâm hại, vụ việc đã được cơ quan chức năng, người có thẩm quyền giải quyết nhưng công dân không chấp thuận kết quả giải quyết và nhiều cơ quan, tổ chức còn có ý kiến không thống nhất thì đề xuất Ban Thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam giám sát.

*** Ban hành văn bản kiến nghị**

Khi vụ việc tố cáo đã được Ban Thường trực MTTQ Việt Nam tổ chức giám sát, qua giám sát thấy cần bảo vệ người tố cáo; ngăn ngừa, hạn chế, khắc phục sai phạm của cơ quan chức năng, người có thẩm quyền trong việc áp dụng chính sách, pháp luật; sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện chính sách, pháp luật thì căn cứ mục đích cần kiến nghị đề tham mưu cho Ban Thường trực MTTQ Việt Nam ban hành công văn kiến nghị gửi cơ quan chức năng, người có thẩm quyền.

*** Đối với khiếu nại:**

Trường hợp đủ điều kiện xử lý:

- (1) Hướng dẫn công dân thực hiện quyền và nghĩa vụ của người khiếu nại²;
- (2) Đề xuất Ban Thường trực giám sát vụ việc nếu thấy có căn cứ cho rằng quyền, lợi ích của công dân bị xâm phạm.
- (3) Ban hành văn bản kiến nghị của Ban Thường trực nếu qua giám sát thấy có dấu hiệu vi phạm pháp luật.

2.2.3. Xếp lưu đơn

Trường hợp công dân gửi đơn không có nội dung khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh hoặc đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh không đủ điều kiện xử lý thì cần đánh dấu số hồ sơ, tài liệu và xếp lưu đảm bảo khoa học.

Thời hạn lưu tài liệu, hồ sơ là 01 năm, việc tiêu hủy tài liệu, hồ sơ do người đứng đầu cơ quan quyết định.

² Lưu ý: (1) Đơn khiếu nại đối với quyết định giải quyết khiếu nại đã có hiệu lực pháp luật theo quy định tại Điều 44 Luật Khiếu nại thì người xử lý đơn không thụ lý, không chuyển đơn mà hướng dẫn người khiếu nại khởi kiện vụ án hành chính tại Tòa án nhân dân có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính, trừ trường hợp được quy định tại khoản 2 Điều 9, Thông tư số 05/2021/TT-TTCP ngày 01/10/2021 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình xử lý đơn khiếu nại, đơn tố cáo, đơn kiến nghị, phản ánh. (2) Khi xử lý khiếu nại theo ủy quyền, việc đầu tiên cần xem xét giấy ủy quyền có phù hợp quy định của pháp luật không? sau đó xét đến việc công dân thực hiện quyền, trách nhiệm của người được ủy quyền khi khiếu nại đúng pháp luật không?. Một số trường hợp xử lý việc khiếu nại, công dân nhận thức rằng mình khiếu nại theo ủy quyền, hồ sơ khiếu nại có giấy ủy quyền, trong đó Ủy ban nhân dân cấp xã chỉ xác nhận về chữ ký, không xác nhận nội dung ủy quyền. Đây là trường hợp công dân không đủ tư cách pháp lý là người được ủy quyền khiếu nại.

3. Giám sát giải quyết khiếu nại, tố cáo của cơ quan nhà nước

Ủy ban MTTQ Việt Nam các cấp khi nhận được đơn của công dân thì tiến hành phân loại, xử lý, hướng dẫn người gửi đơn gửi đến đúng cơ quan có thẩm quyền giải quyết hoặc chuyển đơn đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết theo quy định pháp luật; đồng thời giám sát việc giải quyết khiếu nại, tố cáo theo quy định tại Điều 66 của Luật khiếu nại.

Sau khi Ủy ban MTTQ Việt Nam đã chuyển đơn, văn bản kiến nghị đến tổ chức, cá nhân có thẩm quyền giải quyết nhưng tổ chức, cá nhân có thẩm quyền giải quyết không thông báo kết quả giải quyết cho Ủy ban MTTQ Việt Nam theo quy định của pháp luật thì gửi văn bản của Ban Thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam đề đơn đốc việc giải quyết.

Trong quá trình xử lý khiếu nại, tố cáo của công dân, người xử lý khiếu nại, tố cáo nhận thấy vụ việc có dấu hiệu vi phạm pháp luật, vi phạm quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân; những vụ việc đã có kết quả giải quyết của cơ quan, người có thẩm quyền nhưng có dấu hiệu vi phạm pháp luật hoặc có tình tiết mới mà công dân vẫn tiếp tục khiếu nại, tố cáo; những vụ việc khiếu nại, tố cáo tồn đọng, kéo dài, vượt cấp, đông người, phức tạp, có nguy cơ phát sinh “điểm nóng” thì có thể tham mưu với Ban Thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam chủ trì hoặc phối hợp với các cơ quan, tổ chức có liên quan thành lập đoàn công tác trực tiếp làm việc với cơ quan chức năng để tìm hiểu rõ nội dung khiếu nại, tố cáo của công dân, giám sát quá trình giải quyết khiếu nại, tố cáo của cơ quan chức năng, người có thẩm quyền.

Bên cạnh đó, Ban Thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam các cấp thường xuyên tổ chức các Đoàn giám sát để giám sát quá trình tiếp công dân, xử lý đơn thư của các cơ quan hành chính nhà nước. Qua giám sát, Ủy ban MTTQ Việt Nam các cấp đã có những kiến nghị đối với Chính phủ, Ủy ban nhân dân các cấp phát huy những ưu điểm, khắc phục những hạn chế, tồn tại trong công tác tiếp dân và xử lý đơn thư của địa phương như: thời hạn giải quyết đơn, trình tự, thủ tục giải quyết, bố trí cán bộ tiếp dân, trách nhiệm của người đứng đầu trong công tác tiếp dân, xử lý đơn thư...

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Hiến pháp năm 2013.
2. Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam năm 2015.
3. Luật Tiếp công dân năm 2013.
4. Luật khiếu nại năm 2011.
5. Luật tố cáo năm 2018.

6. Quyết định số 217/QĐ-TW ngày 12/12/2013 của Ban Chấp hành Trung ương về ban hành quy chế giám sát và phản biện xã hội của MTTQ Việt Nam và các đoàn thể Chính trị - Xã hội.

7. Chỉ thị 35-CT/TW, ngày 26/5/2014 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo

8. Chỉ thị số 27-CT/TW, ngày 10/01/2019 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác bảo vệ người phát hiện, tố giác, người đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí tiêu cực

9. Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ hướng dẫn thực hiện Luật khiếu nại.

10. Nghị định số 31/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp tổ chức thi hành Luật tố cáo.

11. Thông tri số 36/TTr-MTTW-BTT ngày 06/5/2019 của Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam “quy định, hướng dẫn MTTQ Việt Nam các cấp tiếp công dân, xử lý khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của công dân”.

12. Chuyên đề "Công tác tiếp công dân, xử lý đơn thư, tham gia giải quyết khiếu nại, tố cáo của MTTQ Việt Nam" - Ths. Lê Văn Tuấn, chuyên viên Ban Dân chủ - Pháp luật, Ủy ban Trung ương MTTQ Việt Nam.

12. Lê Thị Kim Thanh, Thẩm tra viên Vụ GQKN,TC - Tổng cục Thi hành án dân sự "*Kỹ năng tiếp công dân và kinh nghiệm tiếp công dân khiếu nại, tố cáo về thi hành án dân sự*".

Chuyên đề 6

VAI TRÒ CỦA MẶT TRẬN TỔ QUỐC VIỆT NAM TRONG THỰC HIỆN DÂN CHỦ

I. MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG

1. Khái niệm và đặc điểm của dân chủ

1.1. Khái niệm

Dân chủ bao gồm hai hàm nghĩa: dân là chủ và dân làm chủ. Theo nghĩa chung nhất, dân chủ là chế độ chính trị của một đất nước, trong đó toàn bộ quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân, do nhân dân thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các tổ chức đại diện do nhân dân lập ra.

Các hình thức thực hiện dân chủ gồm dân chủ trực tiếp (ví dụ như cử tri trực tiếp bỏ phiếu bầu đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân), và dân chủ đại diện (đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân thay mặt cử tri bỏ phiếu bầu các chức danh lãnh đạo Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp).

1.2. Đặc điểm

Dân chủ là chế độ chính trị, chế độ nhà nước, trong đó Nhà nước ban hành pháp luật để ghi nhận quyền lực chính trị của nhân dân, quyền tự do, bình đẳng của công dân trong các lĩnh vực tổ chức và hoạt động của nhà nước, quản lý nhà nước. Đồng thời Nhà nước có biện pháp bảo đảm thi hành, thậm chí là sự cưỡng chế bằng pháp luật đối với mọi người để bảo đảm dân chủ chung cho toàn xã hội.

Dân chủ là quyền lực thuộc về giai cấp thống trị (giai cấp cầm quyền). Trong xã hội có giai cấp, mỗi giai cấp có sự nhận thức, triển khai và thực thi dân chủ tùy theo lập trường, quan điểm và lợi ích của giai cấp mình. Nhưng lập trường, quan điểm và lợi ích chi phối, quyết định việc ban hành và thực hiện dân chủ là ý chí của giai cấp thống trị (giai cấp cầm quyền, thể hiện thông qua đường lối chính trị của đảng cầm quyền, được Nhà nước thể chế hóa thành pháp luật).

Dân chủ (với tính cách là chế độ chính trị, chế độ xã hội) là thành quả đấu tranh của nhân dân lao động chống lại các giai cấp, lực lượng áp bức, bóc lột như chế độ dân chủ ở Việt Nam hiện nay là thành quả mà nhân dân ta dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam giành được từ Cách mạng Tháng Tám năm 1945 đến nay.

Dân chủ là nguyên tắc tổ chức, sinh hoạt của các cộng đồng và các tổ chức chính trị - xã hội trên cơ sở sự tự do, bình đẳng giữa các thành viên, thiểu số phục tùng đa số và tôn trọng, bảo vệ thiểu số. Ví dụ, nguyên tắc tập trung dân chủ trong tổ chức và hoạt động của Đảng và Nhà nước; nguyên tắc hiệp thương dân chủ trong tổ chức và hoạt động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

Dân chủ là giá trị xã hội, giá trị nhân văn, văn minh phản ánh trạng thái, mức độ giải phóng con người trong tiến trình phát triển xã hội. Ví dụ, sự phát triển của chế định quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân qua các bản Hiến pháp năm 1946, 1959, 1980, 1992, 2013 của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

1.3. Cơ sở và thực hiện dân chủ ở cơ sở

Cấp cơ sở có vai trò, vị trí rất quan trọng, là nơi tổ chức thực hiện chủ trương, đường lối, nghị quyết của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước. Cơ sở còn là nơi triển khai các phong trào thi đua, các cuộc vận động, nơi diễn ra hoạt động của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và nhân dân, nơi mà quyền làm chủ của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và nhân dân được thực hiện một cách trực tiếp và rộng rãi nhất; đồng thời cũng là môi trường xã hội để rèn luyện, thử thách và đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và nhân dân. Trong chế độ dân chủ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam, toàn bộ hệ thống chính trị đều được tổ chức và hoạt động vì nhân dân, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của nhân dân; vì vậy nhân dân có quyền được biết, được bàn, được kiểm tra, được tham gia giải quyết những vấn đề đặt ra ở cơ sở, đồng thời có quyền kiểm tra, giám sát hoạt động hàng ngày của cấp ủy, chính quyền và cán bộ lãnh đạo. Điều đó có nghĩa là nhân dân có quyền làm chủ và được hưởng lợi từ cơ sở.

Theo quy định của pháp luật hiện hành “*Cơ sở là xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là cấp xã) và cộng đồng dân cư trên địa bàn cấp xã; cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập (sau đây gọi chung là cơ quan, đơn vị); tổ chức có sử dụng lao động*”³. Trong các loại hình cơ sở đó, cấp xã là cấp có số lượng lớn nhất và có vị trí đặc biệt quan trọng trong hệ thống chính trị ở nước ta, như Bác Hồ từng khẳng định “*Cấp xã là gần gũi nhân dân nhất, là nền tảng của hành chính. Cấp xã làm được việc thì mọi công việc đều xong xuôi*”.

“*Thực hiện dân chủ ở cơ sở là phương thức phát huy quyền làm chủ của Nhân dân, để công dân, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động được thông tin, thể hiện ý chí, nguyện vọng, chính kiến của mình thông qua việc thảo luận, tham gia ý kiến, quyết định và kiểm tra, giám sát các vấn đề ở cơ sở theo quy định của Hiến pháp và pháp luật*”⁴.

Thực hiện dân chủ cơ sở vừa là phương thức, điều kiện đảm bảo quyền tham gia quản lý nhà nước của nhân dân, đồng thời là điều kiện tốt nhất để khắc phục bệnh quan liêu và chống những hiện tượng, hành vi phản dân chủ phát sinh trong các loại hình cơ sở. Nếu cơ sở mạnh thì cả hệ thống chính trị và các cơ quan, đơn vị, tổ chức vững mạnh, các địa phương, vùng miền và toàn xã hội cũng vững mạnh; ngược lại, nếu cơ sở yếu kém, trì trệ thì cả hệ thống chính trị và các cơ quan, đơn vị, tổ chức vững mạnh, các địa

³. Khoản 2, Điều 2 Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở.

⁴. Khoản 3, Điều 2 Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở.

phương, vùng miền và toàn xã hội sẽ bị ảnh hưởng. Muốn phát triển nhanh và bền vững thì phải bắt đầu ổn định từ cơ sở, phải xuất phát từ cơ sở, có như vậy mới bảo đảm cho sự gắn kết, thống nhất bền vững giữa Đảng, Nhà nước và nhân dân.

2. Cơ sở chính trị và cơ sở pháp lý về vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam trong việc thực hiện dân chủ

2.1. Cơ sở chính trị

Hầu hết các văn bản quan trọng của Đảng đều thể hiện sự tôn trọng và ghi nhận vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam trong đời sống chính trị - xã hội của đất nước. Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội năm 1991 (bổ sung, phát triển năm 2011) tiếp tục thể hiện điều đó khi khẳng định vai trò quan trọng của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam trong đời sống chính trị - xã hội nói chung và trong việc thực hiện dân chủ nói riêng. Đó là:

Thứ nhất, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể nhân dân có vai trò rất quan trọng trong sự nghiệp đại đoàn kết toàn dân tộc để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; đại diện, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của nhân dân, chăm lo lợi ích của các đoàn viên, hội viên; thực hiện dân chủ và xây dựng xã hội lành mạnh; tham gia xây dựng Đảng, Nhà nước; giáo dục lý tưởng và đạo đức cách mạng, quyền và nghĩa vụ công dân, tăng cường mối liên hệ giữa nhân dân với Đảng và Nhà nước.

Thứ hai, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam là tổ chức liên minh chính trị, liên hiệp tự nguyện của tổ chức chính trị, các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội và các cá nhân tiêu biểu trong các giai cấp, tầng lớp xã hội, dân tộc, tôn giáo và người Việt Nam định cư ở nước ngoài.

Thứ ba, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam là một bộ phận quan trọng của hệ thống chính trị xã hội chủ nghĩa; là cơ sở chính trị của chính quyền nhân dân.

Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng tiếp tục khẳng định: “Tăng cường vai trò nòng cốt chính trị, trách nhiệm của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội trong xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc, tập hợp, vận động nhân dân đẩy mạnh các phong trào thi đua yêu nước, đẩy mạnh cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”, thực hành dân chủ, tăng cường đồng thuận xã hội”. Mặt trận Tổ quốc đóng vai trò nòng cốt trong tập hợp, vận động nhân dân, đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước, phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, thực hiện dân chủ, tăng cường đồng thuận xã hội; giám sát và phản biện xã hội; tham gia xây dựng Đảng, Nhà nước, hoạt động đối ngoại nhân dân, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

2.2. Cơ sở pháp lý

Thế chế hóa đường lối, chính sách của Đảng về đại đoàn kết dân tộc và vị trí, vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam trong đời sống chính trị - xã hội nói chung; trong

thực hiện dân chủ nói riêng, Hiến pháp năm 2013 và Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam năm 2015 quy định:

Một là, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam là tổ chức liên minh chính trị, liên hiệp tự nguyện của tổ chức chính trị, các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội và các cá nhân tiêu biểu trong các giai cấp, tầng lớp xã hội, dân tộc, tôn giáo và người Việt Nam định cư ở nước ngoài. Không tổ chức nào trong hệ thống chính trị xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam có số lượng tổ chức thành viên đông đảo và rộng lớn như vậy, điều đó đồng nghĩa với việc Mặt trận Tổ quốc Việt Nam là tổ chức đại diện lớn nhất cho quyền làm chủ của các tầng lớp nhân dân Việt Nam.

Hai là, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam là cơ sở chính trị của chính quyền nhân dân; đại diện, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp chính đáng của Nhân dân. Một trong những biểu hiện quan trọng nhất của vai trò “là cơ sở chính trị của chính quyền nhân dân” là Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp chủ động thực hiện các bước hiệp thương lựa chọn, giới thiệu người ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân.

Ba là, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam có chức năng thực hiện giám sát và phản biện xã hội. Vai trò này được thể hiện trực tiếp và cụ thể trong “Quy chế giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội” (ban hành kèm theo Quyết định số 217-QĐ/TW ngày 12/12/2013 của Bộ Chính trị khóa XI) và “Quy định về việc Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể chính trị - xã hội và nhân dân tham gia góp ý xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền” (ban hành kèm theo Quyết định số 218-QĐ/TW ngày 12/12/2013 của Bộ Chính trị khóa XI).

Bốn là, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tham gia xây dựng Đảng và Nhà nước. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp tuyên truyền, vận động nhân dân tham gia giám sát cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức; theo dõi, phát hiện và tố giác các hành vi tham nhũng, lãng phí, những thiếu sót của cán bộ, công chức, viên chức gắn với thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ 4 (khóa XI, XII, XIII) về tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ.

Năm là, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam có chức năng hoạt động đối ngoại nhân dân (cùng với hoạt động đối ngoại của Đảng và ngoại giao của Nhà nước) để góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Điều 87 Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở quy định Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp có trách nhiệm: 1). Tổ chức vận động Nhân dân thực hiện dân chủ ở cơ sở, hương ước, quy ước của cộng đồng dân cư; tổ chức các phong trào thi đua về thực hiện dân chủ ở cơ sở; 2). Tham gia, hỗ trợ, hướng dẫn Nhân dân thực hiện dân chủ ở cơ sở; 3). Tiếp nhận, tổng hợp khiếu nại, tố cáo, phản ánh, kiến nghị của Nhân dân về thực hiện dân chủ ở cơ sở để chuyển đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy

định; giám sát quá trình giải quyết khiếu nại, tố cáo, phản ánh, kiến nghị của Nhân dân; 4). Thực hiện giám sát, phản biện xã hội đối với hoạt động của cơ quan, đơn vị, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong việc thực hiện chính sách, pháp luật về thực hiện dân chủ ở cơ sở; 5). Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của Luật này. Là kết quả thể chế hóa quan điểm chỉ đạo của Đảng về mở rộng và phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa, quyền làm chủ của nhân dân, Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở có rất nhiều điều khoản quy định trực tiếp về nội dung và hình thức thực hiện dân chủ của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp.

Những cơ sở chính trị, pháp lý nêu trên khẳng định Mặt trận Tổ quốc Việt Nam là một thành tố quan trọng trong hệ thống chính trị xã hội chủ nghĩa Việt Nam; là chủ thể quan trọng trong cơ chế thực hiện dân chủ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam, rõ nhất là trong môi quan hệ tổng thể đã được khẳng định tại Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng: “Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội làm nòng cốt để nhân dân làm chủ”. Điều 3 Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở khẳng định một trong những nguyên tắc thực hiện dân chủ ở cơ sở là “Bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước, vai trò nòng cốt của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội trong thực hiện dân chủ ở cơ sở”. Các quy định của Đảng, Nhà nước và Mặt trận Tổ quốc Việt Nam trong các hoạt động đó cấu thành nội dung về vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam trong thực hiện dân chủ.

Chương II của Luật quy định về Thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn, gồm có 35 Điều (từ Điều 11 đến Điều 45), được bố cục thành 04 mục với các nội dung cơ bản, quyền và trách nhiệm của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam là rất quan trọng bảo đảm hiệu lực, hiệu quả của Luật cụ thể như sau:

a) Công khai thông tin ở xã, phường, thị trấn

(1) Những nội dung chính quyền địa phương cấp xã phải công khai; (2) Hình thức và thời điểm công khai thông tin; (3) Trách nhiệm tổ chức thực hiện việc công khai thông tin. Trong đó, trên cơ sở kế thừa một số quy định của Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn và để bảo đảm phù hợp với pháp luật hiện hành, Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở đã quy định cụ thể, rõ ràng hơn các nội dung sau đây:

Về những nội dung chính quyền cấp xã phải công khai, Luật quy định trừ các thông tin thuộc bí mật nhà nước hoặc thông tin chưa được công khai theo quy định của pháp luật, chính quyền địa phương cấp xã phải công khai 14 nội dung cụ thể (Điều 11).

Về hình thức công khai thông tin, Luật quy định 10 hình thức công khai thông tin, trong đó có những hình thức mới hoặc cập nhật những hình thức đã được áp dụng hiệu quả trong thực tiễn thời gian qua như: đăng tải trên cổng thông tin điện tử, trang thông tin điện tử của chính quyền địa phương cấp xã; thông qua hội nghị trao đổi, đối thoại giữa Ủy ban nhân dân cấp xã với Nhân dân; thông qua việc tiếp công dân, tiếp

xúc cử tri, họp báo, thông cáo báo chí, hoạt động của người phát ngôn của Ủy ban nhân dân cấp xã theo quy định của pháp luật; thông báo đến tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội và các tổ chức, đoàn thể cùng cấp khác để tổ chức phổ biến, tuyên truyền đến hội viên, đoàn viên ở cơ sở; thông qua mạng viễn thông, mạng xã hội hoạt động hợp pháp theo quy định của pháp luật, bảo đảm phù hợp với mức độ ứng dụng công nghệ thông tin tại cấp xã, tại thôn, tổ dân phố. Ngoài 10 hình thức đã được liệt kê trong Luật, các hình thức khác theo quy định của pháp luật và quy chế thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn cũng sẽ được ưu tiên thực hiện. Luật cũng quy định về việc công khai thông tin tại khu vực biên giới, hải đảo, miền núi, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số thực hiện theo quy định của Chính phủ (Điều 12).

b) Nhân dân bàn và quyết định

(1) Những nội dung Nhân dân bàn và quyết định; (2) Đề xuất nội dung để Nhân dân bàn và quyết định (trong đó quy định về thẩm quyền đề xuất các nội dung có phạm vi thực hiện ở địa bàn cấp xã, các nội dung có phạm vi thực hiện ở địa bàn thôn, tổ dân phố và quy định về sáng kiến công dân); (3) Hình thức Nhân dân bàn và quyết định; (4) Quyết định của cộng đồng dân cư; (5) Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã, Mặt trận Tổ quốc cấp xã, Trưởng thôn, Tổ trưởng Tổ dân phố và Nhân dân trong việc tổ chức việc bàn, quyết định và thực hiện quyết định của cộng đồng dân cư. Trong đó, Luật tập trung quy định những nội dung mới như sau:

Về nội dung Nhân dân bàn và quyết định, Luật quy định 06 nội dung Nhân dân bàn và quyết định, bao gồm: (1) Chủ trương và mức đóng góp xây dựng cơ sở hạ tầng, các công trình công cộng trong phạm vi địa bàn cấp xã, ở thôn, tổ dân phố do Nhân dân đóng góp toàn bộ hoặc một phần kinh phí, tài sản, công sức. (2) Việc thu, chi, quản lý các khoản đóng góp của Nhân dân tại cộng đồng dân cư ngoài các khoản đã được pháp luật quy định; việc thu, chi, quản lý các khoản kinh phí, tài sản do cộng đồng dân cư được giao quản lý hoặc được tiếp nhận từ các nguồn thu, tài trợ, ủng hộ hợp pháp khác. (3) Nội dung hương ước, quy ước của cộng đồng dân cư. (4) Bầu, cho thôi làm Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố. (5) Bầu, cho thôi làm thành viên Ban Thanh tra nhân dân, Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng. (6) Các công việc tự quản khác trong nội bộ cộng đồng dân cư không trái với quy định của pháp luật, phù hợp với thuần phong, mỹ tục và đạo đức xã hội (Điều 15). Hơn thế nữa, tại Điều 16 của Luật còn quy định về việc đề xuất nội dung để Nhân dân bàn và quyết định.

Quy định nêu trên là nhằm khuyến khích sự sáng tạo và tinh thần đóng góp của người dân, tận dụng và tạo điều kiện tối đa để công dân đề xuất và triển khai thực hiện những sáng kiến của mình đối với các công việc chung vì lợi ích của cộng đồng.

Về hình thức Nhân dân bàn và quyết định, Luật quy định, tùy theo nội dung được đề xuất, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố tổ chức

để Nhân dân ở thôn, tổ dân phố bàn và quyết định bằng một trong các hình thức sau đây: (1) Tổ chức cuộc họp của cộng đồng dân cư; (2) Phát phiếu lấy ý kiến của từng hộ gia đình; (3) Biểu quyết trực tuyến phù hợp với mức độ ứng dụng công nghệ thông tin và được cộng đồng dân cư thống nhất lựa chọn. Việc tổ chức cuộc họp của cộng đồng dân cư và phát phiếu lấy ý kiến của từng hộ gia đình được Luật quy định cụ thể tại từng điều riêng để có cơ sở thực hiện thống nhất, đồng bộ tại cơ sở (các Điều 17, 18, 19).

Về quyết định của cộng đồng dân cư, đây là một nội dung mới, thể hiện sự ghi nhận trong Luật về giá trị của những nội dung mà Nhân dân đã bàn và quyết định. Luật quy định cụ thể về hình thức, nội dung, hiệu lực, việc sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ quyết định của cộng đồng dân cư nhằm bảo đảm tính hiệu lực, hiệu quả, chất lượng của các quyết định này.

Ngoài ra, để bảo đảm trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong việc thực hiện các quy định để Nhân dân bàn và quyết định, Luật quy định về trách nhiệm trong việc tổ chức để Nhân dân bàn, quyết định và thực hiện quyết định của cộng đồng dân cư (bao gồm trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã, Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố) và trách nhiệm của Nhân dân trong việc tham gia bàn, quyết định các nội dung, công việc ở cơ sở.

c) Nhân dân tham gia ý kiến

(1) Những nội dung Nhân dân tham gia ý kiến trước khi cơ quan có thẩm quyền quyết định; (2) Hình thức Nhân dân tham gia ý kiến; (3) Việc tổ chức đối thoại, lấy ý kiến công dân là đối tượng thi hành trong trường hợp Ủy ban nhân dân cấp xã ban hành quyết định hành chính có nội dung xác lập nghĩa vụ hoặc làm chấm dứt, hạn chế quyền, lợi ích của đối tượng thi hành; (4) Trách nhiệm của các chủ thể có liên quan trong việc tổ chức để Nhân dân tham gia ý kiến. Cụ thể như sau:

Về những nội dung và hình thức Nhân dân tham gia ý kiến trước khi cơ quan có thẩm quyền quyết định, Luật quy định 09 nội dung và 08 hình thức Nhân dân tham gia ý kiến (Điều 26 và Điều 27). Ngoài ra, để tạo thuận lợi cho địa phương trong quá trình thực hiện, Luật cũng quy định, tùy theo nội dung, tính chất, yêu cầu của việc lấy ý kiến Nhân dân, khả năng, điều kiện đáp ứng thực tế của địa phương và phù hợp với quy chế thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn, Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định lựa chọn một hoặc một số hình thức quy định tại Khoản 1 Điều 26 của Luật để tổ chức lấy ý kiến Nhân dân. Trường hợp pháp luật có quy định về việc áp dụng hình thức, cách thức tổ chức cụ thể để lấy ý kiến của Nhân dân về nội dung nhất định thì việc tổ chức lấy ý kiến Nhân dân, tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến tham gia của Nhân dân thực hiện theo quy định đó.

Về việc tổ chức đối thoại, lấy ý kiến công dân là đối tượng thi hành trong trường hợp Ủy ban nhân dân cấp xã ban hành quyết định hành chính có nội dung xác lập nghĩa

vụ hoặc làm chầm dứt, hạn chế quyền, lợi ích của đối tượng thi hành, để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của công dân, Luật quy định: (1) Trước khi ban hành quyết định hành chính có nội dung xác lập nghĩa vụ hoặc làm chầm dứt, hạn chế quyền, lợi ích của công dân là đối tượng thi hành, trừ quyết định hành chính có nội dung thuộc bí mật nhà nước và quyết định xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật, Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm thông tin và tạo điều kiện để công dân là đối tượng thi hành quyết định hành chính được biết và trình bày ý kiến nếu người đó có yêu cầu. Công dân là đối tượng thi hành quyết định hành chính có thể tự mình hoặc ủy quyền cho người đại diện trình bày ý kiến. (2) Trường hợp quyết định hành chính áp dụng đối với nhiều đối tượng hoặc khi xét thấy cần thiết, thì Ủy ban nhân dân cấp xã có thể tổ chức cuộc họp đối thoại, lấy ý kiến trực tiếp của các công dân là đối tượng thi hành quyết định. Thành phần tham dự cuộc họp bao gồm đại diện lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp xã, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã, đại diện Ban Thanh tra nhân dân cấp xã và các công dân là đối tượng thi hành quyết định hành chính. (3) Ý kiến của công dân là đối tượng thi hành, ý kiến của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan phải được tổng hợp đầy đủ; nội dung giải trình, tiếp thu ý kiến của đối tượng thi hành được gửi đến các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan và được lưu cùng hồ sơ trình ký ban hành quyết định hành chính. Người có thẩm quyền ra quyết định và chịu trách nhiệm về việc ban hành quyết định hành chính của mình (Điều 28).

Đồng thời, tại Điều 29 và Điều 30 của Luật còn có các quy định về trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội cùng cấp trong việc tổ chức thực hiện để Nhân dân tham gia ý kiến và trách nhiệm của Nhân dân trong việc tham gia ý kiến về các nội dung ở xã, phường, thị trấn.

d) Nhân dân kiểm tra, giám sát

(1) Nội dung, hình thức kiểm tra, giám sát (tiểu mục 1, từ Điều 30 đến Điều 35); (2) Quy định các nội dung cơ bản về tổ chức, nhiệm vụ, quyền hạn và hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân cấp xã (tiểu mục 2, từ Điều 36 đến Điều 40); (3) Quy định các nội dung cơ bản về tổ chức, nhiệm vụ, quyền hạn và hoạt động của Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng (tiểu mục 3, từ Điều 41 đến Điều 45). Đây là một mục hoàn toàn mới so với quy định của pháp luật hiện hành, trong đó quy định cụ thể, rõ ràng các nội dung cơ bản như sau:

Về nội dung kiểm tra, giám sát, Luật quy định: (1) Công dân kiểm tra việc thực hiện các nội dung mà Nhân dân đã bàn và quyết định quy định tại Điều 15 của Luật này. (2) Công dân giám sát việc tổ chức thực hiện dân chủ ở cơ sở và việc thực hiện chính sách, pháp luật của chính quyền địa phương cấp xã, cán bộ, công chức cấp xã, người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố (Điều 30). Như vậy, Luật đã phân biệt rõ các nội dung kiểm tra và các nội dung giám sát, làm cơ sở cho việc tổ chức thực hiện thống nhất, phát huy tốt hơn việc thực hiện dân chủ của Nhân dân tại cơ sở.

Về hình thức kiểm tra, giám sát, Luật quy định công dân trực tiếp thực hiện việc kiểm tra, giám sát thông qua: (1) Hoạt động lao động, sản xuất, học tập, công tác, sinh hoạt của công dân ở cộng đồng dân cư; (2) Quan sát, tìm hiểu, giao tiếp với cán bộ, công chức cấp xã, người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố và người dân ở cộng đồng dân cư; (3) Tiếp cận các thông tin được công khai; các thông tin, báo cáo của chính quyền địa phương cấp xã, cán bộ, công chức cấp xã, người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố, cơ quan, tổ chức, cá nhân được giao quản lý hoặc thực hiện các nội dung Nhân dân đã bàn và quyết định; (4) Tham dự hội nghị trao đổi, đối thoại giữa Ủy ban nhân dân cấp xã với Nhân dân, hội nghị tiếp xúc cử tri, hoạt động tiếp công dân; hội nghị định kỳ và các cuộc họp khác của cộng đồng dân cư. Bên cạnh đó, công dân cũng có thể thực hiện việc kiểm tra, giám sát thông qua Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã, thông qua hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân ở xã, phường, thị trấn, Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng và các tổ chức tự quản khác ở địa phương được thành lập theo quy định của pháp luật (Điều 31). Bằng việc chỉ rõ các hình thức kiểm tra, giám sát, Luật đã cho thấy các nội dung và hình thức kiểm tra, giám sát của Nhân dân trong thực hiện dân chủ ở cơ sở thực chất là những hoạt động hết sức gần gũi, phổ biến, có thể diễn ra hàng ngày, hàng giờ, rất thuận lợi cho quá trình thực hiện của người dân; để từ đó, nâng cao năng lực, chất lượng của công tác này, đóng góp thiết thực trí tuệ, cái tâm và cái tầm của mỗi một người dân đối với việc phát huy dân chủ cơ sở tại địa phương và toàn xã hội. Ngoài ra, Luật cũng quy định về việc xử lý đối với kết quả kiểm tra, giám sát của nhân dân và trách nhiệm trong việc bảo đảm để Nhân dân kiểm tra, giám sát của các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan để bảo đảm tính hiệu quả, khả thi của các quy định này (Điều 34 và Điều 35).

II. CÁC PHƯƠNG THỨC THỰC HIỆN DÂN CHỦ CỦA MẶT TRẬN TỔ QUỐC VIỆT NAM

1. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tham gia xây dựng chính sách, pháp luật

Theo quy định của Hiến pháp, Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam có quyền đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh; trình dự án văn bản quy phạm pháp luật; tham gia các ban soạn thảo, tổ biên tập xây dựng các dự án văn bản quy phạm pháp luật; tham gia góp ý kiến xây dựng văn bản pháp luật. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh, huyện, xã cũng có quyền tham gia vào quá trình xây dựng pháp luật của chính quyền cùng cấp. Nghị quyết số 27-NQ/TW Hội nghị Trung ương lần thứ sáu khóa XIII về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới tiếp tục khẳng định “Phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội và Nhân dân, chuyên gia, nhà khoa học tham gia xây dựng pháp luật. Hoàn thiện cơ chế phản biện xã hội, giải trình và tiếp thu ý kiến của Nhân dân đối với dự thảo văn bản quy phạm pháp luật”.

Sau khi văn bản quy phạm pháp luật được ban hành, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tiếp tục tham gia vào khâu tổ chức thực hiện và giám sát việc thi hành pháp luật (đây chính là nội dung Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thực hiện dân chủ trong tổ chức thi hành pháp luật) bằng việc xây dựng chương trình, kế hoạch hành động và phổ biến, triển khai sâu rộng các văn bản quy phạm pháp luật đến các tầng lớp Nhân dân; đoàn viên, hội viên của các tổ chức thành viên; đồng bào các dân tộc, tôn giáo; người Việt Nam sinh sống và làm việc ở nước ngoài. Nhiều văn bản của Đảng và Nhà nước quy định trực tiếp về vai trò chủ trì hoặc phối hợp của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam với các cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị về việc tổ chức triển khai thi hành chính sách, pháp luật có ảnh hưởng đến quốc kế dân sinh; đến quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của Nhân dân. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam giám sát việc tổ chức thi hành pháp luật bằng các hình thức phù hợp theo quy định (trên cơ sở kế hoạch giám sát, phản biện xã hội hàng năm, giám sát theo chuyên đề hoặc giám sát đột xuất).

Việc Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tham gia xây dựng, tổ chức thực hiện và giám sát việc thi hành pháp luật là điều kiện quan trọng đảm bảo đường lối, chủ trương của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước đều xuất phát từ nguyện vọng, quyền và lợi ích chính đáng của nhân dân, được nhân dân tham gia ý kiến từ khâu soạn thảo đến tổ chức thi hành và giám sát việc thi hành.

2. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tham gia xây dựng bộ máy nhà nước

Cụ thể hóa Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, Nghị quyết số 27-NQ/TW Hội nghị Trung ương lần thứ sáu khóa XIII về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới tiếp tục khẳng định một trong những nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm là “Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và nhân dân trong xây dựng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam... Xây dựng và hoàn thiện cơ chế để Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội thực hiện tốt vai trò nòng cốt trong việc phát huy quyền làm chủ của Nhân dân, giám sát, phản biện xã hội, tham gia xây dựng Đảng, Nhà nước, kiểm soát quyền lực nhà nước và phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, góp phần tăng cường sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc”.

Thực hiện quyền dân chủ của Nhân dân và trên cơ sở quy định của Hiến pháp, pháp luật, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp và các tổ chức thành viên luôn chủ động, tích cực tham gia chuẩn bị và tổ chức bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp, bao gồm các khâu: tham gia thành lập các tổ chức phụ trách bầu cử; tổ chức các hội nghị hiệp thương; tổ chức hội nghị cử tri; tổ chức hội nghị tiếp xúc cử tri để vận động bầu cử; công tác tuyên truyền; tổ chức hoạt động giám sát để đảm bảo cử tri và Nhân dân cả nước thực sự lựa chọn đúng đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp đại diện cho ý chí, nguyện vọng của cử tri và Nhân dân cả nước để tham gia vào cơ quan quyền lực cao nhất của Nhà nước và cơ quan đại

biểu nhân dân ở địa phương. Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp sau đó tiếp tục thay mặt cho cử tri và nhân dân để bầu ra các vị trí lãnh đạo cao nhất của các cơ quan lập pháp, hành pháp và tư pháp ở Trung ương và có quan nhà nước ở địa phương, nghĩa là đại diện cho nhân dân, thực hiện quyền lực nhà nước trong các lĩnh vực lập pháp, hành pháp và tư pháp.

Pháp luật cũng quy định Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam là thành viên các Hội đồng tuyển chọn, giám sát Thẩm phán quốc gia và thành viên Hội đồng tuyển chọn Kiểm sát viên Viện Kiểm sát nhân dân tối cao để lựa chọn thẩm phán và kiểm sát viên có năng lực, phẩm chất và uy tín cho ngành Tòa án và ngành Kiểm sát. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cũng tham gia thành viên Hội đồng thi tuyển Kiểm sát viên sơ cấp, Kiểm sát viên trung cấp; chủ trì lựa chọn, giới thiệu người có phẩm chất, năng lực và uy tín để giới thiệu cho Hội đồng nhân dân các cấp bầu Hội thẩm nhân dân, tham gia hoạt động xét xử.

Để thực hiện có hiệu quả hơn nữa vai trò này, thời gian tới Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cần tiếp tục kiến nghị Quốc hội khóa XV tăng cường thể chế hóa các hình thức thực hiện dân chủ trực tiếp và dân chủ đại diện của nhân dân thông qua Mặt trận Tổ quốc Việt Nam. Kiến nghị Chính phủ đẩy mạnh công tác tổ chức thi hành pháp luật, trong đó chú trọng tổ chức thi hành chính sách, pháp luật về quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân theo tinh thần của Hiến pháp năm 2013; gắn quyền với trách nhiệm và nghĩa vụ của Nhà nước và công dân, đề cao đạo đức xã hội. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cũng cần tiếp tục tham gia thực hiện tốt dân chủ ở cơ sở; bảo vệ quyền con người, quyền và nghĩa vụ của công dân. Chủ động tham gia tích cực và có hiệu quả vào việc tổ chức thi hành Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở; ban hành Luật giám sát và phản biện xã hội (hoặc Luật Hoạt động giám sát của nhân dân); các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Trưng cầu ý dân nhằm tiếp tục thể chế hóa và thực hiện tốt phương châm “Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng”.

3. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thực hiện giám sát và phản biện xã hội

Giám sát, dù là giám sát mang tính quyền lực chính trị, quyền lực nhà nước, do các cơ quan của Đảng và Nhà nước tiến hành; hoặc giám sát xã hội do Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp tiến hành đều là những phương thức rất quan trọng và có hiệu quả để kiểm soát quyền lực chính trị, quyền lực nhà nước. Giám sát của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam là hoạt động giám sát không mang tính quyền lực nhà nước, do Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên thực hiện.

Trong cơ chế kiểm soát quyền lực nhà nước ở nước ta, không chỉ các cơ quan thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp kiểm soát lẫn nhau mà các cơ quan của Đảng và các tổ chức chính trị - xã hội cũng tham gia vào cơ chế kiểm soát quyền lực nhà nước. Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng yêu cầu phải “Thiết lập đồng bộ, gắn kết cơ chế giám sát, phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc,

các tổ chức chính trị - xã hội và nhân dân”, “Coi trọng kiểm tra, giám sát trong Đảng kết hợp với phát huy vai trò giám sát của cơ quan dân cử, của Mặt trận Tổ quốc, báo chí và nhân dân đối với cán bộ, đảng viên thực hiện các quy định nêu gương”. Nghị quyết số 27-NQ/TW Hội nghị Trung ương lần thứ sáu khóa XIII về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới tiếp tục nhấn mạnh “Phát huy hơn nữa vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội, đoàn thể và các cơ quan báo chí trong giám sát, kiểm soát quyền lực nhà nước”. Quy định số 114-QĐ/TW ngày 11/7/2023 của Bộ Chính trị về kiểm soát quyền lực và phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong công tác cán bộ nhấn mạnh “Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội và các cơ quan dân cử thông qua việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ của mình, nếu phát hiện hành vi tham nhũng, tiêu cực trong công tác cán bộ thì kiến nghị cơ quan, tổ chức có thẩm quyền kiểm tra và xử lý, đồng thời giám sát việc thực hiện kiến nghị theo quy định”. Thê chế hóa quan điểm chỉ đạo của Đảng, Khoản 2 Điều 31 Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở quy định “Công dân thực hiện việc kiểm tra, giám sát thông qua Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã, thông qua hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân ở xã, phường, thị trấn, Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng và các tổ chức tự quản khác ở địa phương được thành lập theo quy định của pháp luật”. Điều 35 Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở quy định chính quyền cấp xã có trách nhiệm “Phối hợp cùng Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã, căn cứ vào yêu cầu, đặc điểm và điều kiện thực tế của địa phương, xây dựng và ban hành quy chế thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn để quy định cụ thể hơn nội dung, cách thức thực hiện dân chủ trên địa bàn cấp xã làm cơ sở để công dân kiểm tra, giám sát việc thực hiện”...

Phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cũng là một trong những phương thức thực hiện dân chủ đem lại hiệu quả cao. Thông qua cơ chế huy động trí tuệ của nhân dân và xã hội, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tổ chức phản biện đối với các dự thảo chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước góp phần làm cho văn bản được ban hành đạt sự đồng thuận cao; phát huy hiệu lực, hiệu quả trong thực tiễn. Thực tiễn xây dựng pháp luật cho thấy nhiều cơ quan do chưa coi trọng đúng mức việc lấy ý kiến và việc tiếp thu giải trình, phản hồi đầy đủ ý kiến của nhân dân, của đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của văn bản nên nhiều dự thảo văn bản quy phạm pháp luật vừa đưa ra đã vấp phải rất nhiều ý kiến phản đối, như đề xuất chuyển việc tổ chức thi sát hạch và cấp giấy phép lái xe từ Bộ Giao thông vận tải về Bộ Công an; đề xuất cấm bán bia, rượu sau 22 giờ đêm của Bộ Y tế; xe ô tô phải có bình cứu hỏa của Bộ Công an... đều bị phản ứng vì thiếu tính thực tế, lợi ích và hiệu quả thu được từ chính sách không rõ ràng. Một trong những lý do chính khiến các đề xuất chính sách đó bị phản ứng là việc không chú trọng khâu phản biện xã hội một cách thực chất.

Hiện nay quy trình phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội được thực hiện theo “Quy chế giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội” ban hành kèm theo

Quyết định số 217-QĐ/TW của Bộ Chính trị khóa XI với một quy trình chặt chẽ về chủ thể, tính chất, mục đích, nguyên tắc, phạm vi, phương pháp tiến hành, trách nhiệm của các chủ thể được phản biện xã hội và cơ quan, tổ chức yêu cầu phản biện xã hội, hoạt động đối thoại giữa các bên tham gia phản biện xã hội. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cần tổ chức thực hiện nghiêm túc Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam năm 2015; Nghị quyết liên tịch số 403/2017/NQLT-UBTVQH14-CP-ĐCTUBTWMTTQVN ngày 15/6/2017 về các hình thức giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

Điều 6 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2020 quy định: 1). Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, các tổ chức thành viên khác của Mặt trận và các cơ quan, tổ chức khác, cá nhân có quyền và được tạo điều kiện tham gia góp ý kiến về đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và dự thảo văn bản quy phạm pháp luật; 2). Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thực hiện phản biện xã hội đối với dự thảo văn bản quy phạm pháp luật theo quy định của Luật này và Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam. Phản biện xã hội được thực hiện trong thời gian cơ quan, tổ chức, đại biểu Quốc hội chủ trì soạn thảo tổ chức lấy ý kiến về dự thảo văn bản. Đối với dự thảo văn bản quy phạm pháp luật đã được phản biện xã hội thì hồ sơ dự án, dự thảo gửi thẩm định, thẩm tra, trình cơ quan có thẩm quyền phải bao gồm văn bản phản biện xã hội; 3). Trong quá trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, cơ quan, tổ chức, đại biểu Quốc hội chủ trì soạn thảo và cơ quan, tổ chức có liên quan có trách nhiệm tạo điều kiện để các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia góp ý kiến về đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật, để Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thực hiện phản biện xã hội đối với dự thảo văn bản quy phạm pháp luật; tổ chức lấy ý kiến của đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của văn bản quy phạm pháp luật; 4). Ý kiến tham gia về đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật và ý kiến phản biện xã hội đối với dự thảo văn bản quy phạm pháp luật phải được nghiên cứu, giải trình, tiếp thu trong quá trình chỉnh lý dự thảo văn bản.

Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở có tới 21 khoản quy định về trách nhiệm của chính quyền cấp xã trong việc phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã để thực hiện các nội dung liên quan đến triển khai thực hiện phương châm chỉ đạo của Đảng về “Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng”. Đây là những cơ sở pháp lý rất quan trọng để Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp phát huy vai trò giám sát của mình.

Để việc giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam đảm bảo hiệu quả, các cơ quan có thẩm quyền cần chủ động đôn đốc, giám sát việc xem xét, giải quyết những kiến nghị sau giám sát của Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các địa phương, đặc biệt là những vấn đề bức xúc trong Nhân dân đã được các cấp ủy, chính quyền tiếp nhận, kịp thời chỉ đạo giải quyết và thông báo đến các tầng lớp Nhân dân. Hoạt động phản biện xã hội của Mặt trận Tổ

quốc Việt Nam đã thu hút được sự tham gia của các tầng lớp Nhân dân để phát huy quyền làm chủ trong việc tham gia vào quá trình xây dựng pháp luật, các chủ trương, chính sách, chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và đất nước. Đối với hoạt động xây dựng pháp luật, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp và các tổ chức thành viên cần tiếp tục phối hợp chặt chẽ với các cơ quan có thẩm quyền, nhất là khi tham gia xây dựng những văn bản quy phạm pháp luật về tổ chức bộ máy nhà nước, về quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân.

4. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tham gia góp ý xây dựng Đảng, Nhà nước

Hoạt động góp ý xây dựng Đảng, chính quyền của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam đã được thực hiện từ nhiều năm nay, từ khi “Quy định về việc Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể chính trị - xã hội và nhân dân tham gia góp ý xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền” (ban hành kèm theo Quyết định số 218-QĐ/TW ngày 12/12/2013 của Bộ Chính trị) có hiệu lực, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam đã triển khai thực hiện với nhiều hình thức phong phú như: tổ chức hội nghị, gửi văn bản dự thảo, góp ý tại hội nghị giao ban với cấp ủy, các cuộc họp với chính quyền, thông qua tiếp xúc cử tri, qua tiếp xúc với người đứng đầu... Nội dung chủ yếu tham gia góp ý kiến đối với dự thảo các văn bản quy phạm pháp luật, các chủ trương, chính sách của cấp ủy, chính quyền cùng cấp. Gần đây nhất, tại Nghị quyết số 27-NQ/TW Hội nghị Trung ương lần thứ sáu khóa XIII về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới, Đảng ta yêu cầu cần phải sớm “Xây dựng và hoàn thiện cơ chế để Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội thực hiện tốt vai trò nòng cốt trong việc phát huy quyền làm chủ của Nhân dân, giám sát, phản biện xã hội, *tham gia xây dựng Đảng, Nhà nước*, kiểm soát quyền lực nhà nước và phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, góp phần tăng cường sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc”.

Với vị trí, vai trò, quyền, trách nhiệm tham gia xây dựng Đảng, Nhà nước, Ủy ban Trung ương MTTQ Việt Nam tổ chức góp ý đối với các dự thảo các văn bản quy phạm pháp luật, các chương trình, dự án, đề án. Là thành viên các ban soạn thảo, tổ biên tập và với vai trò thành viên Hội đồng thẩm định thuộc Bộ Tư pháp. Mặt trận và các tổ chức thành viên đóng góp ý kiến ngay từ quá trình xây dựng dự thảo chính sách của cơ quan có thẩm quyền, nhất là với những nội dung có liên quan đến MTTQ Việt Nam và các tổ chức thành viên, liên quan đến tổ chức bộ máy nhà nước, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân.

Ủy ban MTTQ Việt Nam và tổ chức thành viên của Mặt trận cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã cũng rất tích cực phối hợp tổ chức các hội nghị đóng góp ý kiến vào các dự thảo văn bản luật theo đề nghị của các cơ quan soạn thảo ở Trung ương, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cùng cấp liên quan trực tiếp đến quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của nhân dân như: quy định về bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất, góp ý dự thảo quyết định quy định

chính sách hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất cho người dân sau tái định cư các dự án thủy lợi, thủy điện... thông qua đó, kiến nghị các nội dung để điều chỉnh những bất cập, phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; phù hợp với yêu cầu, nguyện vọng và quyền lợi hợp pháp, chính đáng của người dân.

Ngoài ra, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên của Mặt trận các cấp ở cơ sở cần chủ động thực hiện việc góp ý thường xuyên, đột xuất, định kỳ, về hoạt động của cơ quan, tổ chức đảng, chính quyền và góp ý đối với cán bộ đảng viên. Để thực hiện tốt nội dung góp ý, MTTQ Việt Nam các cấp nên chú trọng phân công cán bộ, lãnh đạo trực tiếp tiếp nhận và tổng hợp ý kiến của các tổ chức thành viên, các vị Ủy viên Ủy ban MTTQ các cấp và Nhân dân.

Một trong những nội dung quan trọng trong việc tham gia ý kiến xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền tại địa phương là việc tổ chức tiếp xúc, đối thoại trực tiếp giữa người đứng đầu cấp ủy đảng, chính quyền, các cơ quan đơn vị với các tầng lớp nhân dân ở cấp tỉnh, cấp huyện và cấp xã, qua đó kịp thời điều chỉnh những chủ trương, chính sách phù hợp, mang lại hiệu quả, tạo sự đồng thuận của nhân dân. Khoản 1 Điều 32 Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở quy định “Hàng năm, Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp tổ chức ít nhất một lần hội nghị trao đổi, đối thoại với Nhân dân trên địa bàn về tình hình hoạt động của Ủy ban nhân dân và những vấn đề liên quan đến quyền và nghĩa vụ của công dân ở địa phương”. Với quy định này, việc Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên tổ chức, tham gia tổ chức tốt hội nghị tiếp xúc, đối thoại chắc chắn sẽ tạo được hiệu ứng, hiệu quả tốt trong nhân dân, qua đó nâng cao trách nhiệm của chính quyền các cấp trong việc kịp thời nắm bắt tâm tư, nguyện vọng của Nhân dân, đồng thời giải quyết những bất cập, vướng mắc ở cơ sở, góp phần xây dựng cơ sở vững mạnh, tăng cường sự đồng thuận, thống nhất trong nhân dân.

Ngoài ra, MTTQ Việt Nam các cấp cần thường xuyên lắng nghe, tập hợp các ý kiến, kiến nghị của cử tri và nhân dân. Hàng quý phản ánh thông qua Ban công tác Mặt trận ở khu dân cư, Ủy ban MTTQ Việt Nam và các tổ chức thành viên ở từng cấp. Quý I và quý III hằng năm, Ban Thường trực Ủy ban Trung ương MTTQ Việt Nam có báo cáo về tình hình và ý kiến của nhân dân gửi Chính phủ, Quốc hội, Chủ tịch nước và Ban Bí thư Trung ương Đảng. Hàng năm, Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương MTTQ Việt Nam có báo cáo tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri và nhân dân trình bày tại các kỳ họp Quốc hội; Ủy ban MTTQ Việt Nam các cấp có báo cáo công tác Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tham gia xây dựng chính quyền gửi đến Hội đồng nhân dân cùng cấp.

5. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn

Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở đã dành 23/91 điều (xấp xỉ ¼ nội dung của Luật) để quy định về quyền và trách nhiệm của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam trong việc thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn. Nghị định số 59/2023/NĐ-CP của Chính phủ quy

định chi tiết một số điều của Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở có 31 điều thì phần lớn có quy định liên quan đến Mặt trận Tổ quốc Việt Nam trong việc tổ chức thực hiện các nội dung: 1). Tổ chức cuộc họp của cộng đồng dân cư; phát phiếu lấy ý kiến của hộ gia đình; biểu quyết trực tuyến tại thôn, tổ dân phố để Nhân dân bàn và quyết định; quy trình bầu, cho thôi làm Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố; tổ chức hội nghị định kỳ của cộng đồng dân cư; 2). Tổ chức và hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân ở xã, phường, thị trấn; của Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng; 3). Tổ chức và hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân ở cơ quan, đơn vị; ở doanh nghiệp nhà nước

Theo quy định của Đảng và Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam (trực tiếp và gần đây nhất là Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở và Nghị định số 59/2023/NĐ-CP), Ủy ban MTTQ Việt Nam các cấp phối hợp giám sát việc công khai những nội dung Nhân dân được biết, được bàn, các quy định, quy chế, thủ tục hành chính của chính quyền địa phương, các chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội; dự án đầu tư tại địa phương; quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; dự toán, quyết toán ngân sách; chính sách hỗ trợ có liên quan trực tiếp đến người dân; trình tự thủ tục hành chính liên quan đến Nhân dân; việc sử dụng các khoản quỹ, khoản do Nhân dân đóng góp... Pháp luật về thực hiện dân chủ ở cơ sở quy định việc công khai thực hiện bằng nhiều hình thức như: niêm yết tại nhà văn hóa, trụ sở Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn; qua hệ thống loa truyền thanh, họp khu dân cư, hội nghị tiếp xúc cử tri; đối thoại trực tiếp giữa người đứng đầu cấp ủy, chính quyền với Nhân dân là hình thức hiệu quả nhất, hạn chế tình trạng mâu thuẫn, bức xúc, trở thành điểm nóng gây mất an ninh trật tự xã hội.

Đối với những việc Nhân dân được bàn, được tham gia ý kiến trước khi ban hành, chính quyền bảo đảm theo đúng quy định, như: các chủ trương về mức đóng góp xây dựng kết cấu hạ tầng và các công trình công cộng; các công trình phúc lợi công cộng ở địa phương; về quy hoạch đất đai; xây dựng các quy ước, nếp sống văn minh, giữ gìn an ninh trật tự, bài trừ mê tín dị đoan, tệ nạn xã hội; những nội dung liên quan đến phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương; về mức bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất, tái định cư... Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cần chủ động, mời chính quyền chủ trì, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phối hợp tổ chức họp dân, lấy ý kiến đóng góp của Nhân dân và thống nhất trước khi quyết định triển khai thực hiện. Những nội dung Nhân dân bàn, biểu quyết để cấp có thẩm quyền quyết định cũng cần được thực hiện nghiêm túc như việc xây dựng quy ước, hương ước; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trưởng thôn, trưởng ấp, tổ trưởng tổ dân phố, tổ nhân dân; việc bầu, bãi nhiệm thành viên Ban TTND, việc cử thành viên Ban GSĐTCCĐ đảm bảo theo đúng trình tự, quy định của pháp luật.

Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã cần tích cực tham gia giám sát việc thực hiện cơ chế “*một cửa, một cửa liên thông*”, đảm bảo thực hiện nhanh gọn, minh bạch, thực hiện cải cách hành chính. Giám sát theo dõi chính quyền các địa phương việc niêm yết công khai các quy định, quy chế, bộ thủ tục hành chính; về thời gian giải quyết, hồ sơ giao dịch, kinh phí cho các giao dịch, tăng cường cải cách hành chính, tạo

thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp... đảm bảo tiến độ giải quyết hồ sơ, thể hiện rõ trách nhiệm của cán bộ chính quyền, góp phần chống quan liêu, “tham nhũng vặt”, nâng cao chất lượng dịch vụ công, đáp ứng tốt hơn nhu cầu của Nhân dân.

Ủy ban MTTQ các cấp cần phát huy vai trò trong giám sát việc xây dựng bộ máy cơ quan chính quyền ở cơ sở. Trong quá trình sáp nhập thôn, xã, Mặt trận đề nghị chính quyền địa phương khi tiến hành triển khai cần rà soát, xem xét kỹ lưỡng, thận trọng, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và nâng cao hiệu quả hoạt động trong quản lý, điều hành chính quyền cơ sở, đổi mới phương thức quản lý, trên cơ sở tăng tính tự nguyện, tự quản trong cộng đồng dân cư; xây dựng quy chế hoạt động, phân định rõ nhiệm vụ giữa thôn, tổ dân phố với chính quyền cấp xã, cấp huyện; quan tâm việc lấy ý kiến nhân dân, tạo sự đồng thuận.

MTTQ Việt Nam và tổ chức thành viên các cấp tiếp tục thực hiện QCDC gắn với các các phong trào, các cuộc vận động do Mặt trận chủ trì thực hiện; thực hiện tốt các tiêu chí xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh. Người dân được tham gia bàn bạc, thảo luận và quyết định những vấn đề quan trọng trong quá trình xây dựng nông thôn mới. MTTQ đã tuyên truyền, vận động, huy động nguồn lực, vận động người dân tự nguyện đóng góp, thực hiện hoàn thành các tiêu chí xây dựng nông thôn mới.

MTTQ Việt Nam các cấp cần phối hợp với chính quyền, các tổ chức thành viên thực hiện các chính sách an sinh xã hội, quan tâm đến người có công, các gia đình chính sách, vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và người nghèo, người có hoàn cảnh khó khăn ở địa phương. MTTQ Việt Nam phối hợp với các cấp, các ngành vận động các chức sắc, tín đồ tôn giáo thực hiện QCDC ở cơ sở; tuyên truyền, vận động bà con giáo dân không bị kích động, đảm bảo an ninh, chính trị, trật tự an toàn xã hội. Là nòng cốt tham gia xây dựng và thực hiện hương ước, quy ước trong cộng đồng dân cư.

Thực hiện rà soát, củng cố, kiện toàn tổ chức các tổ hòa giải, đồn đốc, theo dõi việc thực hiện hoạt động hòa giải; tạo điều kiện cho các thành viên, hội viên tổ hòa giải tham gia tích cực vào công tác hòa giải ở cơ sở. Hoạt động hòa giải thực sự đóng vai trò quan trọng trong đời sống xã hội, phát huy dân chủ ở cơ sở, góp phần củng cố tình làng, nghĩa xóm, phòng ngừa, hạn chế vi phạm pháp luật, hạn chế khiếu kiện ở cơ sở đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền, bảo đảm an ninh trật tự, an toàn xã hội ở địa phương...

Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phối hợp với chính quyền và các tổ chức thành viên thực hiện tốt việc tiếp dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo; phối hợp với Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp thực hiện tiếp công dân, xem xét giải quyết khiếu nại, tố cáo bức xúc, kéo dài, đông người. Giữa thực hiện dân chủ ở cơ sở với giải quyết khiếu nại, tố cáo có mối quan hệ hữu cơ chặt chẽ, có tác động qua lại cả hai chiều và là tiền đề, điều kiện của nhau. Cụ thể là, nếu cơ quan, đơn vị, tổ chức và người đứng đầu thực hiện tốt dân chủ ở cơ sở thì nơi đó các cơ quan có thẩm quyền rất ít phải nhận và xử lý, giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo; ngược lại, nơi nào thiếu quan tâm, không thực hiện

tốt dân chủ ở cơ sở thì hiện tượng phải tiếp nhận và xử lý, giải quyết nhiều đơn thư khiếu nại, tố cáo. Thực hiện tốt dân chủ ở cơ sở là nhân tố quan trọng tạo đồng thuận xã hội, góp phần giải quyết khiếu nại, tố cáo thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ chính trị tại địa phương, cơ sở. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cần phát huy hơn nữa vai trò của các tổ chức thành viên, nâng cao hiệu quả hoạt động của tổ trợ giúp pháp lý, Ban Thanh tra nhân dân giám sát các cơ quan chức năng trong giải quyết khiếu nại, tố cáo, đảm bảo quyền lợi ích hợp pháp chính đáng của công dân.

Ban Thường trực Ủy ban Trung ương MTTQ Việt Nam cần quan tâm đến hiệu quả hoạt động của công tác giám sát, đặc biệt là giám sát thông qua hoạt động của Ban TTND và Ban GSĐTCCĐ.

Về Ban Thanh tra nhân dân, kế thừa các quy định của pháp luật hiện hành, Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở quy định về tổ chức, tiêu chuẩn, nhiệm vụ, quyền hạn, hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân và trách nhiệm trong việc bảo đảm hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân ở xã, phường, thị trấn (các Điều 36, 37, 38, 39, 40). Cụ thể là:

+ Ban Thanh tra nhân dân ở xã, phường, thị trấn có 07 nhiệm vụ, quyền hạn chủ yếu là: (1) Kiểm tra việc thực hiện các quyết định đã được Nhân dân bàn và quyết định; giám sát việc thực hiện chính sách, pháp luật, việc thực hiện pháp luật về thực hiện dân chủ ở cơ sở của chính quyền địa phương cấp xã, cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố. (2) Kiến nghị cơ quan, người có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật khi phát hiện có dấu hiệu vi phạm pháp luật và giám sát việc thực hiện kiến nghị đó. (3) Yêu cầu chính quyền địa phương cấp xã, cán bộ, công chức cấp xã cung cấp thông tin, tài liệu có liên quan để phục vụ việc xác minh, kiểm tra, giám sát. (4) Xem xét, xác minh vụ việc cụ thể theo kiến nghị của công dân, cộng đồng dân cư. (5) Kiến nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, cán bộ, công chức cấp xã, Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố khắc phục hạn chế, thiếu sót được phát hiện qua việc kiểm tra, giám sát; bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của tổ chức, công dân; biểu dương những đơn vị, cá nhân có thành tích. Trường hợp phát hiện người có hành vi vi phạm pháp luật thì kiến nghị cơ quan, tổ chức có thẩm quyền xem xét, xử lý. (6) Tham dự các cuộc họp của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp xã có nội dung liên quan đến việc thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát của Ban Thanh tra nhân dân. (7) Tiếp nhận kiến nghị, phản ánh của công dân, cộng đồng dân cư và các tổ chức, cá nhân có liên quan đến phạm vi kiểm tra, giám sát của Ban Thanh tra nhân dân.

+ Ban Thanh tra nhân dân ở xã, phường, thị trấn do Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã trực tiếp chỉ đạo, hướng dẫn hoạt động.

+ Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã hỗ trợ kinh phí hoạt động cho Ban Thanh tra nhân dân. Kinh phí hỗ trợ được sử dụng từ nguồn ngân sách nhà nước theo dự toán, kế hoạch hằng năm của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã, do ngân sách nhà nước cấp xã bảo đảm.

Về Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng, Luật quy định về tổ chức, tiêu chuẩn, nhiệm vụ, quyền hạn, hoạt động của Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng và trách nhiệm trong việc bảo đảm hoạt động của Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng (các Điều 41, 42, 43, 44, 45).

+ Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng được Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã quyết định thành lập theo từng chương trình, dự án đầu tư công, dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư (PPP) triển khai trên địa bàn cấp xã, chương trình, dự án đầu tư bằng vốn và công sức của cộng đồng dân cư hoặc bằng nguồn tài trợ trực tiếp của các tổ chức, cá nhân cho cấp xã. Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng có ít nhất là 05 thành viên, gồm đại diện Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã, Ban Thanh tra nhân dân ở xã, phường, thị trấn và đại diện người dân trên địa bàn thôn, tổ dân phố nơi có chương trình, dự án. Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

+ Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng có các nhiệm vụ gồm: (1) Theo dõi, giám sát sự phù hợp của chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư với quy hoạch, kế hoạch đầu tư trên địa bàn cấp xã; việc chủ đầu tư chấp hành các quy định về chỉ giới đất đai và sử dụng đất, quy hoạch mặt bằng chi tiết, phương án kiến trúc, xây dựng, xử lý chất thải, bảo vệ môi trường, đền bù, giải phóng mặt bằng và phương án tái định cư, kế hoạch đầu tư; tình hình triển khai và tiến độ thực hiện các chương trình, dự án, việc thực hiện công khai thông tin trong quá trình đầu tư đối với các chương trình, dự án đầu tư công, dự án đầu tư từ nguồn vốn khác trên địa bàn cấp xã. (2) Đối với các chương trình, dự án đầu tư bằng vốn và công sức của cộng đồng dân cư, dự án sử dụng ngân sách cấp xã hoặc bằng nguồn tài trợ trực tiếp của các tổ chức, cá nhân cho cấp xã, thì thực hiện theo dõi, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nội dung quy định tại điểm a khoản này và kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy trình, quy phạm kỹ thuật, định mức và chủng loại vật tư theo quy định; theo dõi, kiểm tra kết quả nghiệm thu và quyết toán công trình. (3) Phát hiện những việc làm tổn hại đến lợi ích của cộng đồng; những tác động tiêu cực của dự án đến môi trường sinh sống của cộng đồng trong quá trình thực hiện đầu tư và vận hành dự án; những việc gây lãng phí, thất thoát vốn, tài sản thuộc các chương trình, dự án đầu tư.

+ Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng có các quyền hạn gồm: (1) Yêu cầu cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cung cấp các thông tin về quy hoạch có liên quan đến việc quyết định đầu tư dự án, kế hoạch sử dụng đất đai theo quy định của pháp luật về đất đai. (2) Yêu cầu cơ quan quản lý nhà nước có liên quan trả lời về các vấn đề thuộc phạm vi quản lý theo quy định của pháp luật. (3) Yêu cầu chủ chương trình, chủ đầu tư trả lời, cung cấp các thông tin phục vụ việc giám sát đầu tư gồm quyết định đầu tư; thông tin về chủ đầu tư, ban quản lý dự án, địa chỉ liên hệ; tiến độ và kế hoạch đầu tư; diện tích chiếm đất và sử dụng đất; quy hoạch mặt bằng chi tiết và phương án kiến trúc; đền bù, giải phóng mặt bằng và phương án tái định cư; phương án xử lý chất thải

và bảo vệ môi trường. Đối với các chương trình, dự án đầu tư bằng vốn và công sức của cộng đồng dân cư, dự án sử dụng ngân sách cấp xã hoặc bằng nguồn tài trợ trực tiếp của các tổ chức, cá nhân cho cấp xã, thì ngoài các nội dung trên, chủ chương trình, chủ đầu tư có trách nhiệm cung cấp thêm thông tin về quy trình, quy phạm kỹ thuật, chủng loại và định mức vật tư; kết quả nghiệm thu và quyết toán công trình. (4) Tiếp nhận các thông tin do công dân phản ánh để gửi đến các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền hoặc tiến hành kiểm tra, giám sát theo phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của Ban; tiếp nhận và thông tin cho công dân biết ý kiến trả lời của các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền về kiến nghị của công dân. (5) Khi phát hiện dấu hiệu vi phạm pháp luật trong quá trình thực hiện dự án gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến sản xuất, an ninh, văn hóa, xã hội, môi trường sinh sống của cộng đồng hoặc chủ đầu tư không thực hiện công khai thông tin về chương trình, dự án đầu tư theo quy định của pháp luật thì phản ánh đến cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền và kiến nghị biện pháp xử lý; trường hợp cần thiết thì kiến nghị cấp có thẩm quyền đình chỉ thực hiện đầu tư, vận hành dự án.

+ Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng do Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã trực tiếp chỉ đạo hoạt động.

+ Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã có trách nhiệm hỗ trợ kinh phí hoạt động cho Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng. Kinh phí hỗ trợ cho hoạt động của Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng được sử dụng từ nguồn ngân sách nhà nước theo dự toán, kế hoạch hằng năm của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã bảo đảm. Chú trọng công tác giám sát của Ban Thanh tra nhân dân; lựa chọn các thành viên Ban Thanh tra nhân dân tâm huyết, có chuyên môn sâu để hoạt động giám sát hiệu quả, góp phần ổn định an ninh trật tự và góp phần xây dựng, phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội năm 1991 (bổ sung, phát triển năm 2011)*.
2. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội ĐBTQ lần thứ XII*, Văn phòng Trung ương Đảng, 2016.
3. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội ĐBTQ lần thứ XIII*, Nxb CTQGST. H.2021.
4. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Quyết định số 217-QĐ/TW ngày 12/12/2013 của Bộ Chính trị khóa XI ban hành “Quy chế giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội”*.

5. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Quyết định số 218-QĐ/TW ngày 12/12/2013 của Bộ Chính trị khóa XI ban hành “Quy định về việc Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể chính trị - xã hội và nhân dân tham gia góp ý xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền”*.

6. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Nghị quyết số 27-NQ/TW Hội nghị Trung ương lần thứ sáu khóa XIII về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới*.

7. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Quy định số 114-QĐ/TW ngày 11/7/2023 của Bộ Chính trị về kiểm soát quyền lực và phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong công tác cán bộ*.

8. Hiến pháp năm 2013.

9. Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam năm 2015.

10. Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2020.

11. Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở.

12. Chính phủ, *Báo cáo số 458/BC-CP sơ kết 05 năm triển khai thi hành Hiến pháp năm 2013 (2014-2019)*.

13. Chính phủ, *Nghị định số 59/2023/NĐ-CP ngày 14/8/2023 quy định chi tiết một số điều của Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở*.

Chuyên đề 7

TỔ CHỨC, HOẠT ĐỘNG CỦA BAN THANH TRA NHÂN DÂN XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN, BAN GIÁM SÁT ĐẦU TƯ CỦA CỘNG ĐỒNG

I. KHÁI QUÁT CHUNG VỀ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN THANH TRA NHÂN DÂN, BAN GIÁM SÁT ĐẦU TƯ CỦA CỘNG ĐỒNG

1. Cơ sở chính trị

Lịch sử ra đời các quy định của nhà nước về tổ chức, hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân (TTND) và Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng (GSĐTCCĐ) gắn liền với chủ trương, quan điểm của Đảng về đổi mới hệ thống chính trị ở cơ sở, trong đó có nội dung đặc biệt quan trọng là tăng cường thực hiện dân chủ ở cơ sở nhằm phát huy quyền làm chủ của nhân dân, thu hút nhân dân tham gia quản lý nhà nước, tham gia kiểm kê, kiểm soát nhà nước, khắc phục tình trạng suy thoái, quan liêu, mất dân chủ và nạn tham nhũng.

Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII của Đảng xác định: “... Xây dựng cơ chế để thực hiện phương châm “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra” đối với các chủ trương chính sách lớn của Đảng và Nhà nước”.

Nghị quyết Hội nghị lần thứ ba, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá VIII (số 03/HNTW, ngày 18/6/1997) yêu cầu: “... Thanh tra Nhà nước cùng Mặt trận Tổ quốc, Liên đoàn lao động các cấp cần phối hợp và có biện pháp xây dựng, củng cố TTND xã, phường, thị trấn, trường học, bệnh viện, cơ quan để thanh tra nhân dân thực sự trở thành công cụ sắc bén của nhân dân trong việc phát hiện, ngăn chặn, đẩy lùi tiêu cực, góp phần xây dựng Nhà nước trong sạch, vững mạnh... Những quyết định quan trọng ở cấp cơ sở có quan hệ đến đông đảo nhân dân (như chủ trương huy động sức dân để xây dựng kết cấu hạ tầng và các công trình phúc lợi...) cần đưa các phương án khác nhau và thông qua những hình thức phù hợp để nhân dân thảo luận và biểu quyết, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân chấp hành theo kết quả biểu quyết đó”.

Chỉ thị số 30-CT/TW ngày 18/02/1998 của Bộ Chính trị khóa VIII về xây dựng và thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở có đoạn: “Hoàn thiện cơ chế để nhân dân, công nhân, cán bộ, công chức ở cơ sở trực tiếp và thông qua Mặt trận, các đoàn thể, ban TTND kiểm tra, giám sát hoạt động của chính quyền, thủ trưởng cơ quan, đơn vị; kết quả thanh tra, kiểm tra, giám sát của nhân dân phải được tiếp thu nghiêm túc”.

Sau gần 4 năm thực hiện Chỉ thị số 30-CT/TW, ngày 18/3/2002, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá IX đã ban hành Nghị quyết số 17-NQ/TW về đổi mới và nâng cao chất lượng hệ thống chính trị ở cơ sở xã, phường, thị trấn. Nghị quyết viết: “Mặt trận và các đoàn thể nhân dân thúc đẩy việc thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở, phản ánh ý kiến của quần chúng về xây dựng Đảng và chính quyền, phát giác hành vi tham

những, lãng phí, vi phạm dân chủ; tham gia hoà giải các mâu thuẫn trong nội bộ nhân dân, bày tỏ thái độ đối với những khiếu kiện của dân để góp phần giải quyết từ gốc...”.

Tiếp đó, Ban Bí thư Trung ương Đảng đã ra Chỉ thị số 10-CT/TW ngày 28/3/2002 về tiếp tục đẩy mạnh việc xây dựng và thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở; Chỉ thị yêu cầu: *“Gắn chặt việc thực hiện Quy chế dân chủ với thực hiện chức năng, nhiệm vụ của từng tổ chức, từng mặt công tác và trách nhiệm của từng cá nhân, trước hết là người đứng đầu. Mặt trận và các đoàn thể nhân dân cần phát huy tốt vai trò chủ động vận động nhân dân thực hiện và giám sát việc thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở”.*

Chỉ thị số 18-CT/TW ngày 26/10/2022 của Ban Bí thư về phát huy vai trò, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác giám sát, phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc (MTTQ) Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội tiếp tục nhấn mạnh quan điểm của Đảng về vai trò của MTTQ Việt Nam trong hoạt động giám sát và phản biện xã hội, trong đó có hoạt động giám sát ở cơ sở với yêu cầu *“Người đứng đầu cấp uỷ trực tiếp chỉ đạo công tác giám sát, phản biện xã hội, xác định đây là nội dung quan trọng trong công tác xây dựng Đảng, một giải pháp căn bản để thực hiện hiệu quả phương châm “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng”. Và “MTTQ Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội tiếp tục đổi mới nội dung, phương thức giám sát, phản biện xã hội theo hướng: Chủ động, từ sớm, từ cơ sở, dân chủ, khách quan, mang tính xây dựng; có trọng tâm, trọng điểm, chú trọng giám sát theo chuyên đề, tập trung vào những chủ trương, chính sách lớn, trọng yếu, ưu tiên những vấn đề liên quan trực tiếp đến quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của nhân dân, những vấn đề dư luận xã hội quan tâm, bức xúc”.*

2. Cơ sở pháp lý

Thực hiện chủ trương của Đảng, Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Chính phủ đã sớm thể chế hóa các quan điểm về giám sát ở cơ sở bằng các văn bản quy phạm pháp luật.

Nghị quyết số 45/1998/NQ-UBTVQH10, ngày 26/2/1998 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa X về việc ban hành quy chế thực hiện dân chủ ở xã, thị trấn, phường đã giao Chính phủ ban hành Quy chế thực hiện dân chủ ở xã, thị trấn, phường, trong đó có nội dung: *“Quy định việc nhân dân ở cơ sở giám sát, kiểm tra việc thực hiện các quyết định của chính quyền địa phương và các quyết định của cộng đồng dân cư...”.*

Ngày 11/5/1998, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 29/1998/NĐ-CP về việc ban hành Quy chế thực hiện dân chủ ở xã. Nghị định này đã quy định khá chi tiết những việc chính quyền cấp cơ sở cần thông báo để nhân dân biết; những việc nhân dân bàn và quyết định trực tiếp; những việc nhân dân bàn, tham gia ý kiến, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân xã quyết định và những việc nhân dân giám sát, kiểm tra.

Trên cơ sở yêu cầu của Nghị quyết số 17/NQ-TW nêu trên và Chỉ thị số 10-CT/TW ngày 28/3/2002 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tiếp tục đẩy mạnh việc xây dựng và thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở, ngày 07/7/2003 Chính phủ đã ban

hành Nghị định số 79/2003/NĐ-CP ban hành Quy chế thực hiện dân chủ ở xã thay thế Nghị định số 29/1998/NĐ-CP ngày 11/5/1998.

Tại Nghị định này, lần đầu tiên đã có quy định “*Thành lập Ban Giám sát các công trình xây dựng do nhân dân đóng góp*” (khoản 4 Điều 7). Tại Điều 12. Những việc nhân dân ở xã giám sát, kiểm tra gồm có “... *Quá trình tổ chức thực hiện công trình, kết quả nghiệm thu và quyết toán công trình do nhân dân đóng góp xây dựng và các chương trình, dự án do Nhà nước, các tổ chức và cá nhân đầu tư, tài trợ trực tiếp cho xã; các công trình của cấp trên triển khai trên địa bàn xã có ảnh hưởng trực tiếp đến sản xuất, an ninh, trật tự, văn hoá - xã hội, vệ sinh môi trường và đời sống của nhân dân địa phương; quản lý và sử dụng đất đai tại xã...*” (khoản 5, 7, 8).

Về phương thức thực hiện những việc nhân dân giám sát, kiểm tra Nghị định này cũng quy định: “*Nhân dân trực tiếp giám sát hoạt động của cơ quan, tổ chức, cá nhân hoặc gián tiếp thông qua các tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức đại diện cho mình hoặc Ban TTND...*”.

Căn cứ quy định của Nghị định số 79/2003/NĐ-CP nêu trên, ngày 18/4/2005, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 80/2005/QĐ-TTg ban hành Quy chế GSĐTCCĐ. Quy chế này có phạm vi điều chỉnh đến tất cả xã, phường, thị trấn.

Quyết định số 80/2005/QĐ-TTg quy định khá cụ thể về khái niệm GSĐTCCĐ; mục tiêu giám sát; đối tượng, phạm vi giám sát; nội dung giám sát; yêu cầu đối với giám sát; phương thức thực hiện giám sát; trách nhiệm của Ủy ban MTTQ Việt Nam, Ủy ban nhân dân (UBND) các cấp; trách nhiệm của các cá nhân, tổ chức, cơ quan, của chủ đầu tư, nhà thầu... đối với hoạt động giám sát của Ban GSĐTCCĐ.

Sau khi Quốc hội ban hành Luật Thanh tra năm 2004, ngày 28/7/2005, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 99/2005/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Thanh tra về tổ chức và hoạt động của Ban TTND. Nghị định này đã quy định chi tiết về tiêu chuẩn, điều kiện thành viên Ban TTND dân; nguyên tắc hoạt động của Ban TTND nói chung.

Riêng với Ban TTND xã, phường, thị trấn, Nghị định này quy định cụ thể về tổ chức Ban TTND; số lượng thành viên Ban TTND; quy trình bầu thành viên Ban TTND; thủ tục công nhận Ban TTND; quy trình bãi nhiệm, miễn nhiệm thành viên Ban TTND và bầu thành viên thay thế; nhiệm vụ, quyền hạn của Ban TTND; phạm vi giám sát của Ban TTND; phương thức thực hiện quyền giám sát của Ban TTND; hoạt động giám sát, hoạt động xác minh của Ban TTND; lề lối làm việc của Ban TTND; trách nhiệm của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã, phường, thị trấn; trách nhiệm của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn đối với tổ chức, hoạt động của Ban TTND...

Ngày 20/4/2007, Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã ban hành Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn (số 34/2007/PL-UBTVQH11). Pháp lệnh này quy định những nội dung phải công khai để nhân dân biết; những nội dung nhân dân bàn và

quyết định; những nội dung nhân dân tham gia ý kiến trước khi cơ quan có thẩm quyền quyết định; những nội dung nhân dân giám sát; trách nhiệm của chính quyền, cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn, của cán bộ thôn, tổ dân phố, của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan và của nhân dân trong việc thực hiện dân chủ ở cấp xã. Về hình thức để thực hiện việc giám sát của nhân dân, Pháp lệnh quy định: “*Nhân dân thực hiện việc giám sát thông qua hoạt động của Ban TTND, Ban GSĐTCCĐ... Trình tự, thủ tục hoạt động của Ban TTND, Ban GSĐTCCĐ được thực hiện theo quy định của pháp luật*”.

Cơ sở pháp lý hiện hành: Luật MTTQ Việt Nam; Luật Đầu tư công; Luật Thực hiện dân chủ cơ sở; Nghị định số 59/2023/NĐ-CP ngày 14/8/2023 quy định chi tiết một số điều của luật thực hiện dân chủ ở cơ sở; Nghị định số 29/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 quy định về trình tự, thủ tục thẩm định dự án quan trọng quốc gia và giám sát, đánh giá đầu tư...

II. TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN THANH TRA NHÂN DÂN XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN

1. Nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân ở xã, phường, thị trấn

- Tuân thủ theo quy định của pháp luật; bảo đảm công bằng, khách quan, minh bạch; quá trình tiến hành các hoạt động thuộc phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn được giao; không làm ảnh hưởng quyền và lợi ích hợp pháp của đối tượng được kiểm tra, giám sát;
- Không được lợi dụng nhiệm vụ, quyền hạn để kích động, dụ dỗ, lôi kéo tổ chức, cá nhân, Nhân dân để thực hiện các hành vi trái pháp luật;
- Làm việc theo chế độ tập thể và quyết định theo đa số.

2. Thành lập Ban Thanh tra nhân dân

Ban TTND ở xã, phường, thị trấn gồm các thành viên được bầu từ các thôn, tổ dân phố trên địa bàn cấp xã.

Số lượng thành viên Ban TTND không ít hơn 05 người, gồm Trưởng ban, Phó Trưởng ban và các Ủy viên. Trưởng ban chịu trách nhiệm chung về hoạt động của Ban TTND; Phó Trưởng ban có trách nhiệm giúp Trưởng ban thực hiện nhiệm vụ; các thành viên khác thực hiện nhiệm vụ theo sự phân công của Trưởng ban.

Nhiệm kỳ của Ban TTND theo nhiệm kỳ của Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố trên cùng địa bàn.

Trong nhiệm kỳ, nếu thành viên Ban TTND không hoàn thành nhiệm vụ, không còn được tín nhiệm hoặc xin thôi làm nhiệm vụ thì Ủy ban MTTQ Việt Nam cấp xã đề nghị thôn, tổ dân phố đã bầu thành viên đó xem xét, cho thôi làm nhiệm vụ.

Trường hợp khuyết thành viên Ban TTND trong nhiệm kỳ và thời gian còn lại của nhiệm kỳ là từ 06 tháng trở lên thì Ban công tác Mặt trận ở thôn, tổ dân phố phối

hợp với Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố tổ chức việc bầu bổ sung thành viên Ban TTND theo hướng dẫn của Ủy ban MTTQ Việt Nam cấp xã.

Thủ tục, trình tự bầu, bầu bổ sung, cho thôi thành viên Ban TTND được thực hiện theo Nghị định số 59/2023/NĐ-CP, ngày 14/8/2023 quy định chi tiết một số điều của Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở và hướng dẫn của Ban Thường trực Ủy ban Trung ương MTTQ Việt Nam.

3. Tiêu chuẩn thành viên Ban Thanh tra nhân dân

Có phẩm chất đạo đức tốt, có uy tín trong cộng đồng dân cư, có đủ sức khỏe để hoàn thành nhiệm vụ; có hiểu biết về chính sách, pháp luật và tự nguyện tham gia Ban TTND.

Là công dân thường trú trên địa bàn và không đồng thời là cán bộ, công chức cấp xã, người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố.

4. Nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Thanh tra nhân dân

Ban TTND có những nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

Một là, kiểm tra việc thực hiện các quyết định đã được Nhân dân bàn và quyết định.

Hai là, giám sát việc thực hiện chính sách, pháp luật, việc thực hiện pháp luật về thực hiện dân chủ ở cơ sở của chính quyền địa phương cấp xã, cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố.

Ba là, kiến nghị cơ quan, người có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật khi phát hiện có dấu hiệu vi phạm pháp luật và giám sát việc thực hiện kiến nghị đó.

Bốn là, yêu cầu chính quyền địa phương cấp xã, cán bộ, công chức cấp xã cung cấp thông tin, tài liệu có liên quan để phục vụ việc xác minh, kiểm tra, giám sát.

Năm là, xem xét, xác minh vụ việc cụ thể theo kiến nghị của công dân, cộng đồng dân cư.

Sáu là, kiến nghị Chủ tịch UBND cấp xã, cán bộ, công chức cấp xã, Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố khắc phục hạn chế, thiếu sót được phát hiện qua việc kiểm tra, giám sát; bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của tổ chức, công dân; biểu dương những đơn vị, cá nhân có thành tích. Trường hợp phát hiện người có hành vi vi phạm pháp luật thì kiến nghị cơ quan, tổ chức có thẩm quyền xem xét, xử lý.

Bảy là, tham dự các cuộc họp của HĐND, UBND cấp xã có nội dung liên quan đến việc thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát của Ban TTND.

Tám là, tiếp nhận kiến nghị, phản ánh của công dân, cộng đồng dân cư và các tổ chức, cá nhân có liên quan đến phạm vi kiểm tra, giám sát của Ban TTND.

5. Hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân

Căn cứ vào chương trình hành động và sự chỉ đạo, hướng dẫn của Ủy ban MTTQ Việt Nam cấp xã, Ban TTND xây dựng phương hướng, nội dung kế hoạch hoạt động của mình theo từng quý, 06 tháng và hằng năm.

Ban TTND có trách nhiệm định kỳ báo cáo hoặc báo cáo khi có yêu cầu về hoạt động của mình với Ủy ban MTTQ Việt Nam cấp xã.

Ban TTND được mời tham dự cuộc họp của HĐND, UBND, Ủy ban MTTQ Việt Nam cấp xã có nội dung liên quan đến việc thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát của Ban TTND.

6. Nhiệm vụ, quyền hạn của Trưởng Ban Thanh tra nhân dân

Trưởng ban TTND có những nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

Một là, triệu tập, chủ trì các cuộc họp, Hội nghị; chủ trì các cuộc giám sát, xác minh thuộc thẩm quyền của Ban TTND.

Hai là, phân công nhiệm vụ cho thành viên Ban TTND.

Ba là, đại diện cho Ban TTND trong mối quan hệ với BTT Ủy ban MTTQ Việt Nam, Chủ tịch UBND, Thường trực HĐND cấp xã và các cơ quan, tổ chức có liên quan.

Bốn là, được mời tham dự các cuộc họp của HĐND, UBND cấp xã có nội dung liên quan đến nhiệm vụ giám sát, xác minh của Ban TTND.

Năm là, tham dự các cuộc họp của HĐND, UBND, Ủy ban MTTQ cấp xã có nội dung có liên quan đến tổ chức và hoạt động của Ban TTND.

7. Đối tượng, nội dung và phạm vi giám sát của Ban Thanh tra nhân dân

Đối tượng, nội dung, phạm vi giám sát của Ban TTND bao gồm:

Thứ nhất, hoạt động của HĐND, UBND cấp xã.

Thứ hai, hoạt động của Chủ tịch, Phó Chủ tịch HĐND, Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND và các ủy viên UBND, cán bộ, công chức làm việc tại cấp xã và Trưởng thôn, Phó trưởng thôn, Tổ trưởng, Tổ phó tổ dân phố và những người đảm nhận nhiệm vụ tương đương.

Thứ ba, việc thực hiện nghị quyết của HĐND, quyết định, chỉ thị của UBND cấp xã.

Thứ tư, việc giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh tại xã, phường, thị trấn, bao gồm:

Một là, công tác tiếp công dân của Chủ tịch UBND cấp xã.

Hai là, việc tiếp nhận và xử lý đơn, thư khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của Chủ tịch UBND cấp xã.

Ba là, việc giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp xã.

Bốn là, việc thi hành các quyết định giải quyết khiếu nại, quyết định xử lý tố cáo có hiệu lực pháp luật tại xã, phường, thị trấn.

Thứ năm, việc thực hiện các quy định về dân chủ cơ sở ở xã, phường, thị trấn.

Thứ sáu, việc thu, chi ngân sách, quyết toán ngân sách, công khai tài chính tại xã, phường, thị trấn.

Thứ bảy, việc thực hiện các dự án đầu tư, công trình do nhân dân đóng góp xây dựng, do Nhà nước, các tổ chức, cá nhân đầu tư, tài trợ cho xã, phường, thị trấn.

Thứ tám, các công trình triển khai trên địa bàn xã, phường, thị trấn có ảnh hưởng trực tiếp đến sản xuất, an ninh, trật tự, văn hóa - xã hội, vệ sinh môi trường và đời sống của nhân dân.

Thứ chín, việc quản lý trật tự xây dựng, quản lý các khu tập thể, khu dân cư, việc quản lý và sử dụng đất đai tại xã, phường, thị trấn.

Thứ mười, việc thu, chi các loại quỹ và lệ phí theo quy định của Nhà nước, các khoản đóng góp của nhân dân tại xã, phường, thị trấn.

Thứ mười một, việc thực hiện các kết luận, quyết định xử lý về thanh tra, kiểm tra của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, việc xử lý các vụ việc tham nhũng liên quan đến cán bộ, công chức cấp xã.

Thứ mười hai, việc thực hiện chế độ, chính sách ưu đãi, chăm sóc, giúp đỡ thương binh, bệnh binh, gia đình liệt sĩ, những người và gia đình có công với cách mạng, chính sách bảo hiểm xã hội, bảo trợ xã hội trên địa bàn xã, phường, thị trấn.

Thứ mười ba, những việc khác thực hiện theo quy định của pháp luật.

Từ những vấn đề nêu trên cho thấy đối tượng, nội dung, phạm vi giám sát của Ban TTND rất rộng. Hoạt động giám sát của Ban TTND không nên tiến hành dàn trải mà tùy theo đặc điểm, tình hình ở từng địa phương, chú trọng giám sát những vấn đề về quản lý kinh tế - xã hội đang nổi cộm, bức xúc trong nhân dân.

8. Hoạt động giám sát của Ban Thanh tra nhân dân

8.1. Xây dựng kế hoạch giám sát hằng năm

Hàng năm, căn cứ vào Nghị quyết của HĐND cấp xã, chỉ đạo của Ủy ban MTTQ Việt Nam cùng cấp và tình hình thực tiễn của địa phương, Ban TTND xây dựng kế hoạch giám sát năm và báo cáo Ban Thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam. Kế hoạch giám sát hằng năm cần xác định rõ mục đích, yêu cầu, nội dung, thời gian, kinh phí và tổ chức thực hiện.

Kế hoạch giám sát năm có thể được điều chỉnh, bổ sung phù hợp với yêu cầu, tình hình thực tế hoặc khi có vấn đề phát sinh đột xuất.

8.2. Hoạt động giám sát cụ thể

8.2.1. Xây dựng kế hoạch

Chậm nhất 05 ngày làm việc trước khi tiến hành một cuộc giám sát, Ban TTND phải có kế hoạch gửi Ban Thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam và Chủ tịch UBND cấp xã. Kế hoạch phải nêu rõ nội dung, thời gian, địa điểm giám sát; nhân sự tham gia cuộc giám sát; kinh phí và điều kiện bảo đảm cho việc giám sát.

8.2.2. Thu thập thông tin

Khi tiến hành giám sát với mỗi nội dung cụ thể, thành viên Ban TTND phải thực hiện các hoạt động sau:

Thứ nhất, thu thập thông tin, tài liệu liên quan đến nội dung giám sát: các văn bản quy phạm pháp luật liên quan, thông tin; tài liệu đã được công khai; ý kiến trả lời của cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền; ý kiến phản ánh, kiến nghị của nhân dân.

Thứ hai, yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp thông tin, tài liệu theo quy định của pháp luật liên quan đến nội dung giám sát (trong quá trình thực hiện việc giám sát, Ban TTND có quyền đề nghị Chủ tịch HĐND, Chủ tịch UBND cấp xã cung cấp các thông tin, tài liệu liên quan đến các nội dung giám sát).

8.2.3. Theo dõi, kiểm tra, phát hiện vi phạm và kiến nghị xử lý

Trên cơ sở tổng hợp, phân tích, xử lý thông tin, tài liệu đã thu thập được, tiến hành so sánh, đối chiếu tình hình thực tế với quy định của pháp luật hiện hành để kịp thời phát hiện những mâu thuẫn, sự bất hợp lý, những hành vi vi phạm; tổng hợp, báo cáo Ban Thường trực Ủy ban MTTQ cấp xã.

Trường hợp phát hiện cơ quan, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm ở xã, phường, thị trấn xâm phạm quyền làm chủ của nhân dân và có dấu hiệu tham nhũng, lãng phí, sử dụng sai mục đích tài sản nhà nước, ngân sách nhà nước và các khoản đóng góp của nhân dân, thực hiện chương trình, dự án, quản lý và sử dụng đất đai trái với các quy định của pháp luật và các hành vi vi phạm pháp luật khác thuộc phạm vi giám sát của Ban TTND, thì Ban TTND có thể trực tiếp kiến nghị có xác nhận của Ban Thường trực Ủy ban MTTQ cấp xã hoặc đề nghị Ban Thường trực Ủy ban MTTQ cấp xã kiến nghị Chủ tịch HĐND, Chủ tịch UBND cấp xã hoặc cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền khác xem xét, giải quyết.

Cơ quan, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm phải xem xét, giải quyết và thông báo kết quả giải quyết cho Ban TTND trong thời hạn theo quy định của pháp luật.

8.3. Thông báo kết quả xem xét, giải quyết của cơ quan có thẩm quyền đến nhân dân và theo dõi việc chấp hành của các đối tượng chịu sự giám sát

Sau khi kiến nghị với cơ quan có thẩm quyền xem xét, giải quyết về những mâu thuẫn, vi phạm phát hiện qua hoạt động giám sát, Ban TTND theo dõi việc giải quyết các kiến nghị của các cấp có thẩm quyền. Sau khi có kết quả xử lý kiến nghị, Ban

TTND sẽ thông báo kết quả xem xét, giải quyết của các cơ quan có thẩm quyền đến nhân dân đồng thời theo dõi việc chấp hành các biện pháp xử lý của các đối tượng có liên quan.

Trường hợp kiến nghị không được xem xét, giải quyết hoặc thực hiện không đầy đủ, Ban TTND có quyền kiến nghị hoặc báo cáo Ban Thường trực Ủy ban MTTQ cấp xã kiến nghị Chủ tịch HĐND hoặc Chủ tịch UBND cấp huyện hoặc cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền khác xem xét, giải quyết, xử lý trách nhiệm.

9. Hoạt động xem xét xác minh của Ban Thanh tra nhân dân

Khi công dân trên địa bàn hoặc cộng đồng đề nghị xác minh những vụ việc cụ thể, Ban TTND có trách nhiệm thực hiện đúng nội dung, thời gian, phạm vi, nhiệm vụ được giao.

Hoạt động xem xét xác minh được thực hiện như sau:

Thứ nhất, Ban TTND xây dựng kế hoạch xác minh. Kế hoạch phải bảo đảm mục đích, nội dung, phạm vi, thời gian, kinh phí, nhân sự thực hiện.

Thứ hai, trong quá trình thực hiện việc xác minh, Ban TTND có quyền yêu cầu tổ chức, cá nhân có liên quan cung cấp các thông tin, tài liệu cần thiết phục vụ cho việc xác minh; xem xét để làm rõ sự việc cần xác minh; việc xác minh được lập thành biên bản.

Thứ ba, kết thúc việc xác minh, Ban TTND báo cáo Ban Thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam cấp xã về kết quả xác minh; đồng thời kiến nghị biện pháp xử lý.

Thứ tư, trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật gây thiệt hại đến lợi ích của nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, công dân cần phải xử lý ngay thì lập biên bản và kiến nghị Chủ tịch HĐND hoặc Chủ tịch UBND cấp xã hoặc cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền giải quyết, đồng thời giám sát việc thực hiện kiến nghị đó.

Thứ năm, trường hợp sau 15 ngày kiến nghị của Ban TTND không được thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ, thì Ban TTND có quyền kiến nghị Chủ tịch HĐND hoặc Chủ tịch UBND cấp huyện xem xét, xử lý trách nhiệm.

10. Chế độ làm việc của Ban Thanh tra nhân dân

Ban TTND làm việc theo chế độ tập thể, biểu quyết theo đa số, hoạt động trên nguyên tắc khách quan, công khai, minh bạch, dân chủ và kịp thời.

Ban TTND họp định kỳ mỗi quý một lần để kiểm điểm công tác trong quý và triển khai công tác quý sau, trong trường hợp cần thiết có thể họp đột xuất.

Ban TTND thực hiện chế độ báo cáo mỗi quý một lần với Ban Thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam cấp xã; định kỳ 6 tháng một lần tiến hành sơ kết; hằng năm tổng kết hoạt động và báo cáo trước hội nghị Ủy ban MTTQ Việt Nam cấp xã.

11. Địa điểm làm việc, kinh phí hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân

Căn cứ vào tình hình thực tế của mỗi địa phương, Ban TTND được Chủ tịch UBND cấp xã bố trí địa điểm làm việc; được tạo điều kiện sử dụng các phương tiện thông tin, liên lạc của UBND xã phục vụ cho hoạt động TTND.

Kinh phí hoạt động của Ban TTND hiện nay được quy định tại Thông tư số 63/2017/TT-BTC ngày 19/6/2017 của Bộ Tài chính.

12. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã

UBND cấp xã có những trách nhiệm sau đây:

Thứ nhất, thông báo cho Ban TTND về những chính sách, pháp luật chủ yếu liên quan đến tổ chức, hoạt động, nhiệm vụ, quyền hạn của chính quyền địa phương cấp xã; các mục tiêu và nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội hằng năm của địa phương.

Thứ hai, cung cấp thông tin hoặc yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan cung cấp đầy đủ, kịp thời thông tin, tài liệu cần thiết theo yêu cầu của Ban TTND.

Thứ ba, xem xét, giải quyết kịp thời các kiến nghị của Ban TTND, thông báo kết quả giải quyết trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được kiến nghị.

Thứ tư, thông báo cho Ban TTND kết quả giải quyết khiếu nại, tố cáo, việc thực hiện pháp luật về thực hiện dân chủ ở cơ sở trên địa bàn cấp xã.

Thứ năm, xử lý người có hành vi cản trở hoạt động của Ban TTND, người có hành vi trả thù, trù dập thành viên Ban TTND theo quy định của pháp luật.

13. Trách nhiệm của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã

Ủy ban MTTQ Việt Nam cấp xã có những trách nhiệm sau đây:

Thứ nhất, trực tiếp chỉ đạo và hướng dẫn hoạt động của Ban TTND.

Thứ hai, hướng dẫn việc tổ chức hội nghị của cộng đồng dân cư ở thôn, tổ dân phố để bầu hoặc cho thôi làm thành viên Ban TTND. Căn cứ vào địa bàn, số lượng dân cư, Ban Thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam cấp xã quyết định số lượng thành viên Ban TTND.

Thứ ba, công nhận kết quả bầu thành viên Ban TTND; tổ chức cuộc họp của Ban TTND để bầu Trưởng ban, Phó Trưởng ban và phân công nhiệm vụ cho từng thành viên; thông báo kết quả bầu và thành phần Ban TTND đến HĐND, UBND cùng cấp và Nhân dân ở địa phương.

Thứ tư, hướng dẫn Ban TTND xây dựng chương trình, kế hoạch, nội dung công tác; xem xét báo cáo hoạt động của Ban TTND và hướng dẫn, chỉ đạo hoạt động của Ban TTND; tham gia hoạt động của Ban TTND khi xét thấy cần thiết.

Thứ năm, xác nhận biên bản, kiến nghị của Ban TTND; đôn đốc việc giải quyết kiến nghị của Ban TTND.

Thứ sáu, động viên Nhân dân ở địa phương ủng hộ, phối hợp, tích cực hỗ trợ hoạt động của Ban TTND.

Thứ bảy, hỗ trợ kinh phí hoạt động cho Ban TTND. Kinh phí hỗ trợ cho hoạt động của Ban TTND được sử dụng từ nguồn ngân sách nhà nước theo dự toán, kế hoạch hằng năm của Ủy ban MTTQ Việt Nam cấp xã, do ngân sách nhà nước cấp xã bảo đảm.

III. TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN GIÁM SÁT ĐẦU TƯ CỦA CỘNG ĐỒNG

1. Nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng

- Tuân thủ theo quy định của pháp luật; thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn được giao;
- Bảo đảm khách quan, công khai, minh bạch, kịp thời, chặt chẽ, hiệu quả, không gây cản trở, ảnh hưởng đến việc triển khai, thực hiện chương trình, dự án;
- Làm việc theo chế độ tập thể và quyết định theo đa số.

2. Thành lập Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng

Ban GSĐTCCĐ được thành lập theo từng chương trình dự án, bao gồm dự án đầu tư công, dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư (PPP) triển khai trên địa bàn cấp xã, chương trình, dự án đầu tư bằng vốn và công sức của cộng đồng dân cư hoặc bằng nguồn tài trợ trực tiếp của các tổ chức, cá nhân cho cấp xã.

Số lượng mỗi Ban ít nhất là 5 người, gồm đại diện Ủy ban MTTQ Việt Nam cấp xã, Ban TTND ở xã, phường, thị trấn và đại diện người dân trên địa bàn thôn, tổ dân phố nơi có chương trình, dự án. Ban GSĐTCCĐ tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ. Căn cứ vào quy mô của từng chương trình, dự án triển khai trên địa bàn, Ban Thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam cấp xã quyết định số lượng thành viên Ban GSĐTCCĐ.

Về tổ chức: Ban GSĐTCCĐ có Trưởng ban, Phó Trưởng ban và các Ủy viên. Trưởng ban chịu trách nhiệm chung về hoạt động của Ban GSĐTCCĐ; Phó Trưởng ban có trách nhiệm giúp Trưởng ban thực hiện nhiệm vụ; các thành viên khác thực hiện nhiệm vụ theo sự phân công của Trưởng ban.

Thủ tục, trình tự bầu, bầu bổ sung, cho thôi thành viên Ban GSĐTCCĐ được thực hiện theo Nghị định số 59/2023/NĐ-CP, ngày 14/8/2023 quy định chi tiết một số điều của Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở và hướng dẫn của Ban Thường trực Ủy ban Trung ương MTTQ Việt Nam.

3. Tiêu chuẩn thành viên Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng

Có phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, công tâm, có uy tín trong cộng đồng dân cư, có đủ sức khỏe để hoàn thành nhiệm vụ; có hiểu biết về chính sách, pháp luật hoặc

kinh nghiệm, hiểu biết về các lĩnh vực có liên quan đến chương trình, dự án đầu tư và tự nguyện tham gia Ban GSĐTCCĐ.

Là công dân thường trú trên địa bàn và không đồng thời là cán bộ, công chức cấp xã; không có người thân là người có thẩm quyền quyết định đầu tư, chủ đầu tư hoặc đại diện chủ đầu tư, đơn vị tư vấn của chủ đầu tư, nhà thầu dự án hoặc đơn vị tư vấn, giám sát của nhà thầu, người trực tiếp quản lý dự án đầu tư trên địa bàn cấp xã.

4. Nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng

4.1. Nhiệm vụ

Ban GSĐTCCĐ có những nhiệm vụ sau đây:

Một là, theo dõi, giám sát sự phù hợp của chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư với quy hoạch, kế hoạch đầu tư trên địa bàn cấp xã; việc chủ đầu tư chấp hành các quy định về chỉ giới đất đai và sử dụng đất, quy hoạch mặt bằng chi tiết, phương án kiến trúc, xây dựng, xử lý chất thải, bảo vệ môi trường, đền bù, giải phóng mặt bằng và phương án tái định cư, kế hoạch đầu tư; tình hình triển khai và tiến độ thực hiện các chương trình, dự án, việc thực hiện công khai thông tin trong quá trình đầu tư đối với các chương trình, dự án đầu tư công, dự án đầu tư từ nguồn vốn khác trên địa bàn cấp xã.

Hai là, đối với các chương trình, dự án đầu tư bằng vốn và công sức của cộng đồng dân cư, dự án sử dụng ngân sách cấp xã hoặc bằng nguồn tài trợ trực tiếp của các tổ chức, cá nhân cho cấp xã, thì ngoài việc theo dõi, giám sát những nội dung trên còn phải kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy trình, quy phạm kỹ thuật, định mức và chủng loại vật tư theo quy định; theo dõi, kiểm tra kết quả nghiệm thu và quyết toán công trình.

Ba là, phát hiện những việc làm tổn hại đến lợi ích của cộng đồng; những tác động tiêu cực của dự án đến môi trường sinh sống của cộng đồng trong quá trình thực hiện đầu tư và vận hành dự án; những việc gây lãng phí, thất thoát vốn, tài sản thuộc các chương trình, dự án đầu tư.

4.2. Quyền hạn

Ban GSĐTCCĐ có những quyền hạn sau đây:

Một là, yêu cầu cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cung cấp các thông tin về quy hoạch có liên quan đến việc quyết định đầu tư dự án, kế hoạch sử dụng đất đai theo quy định của pháp luật về đất đai.

Hai là, yêu cầu cơ quan quản lý nhà nước có liên quan trả lời về các vấn đề thuộc phạm vi quản lý theo quy định của pháp luật.

Ba là, yêu cầu chủ chương trình, chủ đầu tư trả lời, cung cấp các thông tin phục vụ việc giám sát đầu tư gồm quyết định đầu tư; thông tin về chủ đầu tư, ban quản lý dự án, địa chỉ liên hệ; tiến độ và kế hoạch đầu tư; diện tích chiếm đất và sử dụng đất; quy

hoạch mặt bằng chi tiết và phương án kiến trúc; đền bù, giải phóng mặt bằng và phương án tái định cư; phương án xử lý chất thải và bảo vệ môi trường.

Đối với các chương trình, dự án đầu tư bằng vốn và công sức của cộng đồng dân cư, dự án sử dụng ngân sách cấp xã hoặc bằng nguồn tài trợ trực tiếp của các tổ chức, cá nhân cho cấp xã, thì ngoài các nội dung trên, chủ chương trình, chủ đầu tư có trách nhiệm cung cấp thêm thông tin về quy trình, quy phạm kỹ thuật, chủng loại và định mức vật tư; kết quả nghiệm thu và quyết toán công trình.

Bốn là, tiếp nhận các thông tin do công dân phản ánh để gửi đến các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền hoặc tiến hành kiểm tra, giám sát theo phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của Ban; tiếp nhận và thông tin cho công dân biết ý kiến trả lời của các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền về kiến nghị của công dân.

Năm là, khi phát hiện dấu hiệu vi phạm pháp luật trong quá trình thực hiện dự án gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến sản xuất, an ninh, văn hóa, xã hội, môi trường sinh sống của cộng đồng hoặc chủ đầu tư không thực hiện công khai thông tin về chương trình, dự án đầu tư theo quy định của pháp luật thì phản ánh đến cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền và kiến nghị biện pháp xử lý; trường hợp cần thiết thì kiến nghị cấp có thẩm quyền đình chỉ thực hiện đầu tư, vận hành dự án.

5. Hoạt động của Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng

Ban GSĐTCCĐ xây dựng chương trình, kế hoạch kiểm tra, GSĐTCCĐ trên cơ sở hướng dẫn của Ủy ban MTTQ Việt Nam cấp xã.

Ban GSĐTCCĐ có trách nhiệm định kỳ báo cáo hoặc báo cáo khi có yêu cầu về kết quả GSĐTCCĐ với Ủy ban MTTQ Việt Nam cấp xã.

Trưởng ban GSĐTCCĐ được mời tham dự cuộc họp của HĐND, UBND, Ủy ban MTTQ Việt Nam cấp xã có nội dung liên quan đến chương trình, dự án mà Ban GSĐTCCĐ chịu trách nhiệm kiểm tra, giám sát.

6. Trách nhiệm của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã

Ủy ban MTTQ cấp xã có những trách nhiệm sau đây:

Thứ nhất, trực tiếp chỉ đạo hoạt động của Ban GSĐTCCĐ.

Thứ hai, chủ trì việc thành lập Ban GSĐTCCĐ cho từng chương trình, dự án. Ban Thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam cấp xã quyết định số lượng thành viên; cử đại diện tham gia Ban GSĐTCCĐ.

Thứ ba, thông báo cho chủ chương trình, chủ đầu tư, ban quản lý chương trình, dự án về kế hoạch giám sát và thành phần Ban GSĐTCCĐ chậm nhất là 45 ngày trước ngày thực hiện; thông báo về thành phần Ban GSĐTCCĐ đến HĐND, UBND cùng cấp và Nhân dân ở địa phương.

Thứ tư, hướng dẫn Ban GSĐTCCĐ xây dựng chương trình, kế hoạch kiểm tra, giám sát chương trình, dự án đầu tư theo quy định của pháp luật; hỗ trợ Ban GSĐTCCĐ trong việc thông tin liên lạc, lập và gửi các báo cáo GSĐTCCĐ.

Thứ năm, xác nhận văn bản kiến nghị, phản ánh của Ban GSĐTCCĐ trước khi gửi cơ quan có thẩm quyền; đôn đốc việc giải quyết kiến nghị của Ban GSĐTCCĐ.

Thứ sáu, động viên Nhân dân ở địa phương tích cực tham gia kiểm tra, giám sát tại cộng đồng và ủng hộ, hỗ trợ hoạt động của Ban GSĐTCCĐ.

Thứ bảy, hỗ trợ kinh phí hoạt động cho Ban GSĐTCCĐ. Kinh phí hỗ trợ cho hoạt động của Ban GSĐTCCĐ được sử dụng từ nguồn ngân sách nhà nước theo dự toán, kế hoạch hằng năm của Ủy ban MTTQ Việt Nam cấp xã, do ngân sách nhà nước cấp xã bảo đảm.

7. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã

UBND cấp xã có những trách nhiệm sau đây:

Thứ nhất, bố trí địa điểm làm việc để Ban GSĐTCCĐ tổ chức các cuộc họp và lưu trữ tài liệu phục vụ hoạt động kiểm tra, giám sát.

Thứ hai, yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan cung cấp đầy đủ, kịp thời thông tin, tài liệu cần thiết theo yêu cầu của Ban GSĐTCCĐ.

Thứ ba, xem xét, giải quyết kịp thời các kiến nghị của Ban GSĐTCCĐ, thông báo kết quả giải quyết trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được kiến nghị.

Thứ tư, xử lý người có hành vi cản trở hoạt động của Ban GSĐTCCĐ, người có hành vi trả thù, trù dập thành viên Ban GSĐTCCĐ theo quy định của pháp luật.

8. Trách nhiệm của chủ chương trình, chủ đầu tư, ban quản lý chương trình, dự án

Chủ chương trình, chủ đầu tư, ban quản lý chương trình, dự án có những trách nhiệm sau đây:

Thứ nhất, cung cấp đầy đủ, trung thực, kịp thời tài liệu liên quan đến việc triển khai thực hiện chương trình, dự án theo yêu cầu của Ban GSĐTCCĐ.

Thứ hai, tạo điều kiện thuận lợi cho Ban GSĐTCCĐ thực hiện việc kiểm tra, giám sát theo quy định của pháp luật.

Thứ ba, tiếp thu ý kiến, kiến nghị kiểm tra, giám sát của Ban GSĐTCCĐ và thông báo kết quả thực hiện đến Ban GSĐTCCĐ.

9. Trách nhiệm của Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng

Ban GSĐTCCĐ có trách nhiệm:

Thứ nhất, tổ chức thực hiện GSĐTCCĐ theo chương trình, kế hoạch đã đề ra; tiếp nhận các thông tin do công dân phản ánh để gửi tới các cơ quan quản lý có thẩm quyền; tiếp nhận và thông tin cho công dân biết ý kiến trả lời của các cơ quan quản lý có thẩm quyền về những kiến nghị của mình.

Thứ hai, định kỳ hàng quý hoặc đột xuất báo cáo Ủy ban MTTQ Việt Nam cấp xã về tình hình thực hiện và kết quả GSĐTCCĐ đối với chương trình, dự án trên địa bàn. Trường hợp phát hiện có vấn đề vi phạm hoặc có các kiến nghị khác về các chương trình, dự án trong quá trình GSĐTCCĐ, Ban GSĐTCCĐ tổng hợp trình Ủy ban MTTQ Việt Nam cấp xã để gửi kiến nghị đến các cơ quan có liên quan.

IV. MỘT SỐ GIẢI PHÁP ĐỀ NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG HOẠT ĐỘNG CỦA BAN THANH TRA NHÂN DÂN XÃ PHƯỜNG, THỊ TRẤN, BAN GIÁM SÁT ĐẦU TƯ CỦA CỘNG ĐỒNG

1. Giải pháp về xây dựng thể chế

Mặc dù Quốc hội mới ban hành Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở, Chính phủ mới ban hành nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở nhưng một số quy định liên quan đến tổ chức, hoạt động và các điều kiện đảm bảo cho hoạt động của Ban TTND, Ban GSĐTCCĐ cần tiếp tục được nghiên cứu để sửa đổi một số nội dung sau đây:

Thứ nhất, một số quy định về đối tượng, phạm vi giám sát của Ban TTND chồng chéo với đối tượng, phạm vi giám sát của Ban GSĐTCCĐ như việc thực hiện các dự án đầu tư, công trình do nhân dân đóng góp xây dựng, do Nhà nước, các tổ chức, cá nhân đầu tư, tài trợ cho xã, phường, thị trấn; các công trình triển khai trên địa bàn xã, phường, thị trấn có ảnh hưởng trực tiếp đến sản xuất, an ninh, trật tự, văn hóa - xã hội, vệ sinh môi trường và đời sống của nhân dân. Vì vậy, cần sửa đổi theo hướng những dự án, công trình đầu tư trên địa bàn từ bất cứ nguồn đầu tư nào thì do Ban GSĐTCCĐ giám sát.

Thứ hai, quy định đối với mỗi chương trình, dự án thì Ủy ban MTTQ cấp xã thành lập một Ban GSĐTCCĐ; Ban GSĐTCCĐ giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ chỉ phù hợp với những nơi có ít các chương trình, dự án đầu tư trên địa bàn. Trong thực tế thời gian qua, những nơi có nhiều chương trình, dự án đã không đủ nhân lực để trong cùng một thời gian thành lập nhiều Ban GSĐTCCĐ hoặc có nơi chỉ thành lập một Ban GSĐTCCĐ và duy trì hoạt động thường xuyên để giám sát tất cả các chương trình, dự án trên địa bàn. Việc này dẫn đến bất cập là các thành viên của Ban GSĐTCCĐ dù không có chuyên môn phù hợp vẫn phải giám sát tất cả các chương trình, dự án, dẫn đến chất lượng giám sát không cao.

Chính vì vậy, cần sửa đổi các quy định liên quan cho phép mỗi đơn vị cấp xã có thể chỉ thành lập một Ban GSĐTCCĐ nếu nơi đó có nhiều chương trình, dự án và thiếu nhân lực tham gia Ban GSĐTCCĐ. Về tổ chức, Ban này sẽ thành lập dưới dạng “mở”. Theo đó, thành viên Ban GSĐTCCĐ về cơ bản giữ nguyên, chỉ thay thế thành viên có am hiểu về chuyên môn liên quan đến mỗi chương trình, dự án để đảm bảo chất lượng giám sát.

Thứ ba, quy định về nội dung GSĐTCCĐ đối với mỗi loại chương trình dự án khá cứng nhắc, dẫn đến nhiều nơi Ban GSĐTCCĐ không thể giám sát tất cả các nội dung được. Vì vậy, cần quy định thực tế, mềm dẻo hơn. Theo đó, Ban GSĐTCCĐ chủ yếu giám sát những nội dung mà có thể bằng quan sát trực quan hoặc bằng hiểu biết, kinh nghiệm chuyên môn của các thành viên có thể làm được, còn những nội dung thuộc về quy trình, quy phạm kỹ thuật đòi hỏi chuyên môn sâu thì không cần giám sát,

Thứ tư, quy định Ban GSĐTCCĐ định kỳ 6 tháng một lần báo cáo kết quả giám sát với Ủy ban MTTQ Việt Nam cấp xã không phù hợp với thực tiễn. Trong thực tế, có những chương trình, dự án có thể hoàn thành trước 6 tháng hoặc trước một năm, khi ấy Ban GSĐTCCĐ đã giải thể thì không thể báo cáo được nữa. Vì vậy, nên quy định theo hướng mở là Ban GSĐTCCĐ báo cáo kết quả giám sát với Ủy ban MTTQ Việt Nam cấp xã sau khi hoàn thành nhiệm vụ giám sát đối với mỗi chương trình, dự án.

Thứ năm, quy định mỗi đơn vị cấp xã chỉ được cấp một khoản kinh phí như nhau cho hoạt động GSĐTCCĐ là thiếu thực tế. Quy định này dẫn đến hậu quả là nơi nào có ít chương trình, dự án thì được sử dụng kinh phí nhiều hơn và ngược lại. Vì vậy, đề nghị nên quy định việc cấp kinh phí theo mỗi chương trình, dự án. Bên cạnh đó, cũng cần sớm nghiên cứu để quy định hoạt động GSĐTCCĐ cũng được trích từ kinh phí của chương trình dự án. Làm như vậy vừa giải quyết được kinh phí hoạt động cho Ban GSĐTCCĐ, vừa đảm bảo tính công bằng; dự án lớn, giám sát vất vả, cần nhiều người, tốn thời gian hơn sẽ được cấp kinh phí nhiều hơn và ngược lại.

2. Giải pháp về tổ chức thực hiện

Ban Thường trực Ủy ban Trung ương MTTQ Việt Nam cần định kỳ tổ chức các lớp tập huấn chuyên môn về TTND và GSĐTCCĐ cho các địa phương (có thể mỗi nhiệm kỳ hai lần, vì các thành viên hai ban này luôn có sự biến động). Nên hạn chế hình thức tập huấn trực tuyến hoặc tập huấn toàn quốc mà nên tổ chức tập huấn theo các cụm (khoảng 3 đến 5 tỉnh một cụm) đến Chủ tịch Ủy ban MTTQ cấp xã, Trưởng Ban TTND, Trưởng ban GSĐTCCĐ. Báo cáo viên phải là những người có chuyên môn sâu, có kinh nghiệm thực tiễn về nội dung này.

Ban Thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam cấp tỉnh, cấp huyện cần quan tâm hơn nữa đến việc hướng dẫn, kiểm tra Ban Thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam cấp xã trong việc thực hiện nhiệm vụ chỉ đạo hoạt động của Ban TTND, Ban GSĐTCCĐ; kiến nghị các cơ quan nhà nước ở địa phương đáp ứng các điều kiện cần thiết để hai ban hoạt động, nhất là điều kiện về kinh phí.

Ủy ban MTTQ Việt Nam cấp xã cần đầu tư hơn nữa nhân lực và thời gian vào việc lãnh đạo, chỉ đạo hoạt động của Ban TTND, Ban GSĐTCCĐ; yêu cầu HĐND, UBND cấp xã, chủ đầu tư các chương trình, dự án giải quyết các kiến nghị của Ban TTND, Ban GSĐTCCĐ; trực tiếp hướng dẫn Ban TTND, Ban GSĐTCCĐ xây dựng kế hoạch công tác, dự trù kinh phí, quyết toán kinh phí...

3. Giải pháp về điều kiện bảo đảm

Ban Thường trực Ủy ban Trung ương MTTQ Việt Nam cần tiếp tục nghiên cứu đề kiến nghị với các bộ, ngành hữu quan, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc cho hoạt động của Ban TTND và Ban GSĐTCCĐ, nhất là về kinh phí hoạt động (cả về định mức, cả về nội dung sử dụng kinh phí).

Trong khi các quy định về kinh phí cho hoạt động của Ban TTND và Ban GSĐTCCĐ còn có một số bất cập thì Ban Thường trực Ủy ban MTTQ cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã cần kiến nghị chính quyền cùng cấp chỉ đạo các cơ quan chuyên môn cấp đúng, cấp đủ, cấp kịp thời kinh phí theo đúng quy định hiện hành.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Luật MTTQ Việt Nam năm 2015
2. Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở năm 2021
3. Luật Đầu tư công năm 2019
4. Luật Xây dựng năm 2020
5. Luật Ngân sách Nhà nước năm 2015
6. Luật Đất đai năm 2013
7. Luật Bảo vệ môi trường năm 2020
8. Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019
9. Nghị quyết liên tịch số 403/NQLT-UBTVQH-CP-ĐCTUBTU' MTTQVN ngày 15/6/2017 quy định chi tiết các hình thức giám sát, phản biện xã hội của MTTQ Việt Nam
10. Nghị định số 59/2023/NĐ-CP, ngày 14/8/2023 quy định chi tiết một số điều của Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở.
11. Nghị định số 84/2015/NĐ-CP ngày 30/9/2015 qui định về giám sát và đánh giá đầu tư
12. Nghị định số 29/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 quy định về trình tự, thủ tục thẩm định dự án quan trọng quốc gia
13. Thông tri của BTT Ủy ban trung ương MTTQ Việt Nam, hướng dẫn về tổ chức và hoạt động của Ban TTND và Ban GSĐTCCĐ.

Chuyên đề 8

MẶT TRẬN TỔ QUỐC VIỆT NAM THAM GIA TỔ CHỨC ĐỐI THOẠI TRỰC TIẾP GIỮA NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU CẤP ỦY, CHÍNH QUYỀN VỚI NHÂN DÂN

I. MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG

1. Khái niệm đối thoại trực tiếp giữa người đứng đầu cấp ủy, chính quyền với Nhân dân

- Đối thoại là sự giao tiếp bằng lời nói có sự *"trao đi, đổi lại"* giữa hai hoặc nhiều người với nhau.

- Đối thoại trực tiếp giữa người đứng đầu cấp ủy, chính quyền với Nhân dân là hình thức trao đổi trực tiếp, *"trao đi, đổi lại"* về một vấn đề nào đó mà Nhân dân quan tâm. Mục đích của đối thoại trực tiếp là người đứng đầu cấp ủy, chính quyền trả lời, giải đáp những thắc mắc, nguyện vọng, đề xuất kiến nghị của Nhân dân, để Nhân dân nhận thức đúng, khách quan, toàn diện hơn về vấn đề quan tâm.

2. Cơ sở chính trị, pháp lý

Có thể khẳng định, đối thoại trực tiếp với Nhân dân là hoạt động có ý nghĩa quan trọng trong tình hình hiện nay, vừa phát huy quyền làm chủ trực tiếp của Nhân dân; vừa nêu cao vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu cấp ủy, chính quyền trong thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; đồng thời phát huy vai trò, quyền, trách nhiệm của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội tham gia xây dựng Đảng, chính quyền trong sạch, vững mạnh, nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của Đảng, hiệu lực, hiệu quả quản lý của Nhà nước, góp phần cụ thể hoá cơ chế *"Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, Nhân dân làm chủ"*.

Nội dung đối thoại trực tiếp với Nhân dân đã được quy định tại một số văn bản của Đảng, Nhà nước như:

- Quyết định số 290-QĐ/TW ngày 25/02/2010 của Bộ Chính trị về việc ban hành quy chế công tác dân vận của hệ thống chính trị;

- Nghị quyết số 25-NQ/TW ngày 03/6/2013 về tăng cường và đổi mới sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác dân vận trong tình hình mới;

- Quyết định số 218-QĐ/TW ngày 12/12/2013 của Bộ Chính trị ban hành quy định về việc Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể chính trị - xã hội và Nhân dân tham gia góp ý xây dựng đảng, xây dựng chính quyền (sau đây viết tắt là Quyết định số 218);

- Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam năm 2015.

Trên cơ sở đó, cấp ủy nhiều tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương đã ban hành Quy chế tiếp xúc đối thoại trực tiếp của người đứng đầu cấp ủy, chính quyền với Nhân dân, trong đó quy định cụ thể vai trò, trách nhiệm của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tham gia tổ chức đối thoại trực tiếp giữa người đứng đầu cấp ủy, chính quyền với Nhân dân.

3. Thành phần đối thoại trực tiếp

- Chủ trì đối thoại gồm: Người đứng đầu cấp ủy cấp tỉnh, cấp ủy cấp huyện, cấp ủy cấp xã (bao gồm: Bí thư các tỉnh, Thành ủy; Bí thư các quận, huyện, thị ủy; Bí thư đảng ủy các xã, phường, thị trấn). Người đứng đầu chính quyền là Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp.

- Đối tượng đối thoại gồm:

- + Đại diện Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội các cấp.
- + Cán bộ, đảng viên, đoàn viên, hội viên, công chức, viên chức, người lao động và công dân (gọi chung là cá nhân).

4. Mục đích đối thoại trực tiếp

- Trực tiếp nắm bắt tâm tư, nguyện vọng, sáng kiến, phản ánh, kiến nghị của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội và các tầng lớp Nhân dân về xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền và thực hiện các nhiệm vụ chính trị của địa phương, đồng thời tiếp nhận, chỉ đạo, giải quyết kịp thời, có hiệu quả những kiến nghị hợp pháp, chính đáng của Nhân dân.

- Nâng cao trách nhiệm phục vụ Nhân dân của cấp ủy, chính quyền các cấp, nhất là của người đứng đầu cấp ủy, chính quyền, của cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, thực thi công vụ.

- Tuyên truyền, phổ biến chủ trương, nghị quyết của Đảng, pháp luật của Nhà nước, các quy định của địa phương, những kết quả đạt được trong lĩnh vực kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, cải cách hành chính, công tác xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền và những vấn đề của địa phương, cơ quan, tổ chức, đơn vị mà Nhân dân quan tâm.

- Góp phần cụ thể hóa cơ chế “Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, Nhân dân làm chủ” với phương châm “Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng”; nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức Đảng và chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên; tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XII), tạo sự chuyển biến mạnh về công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng, xây dựng hệ thống chính trị các cấp thực sự trong sạch, vững mạnh.

- Phát huy vai trò giám sát và phản biện xã hội, góp ý xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội và Nhân dân, góp phần tăng cường sự thống nhất về tư tưởng chính trị, tạo sự đồng thuận trong xã hội, củng cố mối quan hệ mật thiết giữa Đảng, Nhà nước với Nhân dân, kịp thời phát hiện những vấn đề vướng mắc, phát sinh để kiến nghị giải quyết hoặc nghiên cứu bổ sung, điều chỉnh những chủ trương, quy định của địa phương cho phù hợp.

5. Nguyên tắc đối thoại trực tiếp

- Người đứng đầu cấp ủy, chính quyền phải trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo công tác tiếp dân, xử lý, giải quyết phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo của dân; thực hiện nghiêm việc tiếp dân, đối thoại và xử lý, giải quyết những phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo của dân theo quy định của Đảng và pháp luật của Nhà nước.

- Việc tiếp dân, đối thoại và xử lý, giải quyết những phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo của dân, phải tôn trọng, lắng nghe ý kiến, nguyện vọng của dân; dân chủ, công tâm, khách quan, kịp thời, đúng phạm vi thẩm quyền; trình tự, thủ tục đơn giản, tạo thuận lợi cho người dân; bảo mật thông tin, bảo đảm an toàn cho người phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo theo quy định.

- Nghiêm cấm việc lợi dụng đối thoại để làm trái các quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước hoặc đưa ra những thông tin không đúng, không có căn cứ nhằm vu cáo, đả kích, bôi xấu, làm ảnh hưởng đến danh dự, uy tín của tổ chức, cá nhân.

- Không đối thoại đối với người không có năng lực hành vi; người đang trong tình trạng sử dụng rượu, bia và các loại chất kích thích khác; người vi phạm nội quy, quy chế đối thoại; người khiếu kiện đã được cấp có thẩm quyền có quyết định giải quyết cuối cùng nhưng vẫn tiếp tục khiếu kiện.

6. Nội dung đối thoại trực tiếp

- Thông báo khái quát về tình hình kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh; những vấn đề mà dư luận xã hội và Nhân dân quan tâm.

- Nghe ý kiến đóng góp của Nhân dân về các chủ trương, chính sách quan trọng của cấp ủy, chính quyền địa phương, nhất là những vấn đề liên quan trực tiếp đến quyền và nghĩa vụ của Nhân dân trước khi cơ quan có thẩm quyền quyết định và tổ chức thực hiện các chủ trương, chính sách đã ban hành.

- Nghe ý kiến của Nhân dân phản ánh về sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy đảng, sự quản lý, điều hành của các cấp chính quyền, hoạt động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội; về đạo đức, lối sống, thái độ, tinh thần trách nhiệm của cán bộ, đảng viên trong quá trình thực thi công vụ.

- Nghe ý kiến của Nhân dân phản ánh về những vấn đề mà Nhân dân quan tâm, bức xúc.

- Tiếp thu, định hướng giải quyết vướng mắc, kiến nghị của Nhân dân trong quá trình đối thoại; trực tiếp chỉ đạo hoặc kiến nghị giải quyết sau khi kết thúc đối thoại.

7. Hình thức và chế độ đối thoại

7.1. Hình thức đối thoại: Tổ chức hội nghị trực tiếp hoặc hội nghị trực tuyến.

7.2. Chế độ đối thoại: Thực hiện đối thoại định kỳ 01 lần/năm. Ngoài ra, có thể tổ chức đối thoại đột xuất khi thấy cần thiết.

II. TRÁCH NHIỆM CỦA CƠ QUAN, TỔ CHỨC, CÁ NHÂN TRONG VIỆC TỔ CHỨC ĐỐI THOẠI TRỰC TIẾP GIỮA NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU CẤP ỦY CHÍNH QUYỀN VỚI NHÂN DÂN

1. Trách nhiệm của cấp ủy, chính quyền

- Chủ trì, phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội tổ chức đối thoại trực tiếp giữa người đứng đầu cấp ủy, cơ quan chính quyền các cấp với Nhân dân.

- Thông báo ý kiến kết luận của người đứng đầu cấp ủy, chính quyền đến các cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan xem xét, giải quyết kiến nghị của Nhân dân tại hội nghị đối thoại.

- Hằng năm, báo cáo kết quả tổ chức đối thoại và kết quả giải quyết các ý kiến, kiến nghị sau khi đối thoại với cấp ủy cùng cấp; cấp ủy, chính quyền cấp trên trực tiếp; đồng thời gửi Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội cùng cấp để theo dõi, giám sát.

2. Trách nhiệm của người đứng đầu cấp ủy, chính quyền

- Thực hiện sự lãnh đạo, chỉ đạo, yêu cầu của cấp ủy, người đứng đầu cấp ủy cấp trên trong công tác đối thoại trực tiếp với Nhân dân.

- Trực tiếp đối thoại với Nhân dân theo quy định; kịp thời xử lý, giải quyết các phản ánh, kiến nghị của Nhân dân theo thẩm quyền.

- Lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát, đôn đốc người đứng đầu cấp ủy, chính quyền, tổ chức, cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền chấp hành quy định về đối thoại trực tiếp và xử lý, giải quyết phản ánh, kiến nghị của Nhân dân.

- Ban hành và tổ chức thực hiện nội quy, quy chế đối thoại trực tiếp với Nhân dân theo quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước; phân công một cơ quan, đơn vị trực thuộc chịu trách nhiệm tiếp nhận, xử lý thông tin, báo cáo và theo dõi, tổng hợp, tham mưu cho người đứng đầu cấp ủy, chính quyền lãnh đạo, chỉ đạo công tác đối thoại trực tiếp với Nhân dân và xử lý, giải quyết kiến nghị, phản ánh của Nhân dân trên địa bàn.

- Định kỳ báo cáo tình hình, kết quả tổ chức đối thoại và kết quả giải quyết các ý kiến, kiến nghị sau khi đối thoại với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền.

3. Trách nhiệm của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam

- Phối hợp với cấp ủy, chính quyền địa phương tổ chức đối thoại trực tiếp giữa người đứng đầu cấp ủy, chính quyền ở địa phương với Nhân dân.

- Chủ động nắm bắt tình hình Nhân dân, những vấn đề bức xúc, phức tạp, nổi cộm, nhất là những vấn đề tồn đọng, đề xuất, kiến nghị nhiều lần nhưng chưa được giải quyết dứt điểm để phối hợp tham mưu tổ chức đối thoại.

- Theo dõi, tổng hợp và giám sát kết quả giải quyết các ý kiến, kiến nghị hoặc lời hứa của người đứng đầu cấp ủy, chính quyền sau khi đối thoại.

- Tuyên truyền, vận động các tầng lớp nhân dân thực hiện kết quả giải quyết của người đứng đầu cấp ủy, chính quyền và các cơ quan chức năng.

III. CÁCH THỨC TỔ CHỨC HỘI NGHỊ ĐỐI THOẠI

1. Công tác chuẩn bị trước khi tổ chức đối thoại

- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội chủ động phối hợp văn phòng cấp ủy, văn phòng Hội đồng nhân dân, văn phòng Ủy ban nhân dân trong việc tổ chức hội nghị đối thoại trực tiếp giữa người đứng đầu cấp ủy, chính quyền với Nhân dân.

- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội nắm chắc tình hình Nhân dân; rà soát, thống kê những vấn đề bức xúc, nổi cộm, nhất là những vấn đề đã được Nhân dân kiến nghị, đề xuất hợp pháp, chính đáng đã được nêu ra nhiều lần nhưng chưa giải quyết dứt điểm, báo cáo với cấp ủy, trao đổi với chính quyền trước khi tổ chức đối thoại.

2. Tổ chức thực hiện đối thoại

- Văn phòng cấp ủy, văn phòng Hội đồng nhân dân, văn phòng Ủy ban nhân dân: Công bố chương trình, nội dung, quy chế, thời gian của hội nghị đối thoại và cử thư ký ghi biên bản, ý kiến phát biểu, đăng ký nội dung phát biểu của người tham dự.

- Người đứng đầu cấp ủy, chính quyền thông báo khái quát về tình hình kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh; những vấn đề mà dư luận xã hội và Nhân dân quan tâm.

- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội; đại diện tổ chức, cơ quan, đơn vị và đại diện Nhân dân ở địa phương phát biểu ý kiến, thảo luận theo thứ tự, nội dung đăng ký trước với thư ký của hội nghị đối thoại.

- Người đứng đầu cấp ủy, chính quyền trao đổi, tiếp thu, trả lời các ý kiến, kiến nghị tại hội nghị hoặc yêu cầu lãnh đạo các cơ quan, đơn vị có liên quan phát biểu, trả lời rõ, giải quyết những vấn đề Nhân dân nêu và kết luận buổi làm việc.

3. Sau khi kết thúc hội nghị đối thoại

- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội chủ động tập hợp, tổng hợp và theo dõi, giám sát việc giải quyết các ý kiến, kiến nghị hoặc lời hứa của người đứng đầu cấp ủy, chính quyền sau khi đối thoại.

- Tuyên truyền, vận động các tầng lớp nhân dân thực hiện kết quả giải quyết của người đứng đầu cấp ủy, chính quyền và các cơ quan chức năng.

* **Lưu ý:** Ở một số địa phương, việc tổ chức hội nghị đối thoại trực tiếp giữa người đứng đầu cấp ủy các cấp với Nhân dân được giao cho Ban Dân vận cùng cấp chủ trì. Vì vậy, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội chủ động phối hợp Ban Dân vận cùng cấp tham mưu tổ chức hội nghị đối thoại trực tiếp giữa người đứng đầu cấp ủy với Nhân dân.

IV. SỰ KHÁC NHAU GIỮA HOẠT ĐỘNG ĐỐI THOẠI TRỰC TIẾP GIỮA NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU CẤP ỦY CHÍNH QUYỀN VỚI NHÂN DÂN VÀ NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ TRỰC TIẾP TIẾP CÔNG DÂN, GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI, TỐ CÁO, KIẾN NGHỊ, PHẢN ÁNH

Tt	Tiêu chí	Đối thoại trực tiếp giữa người đứng đầu cấp ủy, chính quyền với Nhân dân	Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị trực tiếp tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh
1	Về chủ thể	<ul style="list-style-type: none"> - Người đứng đầu cấp ủy cấp tỉnh, cấp ủy cấp huyện, cấp ủy cấp xã (bao gồm: Bí thư các tỉnh, Thành ủy; Bí thư các quận, huyện, thị ủy; Bí thư đảng ủy các xã, phường, thị trấn); - Người đứng đầu chính quyền là Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp. 	<ul style="list-style-type: none"> - Các cơ quan nhà nước (bao gồm: Chính phủ; Bộ, cơ quan ngang bộ; tổng cục và tổ chức tương đương; cục; Ủy ban nhân dân các cấp; Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh; các cơ quan của Quốc hội; Hội đồng nhân dân các cấp; Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm toán nhà nước); - Đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp; - Tổ chức chính trị, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội, cơ quan thuộc Chính phủ, đơn vị sự nghiệp công lập; - Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp.
2	Về mục đích	Người đứng đầu cấp ủy, chính quyền trả lời, giải đáp những thắc mắc, nguyện vọng, đề xuất kiến nghị của Nhân dân, để Nhân dân nhận thức đúng, khách quan, toàn diện hơn về vấn đề quan tâm.	Đón tiếp để lắng nghe, tiếp nhận khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của công dân; giải thích, hướng dẫn cho công dân về việc thực hiện khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh theo đúng quy định của pháp luật.

3	Về địa điểm, hình thức	Tổ chức hội nghị tại cơ quan chủ trì tổ chức đối thoại.	Trụ sở tiếp công dân, địa điểm tiếp công dân hoặc nơi làm việc khác do cơ quan, tổ chức, đơn vị có trách nhiệm tiếp công dân bố trí và phải được thông báo công khai hoặc thông báo trước cho người được tiếp.
4	Về văn bản điều chỉnh	Thực hiện theo Quyết định số 218-QĐ/TW ngày 12/12/2013 của Bộ Chính trị ban hành quy định về việc Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể chính trị - xã hội và Nhân dân tham gia góp ý xây dựng đảng, xây dựng chính quyền.	Thực hiện theo quy định của Luật Khiếu nại, Luật Tố cáo, Luật Tiếp công dân và các quy định hiện hành khác của pháp luật

V. MỘT SỐ LƯU Ý KHI TỔ CHỨC ĐỐI THOẠI TRỰC TIẾP GIỮA NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU CẤP ỦY, CHÍNH QUYỀN VỚI NHÂN DÂN

1. Để nâng cao vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam trong việc tham gia tổ chức đối thoại trực tiếp giữa người đứng đầu cấp ủy, chính quyền với Nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội cần chủ động nắm bắt tâm tư, nguyện vọng, phản ánh, kiến nghị của Nhân dân, nhất là những vấn đề bức xúc, phức tạp, nổi cộm để báo cáo với cấp ủy, trao đổi với chính quyền trước khi tổ chức đối thoại; chủ động đề xuất phương án, biện pháp giúp người đứng đầu cấp ủy, chính quyền giải quyết kịp thời, tránh phát sinh “điểm nóng” ở địa phương.

2. Để việc tổ chức hội nghị đối thoại tránh hình thức, thu hút được sự tham gia của đông đảo Nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội cần chủ động lựa chọn nội dung, hình thức tiếp xúc, đối thoại phù hợp với tình hình thực tiễn địa phương để tham mưu cho cấp ủy, đề xuất với chính quyền. Nội dung góp ý, đối thoại cần tập trung vào việc lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy đảng, chính quyền trong việc thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội; xây dựng nông thôn mới; quản lý đô thị, môi trường; an toàn thực phẩm... những vấn đề “nóng” mà nhân dân địa phương quan tâm. Trong quá trình đối thoại cần chủ động đặt ra các vấn đề mang tính chất gợi mở để người dân tham gia góp ý kiến, thảo luận và đưa ra giải pháp thực hiện.

3. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên, các tầng lớp nhân dân tham gia đối thoại với tinh thần dân chủ, cởi mở; chủ động bày tỏ tâm tư, nguyện vọng, đề xuất các giải pháp nhằm thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, tích cực tham gia xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền.

4. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội cần tăng cường giám sát công tác đối thoại và việc giải quyết, trả lời của người đứng đầu cấp ủy, chính quyền, các cơ quan, đơn vị, cá nhân có thẩm quyền liên quan.

5. Phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức các lớp bồi dưỡng, tập huấn nghiệp vụ, kỹ năng, phương pháp đối thoại cho đội ngũ cán bộ chủ chốt, công chức các cơ quan giúp việc của cấp ủy, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, nhất là cấp cơ sở, góp phần nâng cao chất lượng đối thoại giữa người đứng đầu cấp ủy, chính quyền với Nhân dân.

Có thể khẳng định rằng, đối thoại với Nhân dân không phải là việc làm hoàn toàn mới, song luôn mang tính thời sự, là phương pháp rất phù hợp, hiệu quả trong việc nắm bắt tâm tư, nguyện vọng của Nhân dân và định hướng dư luận xã hội. Bởi vậy, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam với vai trò, trách nhiệm của mình nếu thực hiện tốt quy chế tiếp xúc, đối thoại trực tiếp, đây sẽ là cầu nối giữa cấp ủy, chính quyền với Nhân dân, giúp hạn chế đơn thư khiếu nại, tố cáo, đồng thời phát huy quyền làm chủ của Nhân dân, góp phần xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền gần dân, do dân và vì dân.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Quyết định số 290-QĐ/TW ngày 25/02/2010 của Bộ Chính trị về việc ban hành quy chế công tác dân vận của hệ thống chính trị;
2. Nghị quyết số 25-NQ/TW ngày 03/6/2013 về tăng cường và đổi mới sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác dân vận trong tình hình mới;
3. Quyết định số 218-QĐ/TW ngày 12/12/2013 của Bộ Chính trị ban hành quy định về việc Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể chính trị - xã hội và Nhân dân tham gia góp ý xây dựng đảng, xây dựng chính quyền;
4. Quy định số 11-QĐi/TW ngày 18/02/2019 của Ban Chấp hành Trung ương quy định về trách nhiệm của người đứng đầu cấp ủy trong việc tiếp dân, đối thoại trực tiếp với dân và xử lý những phản ánh, kiến nghị của dân;
5. Luật Khiếu nại năm 2011;
6. Luật Tiếp công dân năm 2013;
7. Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam năm 2015.
8. Luật Tố cáo năm 2018.



Phần II
**HỎI ĐÁP LIÊN QUAN ĐẾN HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT,
PHẢN BIỆN XÃ HỘI**

HỎI - ĐÁP

LIÊN QUAN ĐẾN CÔNG TÁC GIÁM SÁT

Câu hỏi 1: Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp dưới có phải thực hiện nội dung giám sát của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp trên không?

Trả lời:

Khoản 1, Điều 2, Nghị quyết liên tịch số 403/2017/NQLT-UBTVQH14-CP-ĐCTUBTWMTTQVN quy định:

1. Căn cứ tổ chức giám sát:

a) Chương trình phối hợp và thống nhất hành động hằng năm của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp;

b) Chương trình phối hợp giám sát giữa Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam với các tổ chức thành viên của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và cơ quan nhà nước cùng cấp;

c) Kiến nghị của tổ chức thành viên của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;

d) Đơn, thư khiếu nại, tố cáo, phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức do Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tiếp nhận;

đ) Thông tin phản ánh trên các phương tiện thông tin đại chúng.

Căn cứ vào quy định này, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam chủ trì hiệp thương với các tổ chức chính trị - xã hội cùng cấp lựa chọn những vấn đề mà Nhân dân quan tâm, bức xúc, chủ động xây dựng kế hoạch và tổ chức triển khai các hoạt động giám sát. Ủy ban MTTQ Việt Nam cấp dưới thực hiện nội dung giám sát của cấp trên khi được hướng dẫn, yêu cầu phối hợp hoặc tổ chức thực hiện giám sát gửi báo cáo kết quả lên cấp trên để tổng hợp.

Câu hỏi 2: Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội có được tổ chức các hoạt động giám sát ngoài kế hoạch giám sát hằng năm đã ban hành hay không?

Trả lời:

Căn cứ Khoản 1, Điều 2, Nghị quyết liên tịch số 403/2017/NQLT-UBTVQH14-CP-ĐCTUBTWMTTQVN ngày 15-6-2017 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ và Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội lựa chọn vấn đề và xác định hình thức giám sát phù hợp để xây dựng kế hoạch giám sát hằng năm. Ngoài ra, kế hoạch giám sát có thể được điều chỉnh, bổ sung phù hợp với yêu cầu, tình hình thực tế hoặc khi có vấn đề phát sinh đột xuất.

Tuy nhiên, dù là giám sát theo kế hoạch hay giám sát khi có vấn đề phát sinh đột xuất, thì khi xây dựng kế hoạch giám sát, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội cần trao đổi, thống nhất với các bên về nội dung, lĩnh vực, địa bàn và thời gian thực hiện (theo quy định tại Khoản 3, Khoản 5, Điều 3 của Nghị quyết liên tịch số 403).

Câu hỏi 3: Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội từng cấp nên lựa chọn cách làm giám sát thông qua hình thức nghiên cứu, xem xét văn bản của cơ quan có thẩm quyền như thế nào cho hiệu quả?

Trả lời:

Giám sát thông qua hình thức nghiên cứu, xem xét văn bản của cơ quan có thẩm quyền là hình thức giám sát thường xuyên của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và tổ chức chính trị - xã hội.

Để bảo đảm hiệu quả giám sát văn bản, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam hoặc lãnh đạo các tổ chức chính trị - xã hội phân công các ban, đơn vị và cá nhân thuộc cơ quan, tổ chức mình thường xuyên theo dõi, nghiên cứu, xem xét các văn bản do các cơ quan có thẩm quyền cùng cấp ban hành có nội dung liên quan đến quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của Nhân dân. Qua nghiên cứu, xem xét, nếu phát hiện có dấu hiệu vi phạm pháp luật, gây thiệt hại đến quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của Nhân dân, thì ban, đơn vị, cá nhân được phân công có trách nhiệm báo cáo, đề xuất Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam hoặc lãnh đạo các tổ chức chính trị - xã hội quyết định việc giám sát văn bản đó.

Ví dụ: Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam nên giám sát đối với văn bản của Quốc hội, Chính phủ, các bộ, ngành Trung ương; Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh nên giám sát đối với văn bản của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, các sở, ban, ngành cấp tỉnh; Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp huyện, cấp xã nên giám sát đối với văn bản của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, các phòng, ban cùng cấp. Qua giám sát cũng đối chiếu với văn bản của cấp trên để phát hiện những vướng mắc, bất cập để kiến nghị.

Câu hỏi 4: Trình tự giám sát thông qua nghiên cứu, xem xét văn bản được thực hiện như thế nào?

Trả lời:

Điều 5 Nghị quyết liên tịch số 403 quy định:

1. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội các cấp chủ trì việc nghiên cứu, xem xét văn bản của cơ quan có thẩm quyền; trường hợp cần thiết, tổ chức hội nghị hoặc gửi văn bản lấy ý kiến tham vấn của các chuyên gia, nhà khoa học.

2. Việc tổ chức hội nghị nghiên cứu, xem xét văn bản được thực hiện theo trình tự sau đây:

a) Đại diện lãnh đạo Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội trình bày ý kiến nghiên cứu về văn bản;

b) Đại diện cơ quan, tổ chức có văn bản được giám sát trình bày ý kiến;

c) Đại diện cơ quan, tổ chức, cá nhân được mời tham dự hội nghị phát biểu ý kiến;

d) Đại diện Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, lãnh đạo tổ chức chính trị - xã hội chủ trì hội nghị kết luận.

3. Việc gửi văn bản lấy ý kiến tham vấn của các chuyên gia, nhà khoa học được thực hiện theo trình tự sau đây:

a) Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội gửi văn bản được giám sát đến các chuyên gia, nhà khoa học trong các lĩnh vực liên quan đến nội dung của văn bản được giám sát;

b) Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội tập hợp, tổng hợp ý kiến đóng góp và xây dựng văn bản kiến nghị đối với nội dung của văn bản được giám sát.

Bên cạnh đó, trước khi tổ chức hội nghị nghiên cứu, xem xét văn bản thì Ủy ban MTTQ Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội có thể tổ chức khảo sát thực tế tình hình thực hiện văn bản, lấy ý kiến của đối tượng tác động, tổ chức hội nghị tọa đàm để xác định những vấn đề cần giám sát.

Câu hỏi 5: Thông tư số 337/2016/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài Chính quy định về lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo đảm hoạt động giám sát, phản biện xã hội của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội quy định mức Chi thuê chuyên gia thẩm định, chuyên gia tư vấn độc lập là 1.000.000 đồng/báo cáo kết quả thẩm định hoặc tư vấn nhưng tối đa không quá 05 chuyên gia cho nội dung cần thẩm định hoặc tư vấn trong hoạt động giám sát.

Thực tế phát sinh nhiều nội dung giám sát phức tạp, đòi hỏi sự huy động của nhiều chuyên gia, nhà khoa học, người hoạt động thực tiễn. Ủy ban MTTQ Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội thực hiện như thế nào để phát huy sự tham gia tích cực của các chuyên gia?

Trả lời:

Tùy thuộc vào phạm vi, mức độ quan trọng và tác động của văn bản được giám sát, Ủy ban MTTQ Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội áp dụng khoản 6 Điều 5 Thông tư số 337/2016/TT-BTC: *“Trong phạm vi kinh phí phục vụ công tác giám sát, phản biện xã hội được cơ quan có thẩm quyền giao, căn cứ tình hình thực tế triển khai công việc, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị quyết định việc chi tiêu cho các nội dung công việc thực tế phát sinh, đảm bảo theo đúng các quy định của pháp luật hiện hành và đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả.”*

Tại Thông tư quy định tối đa không quá 05 chuyên gia cho nội dung cần thẩm định hoặc tư vấn trong hoạt động giám sát. Trong một chương trình giám sát có nhiều nội dung khác nhau, vì vậy có thể được hiểu là 5 chuyên gia/01 nội dung cần thẩm định/01 nội dung giám sát.

Ví dụ: năm 2021, Ban Thường trực Ủy ban Trung ương MTTQ Việt Nam tổ chức giám sát văn bản đối với Luật Đất đai năm 2013. Trong Luật Đất đai có nhiều nội dung liên quan đến quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của Nhân dân như Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; Tài chính đất đai; Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất... Mỗi nội dung lại cần ý kiến của nhiều chuyên gia. Vì vậy, tại mỗi nội dung, Ban Thường trực Ủy ban Trung ương MTTQ Việt Nam đặt bài tham luận từ 2-3 chuyên gia độc lập. Toàn bộ nội dung giám sát này đặt 15 chuyên gia tư vấn độc lập để làm sâu sắc hơn những vấn đề cần giám sát.

Câu hỏi 6: Làm thế nào để chọn nội dung giám sát phù hợp, không trùng lặp với nội dung giám sát của cơ quan đảng, cơ quan đại biểu dân cử?

Trả lời:

Căn cứ Khoản 1 và Khoản 3, Điều 3 của Nghị quyết liên tịch số 403, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam chủ trì hiệp thương với các tổ chức chính trị - xã hội cùng cấp để lựa chọn những vấn đề mà nhân dân quan tâm, bức xúc và xác định các hình thức giám sát phù hợp để xây dựng kế hoạch giám sát chung.

Quý IV hằng năm, kế hoạch giám sát của Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam sẽ được gửi cho Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ để trao đổi, thống nhất; kế hoạch giám sát của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh sẽ được gửi cho Đoàn đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cùng cấp để trao đổi, thống nhất; kế hoạch giám sát của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp huyện, cấp xã sẽ được gửi cho Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cùng cấp để trao đổi, thống nhất.

Qua quá trình trao đổi, thống nhất, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam sẽ chọn được nội dung giám sát phù hợp, không trùng lặp với nội dung giám sát của cơ quan đảng, cơ quan đại biểu dân cử.

Câu hỏi 7: Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã hằng năm nên chủ trì giám sát khoảng bao nhiêu nội dung theo hình thức đoàn giám sát là phù hợp?

Trả lời:

Không có văn bản pháp luật nào quy định về việc Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã chủ trì giám sát bao nhiêu nội dung theo hình thức đoàn giám sát mỗi năm. Tuy nhiên, với điều kiện nhân lực và kinh phí hạn hẹp, để việc giám sát đạt hiệu quả, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội các cấp nên cân nhắc nội dung chủ trì giám sát bằng hình thức đoàn giám sát như sau:

- Cấp tỉnh: Từ 2 - 4 nội dung/năm; 5 tổ chức chính trị - xã hội, mỗi tổ chức nên chọn 1 nội dung;

- Cấp huyện: Từ 2 - 3 nội dung/năm, nên tổ chức đoàn chung thông qua Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;

- Cấp xã: Từ 1 - 2 nội dung/năm. Cấp xã nên tập trung giám sát qua hình thức thanh tra nhân dân và giám sát đầu tư của cộng đồng, giám sát việc giải quyết khiếu nại, tố cáo và thực hiện ý kiến, kiến nghị của cử tri của cấp xã.

Câu hỏi 8: Khi giám sát thông qua hình thức tổ chức đoàn giám sát, với một nội dung giám sát nhưng đoàn giám sát đến làm việc với nhiều cơ quan, tổ chức, cá nhân khác nhau. Sau giám sát, có phải gửi thông báo kết quả giám sát cho từng cơ quan, tổ chức, cá nhân đã được giám sát hay không?

Trả lời:

Từng cơ quan, tổ chức, cá nhân đoàn giám sát đến làm việc không nhất thiết phải có văn bản thông báo kết quả giám sát riêng. Kết thúc cuộc giám sát, Trưởng đoàn giám sát có báo cáo kết quả giám sát; Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội chủ trì giám sát ban hành thông báo về nội dung giám sát và kiến nghị (trong trường hợp Trưởng đoàn giám sát không phải là Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam). Các văn bản này đều được gửi cho cơ quan, tổ chức, cá nhân được giám sát.

Ví dụ: Để triển khai giám sát khiếu nại của công dân liên quan đến sai phạm về tố tụng hình sự, Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành lập đoàn giám sát làm việc với các cơ quan liên quan đến tố tụng như: Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân, cơ quan công an và cá nhân công dân có đơn khiếu nại.

Sau giám sát, Trưởng đoàn giám sát có báo cáo kết quả giám sát; trên cơ sở đó, Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam ban hành thông báo về nội dung giám sát và kiến nghị (kèm theo văn bản này là báo cáo của Đoàn giám sát). Các văn bản này đều được gửi cho Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân, cơ quan công an và cá nhân công dân có đơn khiếu nại.

Câu hỏi 9: Ngoài bốn hình thức giám sát theo quy định tại Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam năm 2015, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và tổ chức chính trị - xã hội còn có thể sử dụng các hình thức giám sát nào?

Trả lời:

Một số hình thức giám sát Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội đã, đang và sẽ phải làm khi có các quy định cụ thể. Trước đây, Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và Chính phủ đã ký Nghị quyết liên tịch số 05/2006/CP-UBTWMTTQVN, ngày 21-4-2006 về việc ban hành *Quy chế Mặt trận Tổ quốc Việt Nam giám sát cán bộ, công chức, đảng viên ở khu dân cư* được làm điểm ở 5 tỉnh, thành phố. Hiện nay, theo yêu cầu của Ban Bí thư Trung ương Đảng, tới đây Ban Dân vận Trung ương sẽ tham mưu xây dựng quy chế giám sát của Mặt

trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội và nhân dân đối với việc tu dưỡng rèn luyện đạo đức của người đứng đầu, cán bộ chủ chốt và cán bộ, đảng viên. Ngày 22/9/2020, Ban Thường trực Ủy ban Trung ương MTTQ Việt Nam ban hành Thông tri số 10/TT-MTTW-BTT về hướng dẫn giám sát cán bộ, đảng viên. Trong đó hướng dẫn về các hình thức giám sát:

- Thông qua quá trình tìm hiểu, giao tiếp với cán bộ, đảng viên; qua các hoạt động của MTTQ, đoàn thể, hội nghị, diễn đàn, tiếp xúc, trao đổi, đối thoại, phiếu khảo sát, qua hòm thư góp ý...

- Thông qua tiếp nhận thông tin báo cáo, kiến nghị của các tổ chức; khiếu nại, tố cáo, phản ánh của cá nhân, đoàn viên, hội viên và Nhân dân; qua phản ánh của người có uy tín trong cộng đồng dân cư, dư luận xã hội, cơ quan truyền thông đại chúng.

- Thông qua hoạt động của Ban công tác Mặt trận ở khu dân cư; Ban Thanh tra nhân dân ở xã, phường, thị trấn và Ban Thanh tra nhân dân ở cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp nhà nước.

- Thành lập đoàn giám sát của Ủy ban MTTQ Việt Nam các cấp và các tổ chức chính trị - xã hội.

Ngoài ra để thực hiện nhiệm vụ thường xuyên, đột xuất, định kỳ năm, phản ánh tình hình nhân dân cũng cần phải đa dạng nhiều hình thức giám sát của nhân dân.

Câu hỏi 10: Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội thực hiện giám sát như thế nào?

Trả lời:

Căn cứ vào quy định tại Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam năm 2015, Nghị quyết liên tịch số 403/2017/NQLT-UBTVQH14-CP-ĐCTUBTWMTTQVN, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội phải chủ động, tích cực thể hiện vai trò là chủ thể giám sát. Mỗi hình thức giám sát đều được quy định cụ thể về trình tự, thủ tục. Căn cứ vào tình hình thực tiễn ở mỗi địa phương, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội lựa chọn những vấn đề mà người dân quan tâm, bức xúc để xây dựng kế hoạch giám sát phù hợp.

Trong quá trình thực hiện, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội xây dựng những mô hình, cách làm sáng tạo, hiệu quả, vừa làm vừa rút kinh nghiệm để phát huy tốt vai trò đại diện, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của nhân dân.

Câu 11: Ủy ban MTTQ Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội các cấp theo dõi, đôn đốc việc giải quyết kiến nghị sau giám sát thực hiện như thế nào?

Trả lời:

Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội chủ trì giám sát cần theo dõi việc giải quyết văn bản kiến nghị sau giám sát. Trường hợp các cơ quan, tổ chức, cá nhân vẫn không thực hiện thì có thể lựa chọn các hình thức sau:

- Gửi văn bản đến cơ quan, tổ chức là cấp trên trực tiếp của cơ quan, tổ chức, cá nhân được giám sát, các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền để chỉ đạo cơ quan, tổ chức, cá nhân được giám sát phải xem xét, giải quyết và trả lời; đề nghị cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền xem xét trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân không giải quyết hoặc giải quyết không đúng quy định của pháp luật.

- Phản ánh tại các phiên họp của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, kỳ họp của Quốc hội, phiên họp của Chính phủ; trong các báo cáo định kỳ hàng tháng, hàng quý gửi các cơ quan, tổ chức có thẩm quyền (Cấp ủy, Thường trực Hội đồng Nhân dân, Ủy ban Nhân dân cùng cấp); tại các cuộc họp của Thường trực Hội đồng Nhân dân, Ủy ban Nhân dân và trong Báo cáo công tác Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tham gia xây dựng chính quyền tại các phiên họp Hội đồng nhân dân cùng cấp.

- Trao đổi, cung cấp thông tin và đề nghị các cơ quan báo chí, truyền thông phản ánh, đưa tin, yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân được giám sát phải xem xét, giải quyết các kiến nghị sau giám sát của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

HỎI - ĐÁP

LIÊN QUAN ĐẾN CÔNG TÁC PHẢN BIỆN XÃ HỘI

Câu 1: Việc xây dựng Kế hoạch phản biện xã hội hằng năm của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam được thực hiện như thế nào?

Trả lời:

Căn cứ Quy chế giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội (ban hành kèm theo Quyết định số 217/QĐ/TW ngày 12/12/2013 của Bộ Chính trị); Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam năm 2015; Nghị quyết liên tịch số 403/2017/NQLT-UBTVQH14-CP-ĐCTUBTUMTTQVN ngày 15/6/2017 giữa Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Chính phủ quy định chi tiết các hình thức giám sát, phản biện xã hội của MTTQ Việt Nam.

Việc xác định nội dung phản biện xã hội để xây dựng Kế hoạch phản biện xã hội hằng năm của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp được thực hiện theo quy định tại khoản 2, Điều 2 và Điều 3 Nghị quyết liên tịch số 403, với quy trình, thủ tục như sau:

Bước 1: Căn cứ Chương trình phối hợp và thống nhất hành động hằng năm của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tổ chức phản biện xã hội; Chương trình, kế hoạch xây dựng văn bản quy phạm pháp luật hằng năm; dự thảo quy hoạch, kế hoạch, chương trình, dự án, đề án của cơ quan nhà nước cùng cấp có liên quan trực tiếp đến quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của Nhân dân, hội viên, đoàn viên của các tổ chức thành viên, quyền và trách nhiệm của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; Kiến nghị của tổ chức thành viên của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; Đề nghị của cơ quan nhà nước cùng cấp có dự thảo văn bản... Ủy ban Mặt trận Tổ quốc cấp tổ chức phản biện xã hội dự kiến nội dung phản biện xã hội.

Bước 2: Định kỳ quý 4 hằng năm, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp chủ trì phản biện xã hội tổ chức hiệp thương với các tổ chức chính trị - xã hội cùng cấp lựa chọn nội dung phản biện xã hội phù hợp với điều kiện tình hình thực tế tại địa phương. Lưu ý lựa chọn những vấn đề lớn mà cử tri và nhân dân quan tâm, bức xúc, những vấn đề liên quan đến quyền và trách nhiệm của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam để xây dựng dự thảo Kế hoạch phản biện xã hội.

Bước 3: Sau khi hiệp thương, thống nhất với các tổ chức chính trị - xã hội, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp chủ trì phản biện xã hội hoàn thiện dự thảo kế hoạch và gửi dự thảo Kế hoạch đến các cơ quan có thẩm quyền theo quy trình như sau:

- **Ở trung ương:** Dự thảo Kế hoạch phản biện xã hội của Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam được xây dựng và ban hành cho năm sau được trao đổi, *thống nhất* với Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ về nội dung, lĩnh vực, địa bàn và thời gian thực hiện.

- **Cấp tỉnh:** Dự thảo Kế hoạch phản biện xã hội của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh được xây dựng và ban hành cho năm sau được trao đổi, thống nhất với Đoàn đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cùng cấp về nội dung, lĩnh vực, địa bàn và thời gian thực hiện.

- **Cấp huyện, cấp xã:** Dự thảo Kế hoạch phản biện xã hội của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp huyện, cấp xã được xây dựng và ban hành cho năm sau được trao đổi, thống nhất giữa với Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cùng cấp về nội dung, lĩnh vực, địa bàn và thời gian thực hiện.

* **Lưu ý:** Thực hiện Chỉ thị số 18 ngày 26/10/2022 của Ban Bí thư về phát huy vai trò, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác giám sát, phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội, sau khi thống nhất với các cơ quan nhà nước cùng cấp về nội dung dự thảo Kế hoạch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp ở cơ sở gửi Ban Thường vụ cấp ủy cùng cấp cho ý kiến trước khi ban hành Kế hoạch.

Câu 2. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp căn cứ vào đâu để lựa chọn nội dung phản biện xã hội.

Trả lời:

Đối tượng phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam là dự thảo văn bản của cơ quan nhà nước cùng cấp có liên quan trực tiếp đến quyền và lợi ích hợp pháp chính đáng của Nhân dân, quyền và trách nhiệm của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam. Do vậy, việc xác định nội dung phản biện xã hội hằng năm của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam là rất quan trọng quyết định đến chất lượng, hiệu quả của hoạt động phản biện. Theo khoản 2 Điều 2 Nghị quyết liên tịch số 403, để lựa chọn nội dung phản biện xã hội phù hợp, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp dựa vào các căn cứ sau:

1. Chương trình phối hợp và thống nhất hành động hằng năm của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp;

2. Chương trình, kế hoạch xây dựng văn bản quy phạm pháp luật hằng năm; dự thảo quy hoạch, kế hoạch, chương trình, dự án, đề án của cơ quan nhà nước cùng cấp có liên quan trực tiếp đến quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của Nhân dân, hội viên, đoàn viên của các tổ chức thành viên, quyền và trách nhiệm của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;

3. Kiến nghị của tổ chức thành viên của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;

4. Đề nghị của cơ quan nhà nước cùng cấp có dự thảo văn bản.

Câu 3: Để thực hiện hoạt động phản biện xã hội Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cần ban hành mấy Kế hoạch?

Trả lời:

Để tổ chức thực hiện hoạt động phản biện xã hội, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cần xây dựng Kế hoạch như sau:

- *Thứ nhất*, ban hành Kế hoạch giám sát, phản biện xã hội hằng năm (theo quy định tại Điều 3, Nghị quyết liên tịch số 403). Đồng thời, tùy tình hình thực tế tại địa phương, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cũng có thể ban hành Kế hoạch phản biện xã hội riêng cho từng hoạt động phản biện xã hội. Kế hoạch hằng năm phải xác định rõ số lượng các cuộc phản biện xã hội, nội dung phản biện xã hội, hình thức, dự kiến thời gian, chủ thể tiến hành, đối tượng được phản biện xã hội.

- *Thứ hai*, Sau khi Kế hoạch phản biện xã hội hằng năm được ban hành, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tổ chức phản biện xây dựng Kế hoạch phản biện xã hội cụ thể cho từng nội dung cần phản biện xã hội. Kế hoạch tổ chức phản biện xã hội của Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam hoặc lãnh đạo các tổ chức chính trị - xã hội cấp tổ chức hội nghị phản biện xã hội. Nội dung kế hoạch phản biện xã hội nêu rõ mục đích yêu cầu, đối tượng phản biện, thành phần tham dự, thời gian, địa điểm tổ chức hội nghị; phân công trách nhiệm và các điều kiện bảo đảm. Trước khi tổ chức hội nghị phản biện xã hội hoặc tổ chức hội nghị đối thoại, hoặc gửi dự thảo văn bản được phản biện xã hội đến cơ quan, tổ chức liên quan và cá nhân là (thành viên Hội đồng tư vấn (đối với cấp tỉnh), Ban tư vấn (đối với cấp huyện), Tổ tư vấn (đối với cấp xã); các chuyên gia, công tác viên để lấy ý kiến phản biện xã hội.

Câu 4: Sau khi Kế hoạch giám sát, phản biện xã hội hằng được ban hành thì Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp có được triển khai giám sát, phản biện ngoài kế hoạch không?

Trả lời:

Sau khi Kế hoạch giám sát, phản biện xã hội hằng năm được ban hành theo trình tự, thủ tục quy định tại khoản 3, Điều 3 Nghị quyết liên tịch số 403; căn cứ vào tình hình thực tiễn nếu xét thấy cần thiết thì Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam vẫn hoàn toàn có thể điều chỉnh, bổ sung về nội dung, lĩnh vực, thời gian thực hiện phản biện hằng năm.

Câu 5: Phân biệt phản biện khoa học và phản biện xã hội, hai hoạt động này có gì giống và khác nhau?

Trả lời:

Giống nhau:

- Đều có thể tổ chức các hình thức như hình thức phản biện xã hội, đó là: tổ chức hội nghị phản biện xã hội; gửi dự thảo văn bản được phản biện đến các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan để lấy ý kiến phản biện xã hội; tổ chức đối thoại trực tiếp giữa Mặt trận Tổ quốc Việt Nam với cơ quan, tổ chức có dự thảo văn bản được phản biện xã hội.

- Đều hướng tới khách quan, hiệu quả, khả thi.

- Những hoạt động này đều được tiến hành công khai, minh bạch; chủ thể phản biện khoa học hay phản biện xã hội đều đưa ra ý kiến đồng tình hay không đồng tình với vấn đề đưa ra.

Khác nhau:

- *Về chủ thể*: Chủ thể phản biện xã hội là Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp hoặc các tổ chức chính trị - xã hội. Còn phản biện khoa học được thực hiện bởi các tổ chức khác, chuyên gia, nhà khoa học trong lĩnh vực khoa học.

- *Về tính chất và phương pháp*: Phản biện xã hội mang tính xã hội và nhân dân sâu sắc; trước hết là để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của thành viên, hội viên, đi sâu vào ý kiến của người dân, tác động xã hội nếu văn bản được thực hiện; lập luận căn cứ vào thực tiễn. Còn phản biện khoa học về bản chất là đi sâu vào yếu tố khoa học mang tính chuyên sâu, kỹ thuật.

Câu 6: Phân biệt sự giống và khác nhau giữa hoạt động phản biện xã hội và hoạt động tham gia góp ý xây dựng chính sách, pháp luật.

Trả lời:

Giống nhau:

- *Về hình thức*: Hoạt động phản biện xã hội và góp ý đều sử dụng hai hình thức: tổ chức hội nghị phản biện xã hội và gửi dự thảo văn bản được góp ý hoặc phản biện đến các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan để lấy ý kiến phản biện xã hội.

- *Về đối tượng*: Đối tượng của phản biện xã hội và góp ý đều là dự thảo văn bản của cơ quan nhà nước cùng cấp có liên quan trực tiếp đến quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của nhân dân, quyền và trách nhiệm của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

- *Về mục đích*: Đều góp phần bảo đảm tính đúng đắn, phù hợp với thực tiễn đời sống xã hội và tính hiệu quả của văn bản; bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của nhân dân; phát huy dân chủ; tăng cường đồng thuận xã hội.

- *Về tính chất*: Đều giống nhau ở tính xã hội, khách quan, khoa học, xây dựng.

- *Về nguyên tắc*: Đều bảo đảm nguyên tắc dân chủ, công khai, minh bạch, bảo đảm sự tham gia của thành viên, hội viên, đoàn viên và nhân dân; tôn trọng các ý kiến khác nhau nhưng không trái với quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của nhân dân, lợi ích quốc gia, dân tộc.

- *Về thành phần tham dự hội nghị*: Tùy tình hình, điều kiện và tính chất, mức độ, phạm vi, nội dung của dự thảo văn bản góp ý hay phản biện xã hội có thể mời: tương ứng với từng cấp có đại diện Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; Đoàn Chủ tịch; Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; đại diện lãnh đạo các tổ chức chính trị - xã hội; đại diện cơ quan, tổ chức có dự thảo văn bản được góp ý, phản biện xã hội; đại diện lãnh đạo các cơ quan, tổ chức có liên quan;

thành viên các hội đồng tư vấn, các tổ chức tư vấn của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp, các chuyên gia, nhà khoa học thuộc lĩnh vực hoạt động có liên quan đến nội dung dự thảo văn bản cần góp ý, phản biện xã hội.

- *Về kết quả:* Đều có văn bản kiến nghị của Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam hoặc của các tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức thành viên.

Khác nhau:

- *Về hình thức:* Ngoài sử dụng hình thức hội nghị như hoạt động góp ý, hoạt động phản biện xã hội còn sử dụng hình thức tổ chức hội nghị đối thoại trực tiếp giữa Mặt trận Tổ quốc Việt Nam với cơ quan, tổ chức có dự thảo văn bản được phản biện xã hội.

- *Về thành phần hội nghị:*

+ *Hội nghị phản biện xã hội gồm:* Đại diện cơ quan chủ trì phản biện xã hội: Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; đại diện lãnh đạo các tổ chức chính trị - xã hội cấp tổ chức phản biện; các chuyên gia, nhà khoa học, người có kinh nghiệm hoạt động thực tiễn, am hiểu lĩnh vực phản biện do Mặt trận Tổ quốc Việt Nam mời tham gia phản biện xã hội; đại diện cơ quan tổ chức chủ trì soạn thảo văn bản được phản biện xã hội; và tùy tính chất, mức độ quan trọng cơ quan chủ trì phản biện xã hội đại diện của cơ quan có thẩm quyền ban hành văn bản được phản biện xã hội tham dự.

+ *Hội nghị góp ý gồm:* Có thể mời đủ hoặc không bắt buộc có đủ thành phần như hội nghị phản biện xã hội; ở những trường hợp cụ thể, căn cứ tính chất, mức độ dự thảo văn bản, có thể Ban Thường trực, lãnh đạo các tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức thành viên có văn bản kiến nghị góp ý. Tại hội nghị này không nhất thiết phải mời cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản.

- *Về nội dung hội nghị:*

+ *Nội dung phản biện xã hội:* Tại hội nghị phản biện, các đại biểu tham dự hội nghị tập trung phản biện xã hội những vấn đề mà cơ quan chủ trì phản biện thấy chưa phù hợp, còn có nhiều ý kiến khác nhau. Tại hội nghị phản biện xã hội, các ý kiến tham gia không chỉ đơn thuần là ý kiến một chiều, mà có thể có sự trao đổi, thảo luận đi đến cùng một vấn đề; tại hội nghị này, có thể phạm vi giới hạn chỉ cần một nội dung để phản biện xã hội, nội dung đó liên quan mật thiết đến đời sống nhân dân, được dư luận xã hội quan tâm.

+ *Nội dung góp ý:* Tại hội nghị góp ý, các đại biểu tham dự hội nghị có thể góp ý toàn diện văn bản từ nội dung đến kỹ thuật văn bản, câu chữ, từ ngữ, không giới hạn phạm vi góp ý.

- *Về trình tự, thủ tục:*

+ *Về hoạt động phản biện xã hội:* Được thực hiện theo các quy định của Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam năm 2015 và Điều 15, Nghị quyết liên tịch số 403/2017/NQLT-UBTVQH14-CP-ĐCTUBTWMTTQVN ngày 15-6-2017.

+ *Về hoạt động góp ý:* Được thực hiện theo các quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

Câu 7: Việc lựa chọn nội dung phản biện xã hội như thế nào cho phù hợp với tình hình thực tế ở địa phương và khả năng, điều kiện của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội?

Trả lời:

Căn cứ yêu cầu, mức độ quan trọng, tầm ảnh hưởng của dự thảo văn bản được phản biện xã hội, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, lãnh đạo tổ chức chính trị - xã hội cấp chủ trì phản biện xã hội lựa chọn nội dung phản biện xã hội phù hợp. Muốn lựa chọn nội dung phản biện xã hội phù hợp, Mặt trận các cấp cần xác định rõ đối tượng phản biện xã hội theo quy định tại Khoản 1, Điều 33, *Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam năm 2015* và căn cứ theo Khoản 2, Điều 2 Nghị quyết liên tịch số 403 quy định chi tiết về hình thức giám sát, phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, đồng thời, bám sát đề nghị của cấp ủy đảng, chính quyền để chủ động lựa chọn nội dung phản biện xã hội phù hợp. Thông thường nội dung phản biện xã hội là những vấn đề có tính chất cấp thiết, tác động trực tiếp đến đời sống của Nhân dân địa phương; quyền trách nhiệm của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

- Cấp tỉnh: Phản biện xã hội đối với dự thảo do cơ quan, tổ chức cấp tỉnh chủ trì xây dựng gồm: các đề án, kế hoạch liên quan đến các công trình kinh tế, văn hóa, xã hội; các dự án giao thông, đô thị, di dân tái định cư... có tác động, ảnh hưởng rộng lớn, đông đảo đến đời sống nhân dân địa phương, được nhân dân trong tỉnh quan tâm.

- Cấp huyện: Phản biện xã hội đối với các dự thảo văn bản liên quan đến xây dựng nông thôn mới, quy hoạch thị trấn, thị tứ, kế hoạch phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, chương trình, dự án, đề án của các cơ quan nhà nước cấp huyện.

- Cấp xã: Phản biện xã hội đối với các dự thảo văn bản liên quan đến nước sạch, vệ sinh môi trường trên địa bàn, giao thông nông thôn, quy hoạch xây dựng chợ, kế hoạch phát triển kinh tế, văn hóa - xã hội, chương trình, dự án, đề án trên địa bàn xã, phường, thị trấn.

Câu hỏi 8: Mặt trận Tổ quốc Việt Nam có tổ chức phản biện xã hội đối với dự thảo văn bản của cơ quan nhà nước cấp trên hay không?

Trả lời:

Căn cứ Khoản 1, Điều 33, *Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam năm 2015* thì “*Đối tượng phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam là dự thảo văn bản của cơ quan nhà nước cùng cấp có liên quan trực tiếp đến quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của nhân dân, quyền và trách nhiệm của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam*”. Như vậy, có thể khẳng định về nguyên tắc thì dự thảo văn bản của cơ quan nhà nước cấp nào thì do Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội cấp đó tổ chức phản biện xã hội. Vì vậy, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam không tổ chức phản biện xã hội đối với dự thảo văn bản của cơ quan nhà nước cấp trên.

Ví dụ: Dự thảo đề án giải phóng mặt bằng do của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt, thì thẩm quyền chủ trì tổ chức phản biện xã hội là Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh đó.

Câu 9. Khi tổ chức thực hiện phản biện xã hội cần lưu ý những nội dung gì?

Trả lời:

1. Để góp ý, phản biện xã hội và truyền thông các dự thảo chính sách có hiệu quả, trọng tâm, trọng điểm thì các báo cáo viên, tuyên truyền viên, người hoạt động trong lĩnh vực tham mưu tổng hợp ý kiến góp ý, phản biện xã hội phải có năng lực tuy duy, đánh giá và nắm chắc các quy định của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về lĩnh vực góp ý, phản biện xã hội.

Trong quá trình tổ chức góp ý, phản biện xã hội, nếu xét thấy cần thiết có thể tổ chức đi khảo sát, đánh giá tình hình thực tế tại cơ sở; tổ chức lấy ý kiến người dân, doanh nghiệp trực tiếp chịu sự tác động.

2. Chuẩn bị các điều kiện cần thiết về cơ sở lý luận, cơ sở pháp lý và cơ sở thực tiễn. Đối với những nội dung còn nhiều ý kiến khác nhau, cần tiến hành khảo sát, điều tra xã hội học, huy động và phân công trách nhiệm nghiên cứu, chuẩn bị nội dung và ý kiến đánh giá, đề xuất kiến nghị cụ thể cho các chuyên gia, nhà khoa học, nhà hoạt động thực tiễn. Trong quá trình tổ chức góp ý, phản biện xã hội, khi cần thiết có thể tổ chức đi khảo sát, đánh giá tình hình thực tế tại cơ sở; tổ chức hỏi ý kiến người dân, doanh nghiệp trực tiếp chịu sự tác động.

3. Việc tập hợp, tổng hợp kiến nghị góp ý phản biện xã hội phải khoa học, khách quan, trung thực, đầy đủ, có sự chặt chẽ bảo đảm đầy đủ căn cứ pháp lý, khoa học và thực tiễn, đồng thời đưa ra các giải pháp có tính khả thi.

4. Phân công cán bộ có trách nhiệm, trình độ, năng lực làm công tác góp ý phản biện xã hội, thường xuyên theo dõi, đôn đốc việc tiếp thu, trả lời các ý kiến kiến nghị sau phản biện xã hội.

Câu 10: Việc tổ chức hội nghị phản biện xã hội theo hình thức đối thoại trực tiếp giữa Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam với cơ quan, tổ chức có văn bản được phản biện xã hội được thực hiện khi nào?

Trả lời:

Việc tổ chức thực hiện phản biện xã hội theo hình thức nào là do Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp chủ trì hội nghị phản biện quyết định. Tuy nhiên, để phù hợp với tính chất, tầm quan trọng đối với nội dung được phản biện Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam hoặc lãnh đạo tổ chức chính trị - xã hội quyết định lựa chọn hình thức phản biện xã hội phù hợp.

Đối thoại trực tiếp trong các trường hợp sau:

- Khi xét thấy mức độ quan trọng của nội dung cần phản biện xã hội.
- Dự thảo văn bản có phạm vi ảnh hưởng rộng đến quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của các tầng lớp nhân dân.
- Khi Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, lãnh đạo tổ chức chính trị - xã hội đã tổ chức hội nghị phản biện và gửi văn bản phản biện đến cơ quan chủ trì soạn thảo nhưng không được tiếp thu hoặc nội dung phản biện còn có nhiều ý kiến khác nhau.
- Do cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản đề nghị tổ chức.

Câu hỏi 10: Tại hội nghị phản biện xã hội có nhiều ý khác nhau, trái chiều thì tổng hợp ý kiến như thế nào?

Trả lời:

Trong quá trình thực hiện phản biện xã hội sẽ phát sinh những ý kiến khác nhau, thậm chí là trái chiều, không đồng nhất về quan điểm. Tuy nhiên, các ý kiến dù có xung đột nhưng đều phải được tôn trọng, phải được có cơ hội trình bày và trao đổi thẳng thắn, dân chủ. Để bảo đảm tính đúng đắn, trước khi tiến hành thảo luận, chủ trì hội nghị phải định hướng nội dung các tham luận và phát biểu, yêu cầu các ý kiến phản biện xã hội đưa ra không được trái với quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của nhân dân, lợi ích quốc gia, dân tộc. Khi có các ý kiến trái chiều, chủ trì hội nghị yêu cầu các bên cung cấp thêm thông tin và giải trình làm rõ những vấn đề có liên quan để bảo vệ quan điểm của mình. Chủ trì hội nghị sẽ kết luận trên cơ sở những ý kiến khách quan, khoa học; bảo vệ tối đa quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của nhân dân, đoàn viên, hội viên.

Câu hỏi 11: Khi Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tổ chức hội nghị đối thoại phản biện xã hội có nhất thiết phải có sự tham gia của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền ban hành văn bản không?

Trả lời:

Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam năm 2015, Nghị quyết liên tịch số 403, quy định chi tiết về các hình thức giám sát, phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam không quy định đại diện cơ quan, tổ chức có thẩm quyền ban hành văn bản là thành phần cứng, nhất thiết phải có mặt trong hội nghị đối thoại. Mục đích tại hội nghị đối thoại là cơ quan, tổ chức có thẩm quyền ban hành được lắng nghe ý kiến nhiều chiều để có cơ sở thuyết phục trước khi ký ban hành văn bản. Vì vậy, việc có hay không có sự tham dự của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền ban hành văn bản được phản biện là không bắt buộc. Tuy nhiên, đại diện cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản phải có mặt để đưa ra ý kiến của mình.

Ví dụ: Phản biện xã hội đối với dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định về hỗ trợ xây dựng nông thôn mới phải có sự tham gia của đại diện Ủy ban nhân dân tỉnh, không nhất thiết phải có sự tham gia của đại diện Hội đồng nhân dân tỉnh.

Phản biện đề án của Ủy ban nhân dân tỉnh về xây dựng nông nghiệp công nghệ

cao thì đại diện lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phải có mặt, không nhất thiết phải có đại diện Ủy ban nhân dân tỉnh.

Câu hỏi 11: Cần phải làm gì khi cơ quan, tổ chức chủ trì dự thảo văn bản được phản biện xã hội không tiếp thu và không phản hồi ý kiến phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam?

Trả lời:

Tùy từng tính chất, nội dung, mức độ quan trọng của dự thảo văn bản được phản biện mà Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam hoặc lãnh đạo các tổ chức chính trị - xã hội chủ trì phản biện xã hội lựa chọn cách thức phù hợp.

Trước hết, cần có trao đổi, đôn đốc để các cơ quan, tổ chức chủ trì soạn thảo văn bản được phản biện trả lời theo đúng quy định của pháp luật. Nếu các cơ quan, tổ chức này vẫn không thực hiện thì có thể:

- Gửi văn bản phản biện xã hội đến cơ quan, tổ chức có thẩm quyền ban hành văn bản.

- Trong hồ sơ trình của cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản phải có văn bản phản biện của Mặt trận Tổ quốc để cơ quan có thẩm quyền cân nhắc, xem xét, quyết định.

- Trao đổi, cung cấp nội dung được phản biện xã hội đến cơ quan báo chí, truyền thông theo quy định của pháp luật.

Câu hỏi 12: Khó khăn trong công tác giám sát, phản biện xã hội hiện nay là gì?

Trả lời:

Khi thực hiện công tác giám sát và phản biện xã hội, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc các cấp và các tổ chức chính trị - xã hội gặp nhiều khó khăn như:

- Giám sát của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội là giám sát không chế tài, do đó, sự ràng buộc trách nhiệm thực hiện kiến nghị sau giám sát, sau phản biện xã hội của các cơ quan, tổ chức, cá nhân được giám sát; trách nhiệm của cơ quan, tổ chức có văn bản được phản biện xã hội chưa cao.

- Nhận thức về vai trò, vị trí của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội nói chung và về chức năng, nhiệm vụ giám sát, phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội nói riêng còn chưa đúng mức, chưa đầy đủ, chỉ được coi như là một chủ thể đóng vai trò “tham gia”, “hưởng ứng” trong các hoạt động của Đảng, Nhà nước mà chưa thực sự với vai trò là chủ thể, nói lên tiếng nói đại diện cho nhân dân, tham gia giám sát, phản biện đối với việc xây dựng, thực thi chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

- Tổ chức bộ máy và đội ngũ nhân sự cũng như các điều kiện khác để bảo đảm cho hoạt động giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội còn rất hạn chế. Công tác giám sát, phản biện xã hội, tham gia góp ý xây dựng Đảng, chính quyền đòi hỏi trình độ chính trị, chuyên môn, kinh nghiệm thực tiễn ngày càng cao nhưng số lượng và chất lượng của lực lượng cán bộ làm công

tác Mặt trận và các tổ chức chính trị - xã hội còn chưa tương xứng, chưa có kinh nghiệm giám sát, phản biện xã hội. Các điều kiện về kinh phí, cơ sở vật chất của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội các cấp phục vụ cho các hoạt động giám sát và phản biện xã hội còn thiếu; hoạt động của Ban thanh tra nhân dân, Ban giám sát đầu tư của cộng đồng của nhiều địa phương gặp khó khăn do ngân sách xã không cân đối được.

- Một số nội dung chưa được quy định cụ thể. Nhiệm vụ lớn, việc nhiều, yêu cầu ngày càng cao nhưng bộ máy, con người bất cập, chưa đáp ứng kịp.

Câu hỏi 13: Có bao nhiêu hình thức phản biện xã hội? trong quá trình triển khai thực hiện hoạt động phản biện xã hội Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp có nhất thiết phải tổ chức đầy đủ các hình thức phản biện xã hội không?

Trả lời:

Theo quy định tại Điều 34 luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam quy định có 03 hình thức phản biện xã hội:

1. Tổ chức hội nghị phản biện xã hội.
2. Gửi dự thảo văn bản được phản biện đến các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan để lấy ý kiến phản biện xã hội.
3. Tổ chức đối thoại trực tiếp giữa Mặt trận Tổ quốc Việt Nam với cơ quan, tổ chức có dự thảo văn bản được phản biện xã hội.

Do đó, tùy tình hình thực tế tại địa phương xét thấy mức độ, tầm quan trọng của nội dung, phạm vi ảnh hưởng của dự thảo cần phản biện xã hội thì Ủy ban mặt trận Tổ quốc Việt Nam, lãnh đạo các tổ chức chính trị - xã hội quyết định lựa chọn hình thức phản biện xã hội phù hợp, hiệu quả không nhất thiết trong năm phải thực hiện đầy đủ các.

Câu 14. Vai trò lãnh đạo, sự phối hợp của cấp ủy, chính quyền với Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp trong công tác giám sát, phản biện xã hội như thế nào?

Trả lời:

1. Đối với cấp ủy:

Cấp ủy là thành viên lãnh đạo Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp. Sự quan tâm, lãnh đạo của cấp ủy quyết định đến hiệu quả hoạt động giám sát, phản biện xã hội. Việc quan tâm phải thể hiện bằng việc cụ thể:

- Bố trí cán bộ có năng lực, trình độ, phẩm chất đạo đức, bản lĩnh chính trị cho Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội để có đủ khả năng thực hiện công tác giám sát, phản biện xã hội.

- Định kỳ nghe và góp ý kiến vào báo cáo kết quả giám sát, chỉ đạo Ủy ban nhân dân, các cơ quan thực hiện các kiến nghị của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội sau giám sát, phản biện xã hội.

- Thực sự cầu thị, lắng nghe, có cơ chế tiếp thu ý kiến của Mặt trận Tổ quốc; quy định về tiếp xúc, đối thoại với nhân dân của người đứng đầu cấp ủy, chính quyền các

cấp; chủ động đề nghị Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội phản biện xã hội đối với các dự thảo nghị quyết quan trọng của cấp ủy.


2. Đối với chính quyền:

- Có chương trình phối hợp cụ thể hàng năm với Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội cùng cấp.

- Tạo điều kiện để Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội thực hiện chức năng giám sát, phản biện xã hội của mình.

- Hướng dẫn và sử dụng kinh phí, bảo đảm các điều kiện vật chất cho hoạt động giám sát, phản biện xã hội.

- Tiếp thu, trả lời kịp thời những kiến nghị của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội.



Phần III
CÁC BIỂU MẪU VỀ GIÁM SÁT
VÀ PHẢN BIỆN XÃ HỘI

ỦY BAN
MẶT TRẬN TỔ QUỐC
.....⁽¹⁾
Số:.....KH-MTTQ-BTT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm.....

KẾ HOẠCH
Giám sát, phản biện xã hội
của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.....⁽¹⁾
năm.....

Căn cứ....., Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam⁽¹⁾ ban hành kế hoạch tổ chức các hoạt động giám sát, phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam⁽¹⁾ năm..... như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích:.....
2. Yêu cầu:.....

II. NỘI DUNG VỀ GIÁM SÁT

1. Chương trình giám sát do Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.....⁽¹⁾ chủ trì thực hiện

- 1.1.....
- 1.2.....

2. Chương trình giám sát do các tổ chức chính trị - xã hội chủ trì thực hiện, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.....⁽¹⁾ tham gia phối hợp

- 2.1.....
- 2.2.....

3. Tổ chức thực hiện

3.1. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.....⁽¹⁾

- Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.....⁽¹⁾

- Các ban, đơn vị thuộc cơ quan Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.....⁽¹⁾

3.2. Các tổ chức thành viên.....

3.3. Chế độ thông tin báo cáo:.....

III. NỘI DUNG VỀ PHẢN BIỆN XÃ HỘI

1. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.....⁽¹⁾ tổ chức việc phản biện xã hội đối với các dự án, dự thảo sau đây⁽²⁾:

- a.
- b.
- c.

2. Các tổ chức chính trị - xã hội theo đề nghị của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc.....⁽¹⁾ tổ chức việc phản biện xã hội đối với các dự án, dự thảo sau đây⁽²⁾:

- 2.1.....
- 2.2.....
- 2.3.....

Trường hợp cần thiết, từ yêu cầu thực tiễn và đề nghị của các cơ quan, tổ chức ở.....⁽³⁾, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.....⁽¹⁾ tổ chức phản biện xã hội đối với các dự thảo văn bản pháp luật, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, dự án, đề án theo quyền và trách nhiệm của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

3. Tổ chức thực hiện

3.1. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.....⁽¹⁾

- Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.....⁽¹⁾

- Các ban, đơn vị thuộc cơ quan Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.....⁽¹⁾

3.2. Các tổ chức thành viên.....

3.3. Chế độ thông tin báo cáo:.....

Nơi nhận:

-.....

-.....

TM. BAN THƯỜNG TRỰC
CHỦ TỊCH/PHÓ CHỦ TỊCH
(Ký tên, đóng dấu)
(Ghi rõ họ và tên, chức vụ)

Ghi chú:

(1) Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tổ chức giám sát; số, ký hiệu.

(2) Các dự thảo văn bản phản biện xã hội.

(3) Cơ quan, tổ chức cùng cấp.

(*) Kế hoạch giám sát, phản biện xã hội của Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam được xây dựng và ban hành cho năm sau trên cơ sở trao đổi, thống nhất với Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ; kế hoạch giám sát, phản biện xã hội của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh được xây dựng và ban hành cho năm sau trên cơ sở trao đổi, thống nhất với Đoàn đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cùng cấp; kế hoạch giám sát, phản biện xã hội của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp huyện, cấp xã được xây dựng và ban hành cho năm sau trên cơ sở trao đổi, thống nhất với Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cùng cấp về nội dung, lĩnh vực, địa bàn và thời gian thực hiện.

KIẾN NGHỊ
Của⁽¹⁾ về⁽²⁾

Ngày.... tháng.... năm...., Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.....⁽¹⁾ đã tiến hành giám sát.....⁽²⁾ tại.....⁽³⁾. Căn cứ kết quả giám sát, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam....⁽¹⁾ có một số kiến nghị cụ thể như sau:

I. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Kết quả đạt được:.....
2. Khó khăn, hạn chế:.....
3. Nguyên nhân:.....

II. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

1. Đối với cơ quan, tổ chức được giám sát:.....
2. Đối với cơ quan, tổ chức cấp trên:.....
3. Đối với cơ quan, tổ chức có liên quan (nếu có):.....

Nơi nhận:

.....
.....

TM. BAN THƯỜNG TRỰC
CHỦ TỊCH/PHÓ CHỦ TỊCH
(Ký tên, đóng dấu)
(Ghi rõ họ và tên, chức vụ)

Ghi chú:

- (1) Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tổ chức giám sát; số, ký hiệu.
 - (2) Nội dung giám sát.
 - (3) Cơ quan, tổ chức được giám sát.
- (*) Kiến nghị sau giám sát phải được thông báo, lấy ý kiến các thành viên của đoàn giám sát trước khi ban hành.

**ỦY BAN
MẶT TRẬN TỔ QUỐC**
.....⁽¹⁾
Số:...../MTTQ-BTT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.....tháng.....năm.....

KẾ HOẠCH
Tổ chức đoàn giám sát.....⁽²⁾

Căn cứ....., Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.....⁽¹⁾
ban hành kế hoạch triển khai đoàn giám sát.....⁽²⁾ tại.....⁽³⁾ như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích:.....
2. Yêu cầu:.....

II. NỘI DUNG

1. Đối tượng, nội dung, phạm vi giám sát:.....⁽⁴⁾
2. Thành phần đoàn giám sát:
3. Thời gian, địa điểm giám sát:

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phân công thực hiện:.....
2. Chế độ thông tin báo cáo:.....
3. Các điều kiện đảm bảo:.....

Nơi nhận:

.....
.....

TM. BAN THƯỜNG TRỰC
CHỦ TỊCH/PHÓ CHỦ TỊCH

(Ký tên, đóng dấu)

(Ghi rõ họ và tên, chức vụ)

Ghi chú:

- (1) Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tổ chức giám sát; số, ký hiệu.
 - (2) Nội dung giám sát.
 - (3) Cơ quan, tổ chức được giám sát.
 - (4) Nội dung chi tiết kèm theo đề cương báo cáo giám sát.
- (*) Kế hoạch giám sát phải được thông báo, lấy ý kiến các thành viên của đoàn giám sát trước khi ban hành.

CHƯƠNG TRÌNH LÀM VIỆC
Đoàn giám sát⁽¹⁾ tại.....⁽²⁾
(....., giờ..... ngàythángnăm)

THỜI GIAN	NỘI DUNG	THỰC HIỆN
Từ...giờ đến...giờ	Làm việc với..... ⁽²⁾	Đoàn giám sát, ⁽²⁾
	Tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu ⁽²⁾
	Thông báo kế hoạch, quyết định thành lập đoàn giám sát	Đ/c....., Phó trưởng đoàn giám sát
	Định hướng nội dung giám sát (mục đích, yêu cầu, nội dung, phương thức giám sát)	Đ/c....., Trưởng đoàn giám sát
	Báo cáo về ⁽¹⁾	Người đứng đầu hoặc cấp phó của người đứng đầu..... ⁽²⁾
	Trao đổi, thảo luận và có thể yêu cầu..... ⁽²⁾ giải trình, cung cấp thêm thông tin, tài liệu có liên quan để làm rõ nội dung giám sát	Thành viên đoàn giám sát
	Báo cáo bổ sung, giải trình làm rõ ý kiến của các thành viên đoàn giám sát, nêu kiến nghị với đoàn giám sát (nếu có)	Đại diện ⁽²⁾
	Kết luận buổi làm việc	Đ/c....., Trưởng đoàn giám sát
Từ...giờ đến...giờ	Khảo sát, giám sát thực tế tại cơ quan, tổ chức có liên quan (nếu thấy cần thiết)	Đoàn giám sát, ⁽²⁾

Ghi chú:

(1) Nội dung giám sát.

(2) Cơ quan, tổ chức được giám sát.

(*) Chương trình được gửi kèm với kế hoạch tổ chức đoàn giám sát cho cơ quan, tổ chức được giám sát.

ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO GIÁM SÁT

(Kèm theo Kế hoạch số⁽¹⁾ của Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.....⁽²⁾)

Thực hiện Kế hoạch số.....⁽¹⁾ của Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam⁽²⁾ về việc.....⁽³⁾⁽⁴⁾ báo cáo Đoàn giám sát như sau:

I. TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN

1. Ưu điểm:.....
2. Khó khăn, hạn chế:
3. Nguyên nhân:

III. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

1. Đối với cơ quan, tổ chức cấp trên:
2. Đối với cơ quan, tổ chức có liên quan (nếu có):
3. Đối với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.....⁽²⁾: ...

Nơi nhận:

.....
.....

TM.....⁽⁴⁾
(Ký tên, đóng dấu)
(Ghi rõ họ và tên, chức vụ)

Ghi chú:

- (1) Số, ký hiệu, ngày, tháng, năm, nội dung kế hoạch giám sát.
- (2) Cấp tổ chức giám sát.
- (3) Nội dung được giám sát.
- (4) Cơ quan, đơn vị được giám sát.

(*) Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp chủ trì giám sát căn cứ mẫu này điều chỉnh cho phù hợp với nội dung giám sát.

**ỦY BAN
MẶT TRẬN TỔ QUỐC**
.....⁽¹⁾
Số:/BC-MTTW-BTT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.....tháng.....năm

BÁO CÁO

Kết quả giám sát về.....⁽²⁾

Thực hiện Kế hoạch số.....⁽³⁾, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.....⁽¹⁾ đã tiến hành giám sát.....⁽²⁾ tại.....⁽⁴⁾. Trên cơ sở kết quả làm việc, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.....⁽¹⁾ báo cáo kết quả giám sát như sau:

I. TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN

1. Ưu điểm:.....
2. Khó khăn, hạn chế:.....
3. Nguyên nhân:.....

III. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

1. Đối với cơ quan, tổ chức được giám sát:.....
2. Đối với cơ quan, tổ chức cấp trên:.....
3. Đối với cơ quan, tổ chức có liên quan (nếu có):.....
4. Đối với Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam:.....

Nơi nhận:

-.....
-.....

**TM. BAN THƯỜNG TRỰC
CHỦ TỊCH/PHÓ CHỦ TỊCH**
(Ký tên, đóng dấu)
(Ghi rõ họ và tên, chức vụ)

Ghi chú:

- (1) Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tổ chức giám sát; số, ký hiệu.
- (2) Nội dung giám sát.
- (3) Số, ký hiệu, ngày, tháng, năm, nội dung kế hoạch giám sát.
- (4) Cơ quan, tổ chức được giám sát.

ỦY BAN
MẶT TRẬN TỔ QUỐC

.....⁽¹⁾

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

.....,ngày.....tháng.....năm

KẾ HOẠCH Tổ chức Hội nghị phản biện đối với.....⁽²⁾

Căn cứ....., Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc.....⁽¹⁾ ban hành kế hoạch tổ chức Hội nghị phản biện xã hội đối với.....⁽²⁾ như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích:.....
2. Yêu cầu:.....

II. NỘI DUNG

1. Thành phần tham dự Hội nghị
 - Chủ trì:⁽³⁾
 - Tham dự:⁽³⁾
2. Thời gian, địa điểm:.....

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

3. Phân công thực hiện:.....
4. Điều kiện bảo đảm:.....

Nơi nhận:

-.....
-.....

TM. BAN THƯỜNG TRỰC
CHỦ TỊCH/PHÓ CHỦ TỊCH

(Ký tên, đóng dấu)

(Ghi rõ họ và tên, chức vụ)

Ghi chú:

(1) Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tổ chức phản biện xã hội.

(2) Nội dung phản biện.

(3) Thành phần theo quy định tại Nghị quyết liên tịch số 403/2017/NQLT-UBTVQH14-CP-

ĐCTUBTWMTTQVN, ngày 15-6-2017 Quy định chi tiết các hình thức giám sát, phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

CHƯƠNG TRÌNH
HỘI NGHỊ PHẢN BIỆN XÃ HỘI ĐỐI VỚI DỰ THẢO⁽¹⁾
 (....., giờ..... ngày tháng năm)

Thời gian	Nội dung	Người thực hiện
	Tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu ⁽²⁾
	Phát biểu khai mạc ⁽³⁾
	Định hướng một số nội dung phản biện xã hội ⁽²⁾
Từ... giờ đến... giờ	Trình bày tóm tắt nội dung dự thảo văn bản được phản biện xã hội ⁽⁴⁾
	Hội nghị thảo luận	Chủ trì Hội nghị
	Phát biểu của đại diện cơ quan ban hành văn bản	(Nếu có)
	Phát biểu bế mạc Hội nghị ⁽³⁾

Ghi chú:

- (1) Nội dung phản biện xã hội.
- (2) Đại diện cơ quan tổ chức hội nghị phản biện xã hội.
- (3) Đại diện Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam hoặc tổ chức chính trị - xã hội cấp tổ chức hội nghị phản biện xã hội.
- (4) Đại diện lãnh đạo cơ quan, tổ chức chủ trì soạn thảo.

**ỦY BAN
MẶT TRẬN TỔ QUỐC**
.....⁽¹⁾
Số:...../MTTQ-BTT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.....tháng.....năm

Kính gửi.....⁽²⁾

Căn cứ Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam năm 2015, Nghị quyết liên tịch số 403/ 2007/NQLT-UBTVQH14-CP-ĐCTUBTWMTTQVN ngày 15 tháng 6 năm 2017; Căn cứ....⁽³⁾

Ngày....., Ủy ban Mặt trận Tổ quốc....⁽¹⁾ đã tổ chức....⁽⁴⁾ đối với dự thảo.....⁽⁵⁾. Tham dự Hội nghị có:....⁽⁶⁾.

Trên cơ sở các ý kiến tại Hội nghị, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam....⁽¹⁾ có ý kiến đối với dự thảo....⁽⁵⁾ như sau:

I. MỘT SỐ Ý KIẾN CHUNG

II. MỘT SỐ VẤN ĐỀ CỤ THỂ

1. Vấn đề 1:
 - Nội dung kiến nghị:
 - Luận chứng, luận cứ (lý do).
2. Vấn đề 2:
 - Nội dung kiến nghị:
 - Luận chứng, luận cứ (lý do).
3. Vấn đề 3:
 - Nội dung kiến nghị:
 - Luận chứng, luận cứ (lý do).

III. ĐỀ NGHỊ

1. Thời hạn trả lời công văn kiến nghị.
2. Đề nghị khác (nếu có).

Nơi nhận:

.....

**TM. BAN THƯỜNG TRỰC
CHỦ TỊCH/PHÓ CHỦ TỊCH**
(Ký tên, đóng dấu)
(Ghi rõ họ và tên, chức vụ)

Ghi chú:

- (1) Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tổ chức phản biện xã hội; số, ký hiệu.
- (2) Cơ quan, tổ chức chủ trì soạn thảo văn bản.
- (3) Các chương trình, kế hoạch theo yêu cầu thực tế từng địa phương.
- (4) Một trong các hình thức phản biện xã hội theo quy định tại Chương III Nghị quyết liên tịch số 403/2017/NQLT-UBTVQH14-CP-ĐCTUBTWMTTQVN, ngày 15-6-2017.
- (5) Dự thảo văn bản được phản biện xã hội.
- (6) Thành phần đại biểu tham dự, số lượng ý kiến gửi đến Hội nghị, lượt ý kiến phát biểu tại Hội nghị

....., ngày.....tháng..... năm

BÁO CÁO

Kết quả công tác giám sát, phản biện xã hội, tham gia góp ý xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam... năm ...

Thực hiện....., Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc..... báo cáo kết
quả triển khai các hoạt động giám sát, phản biện xã hội năm..... như sau:

I. VỀ CÔNG TÁC GIÁM SÁT

1. Tình hình triển khai

2. Về kết quả triển khai các chương trình giám sát

- Chương trình giám sát 01:.....
- Chương trình giám sát số 02:.....
-

3. Đánh giá kết quả

3.1. Kết quả đạt được

3.2. Một số tồn tại, hạn chế, nguyên nhân

4. Đề xuất, kiến nghị

II. VỀ CÔNG TÁC PHẢN BIỆN XÃ HỘI, THAM GIA GÓP Ý KIẾN XÂY DỰNG ĐẢNG, XÂY DỰNG CHÍNH QUYỀN

1. Về tình hình triển khai

2. Về kết quả đạt được

- Về công tác phản biện xã hội
- Về công tác tham gia góp ý kiến xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền

3. Đánh giá kết quả

3.1. Kết quả đạt được

3.2. Một số tồn tại, hạn chế, nguyên nhân

4. Đề xuất, kiến nghị.

Nơi nhận:

-.....

-.....

TM. BAN THƯỜNG TRỰC
CHỦ TỊCH/PHÓ CHỦ TỊCH
(Ký tên, đóng dấu)
(Ghi rõ họ và tên, chức vụ)

....., ngày..... tháng..... năm.....

BẢNG THÔNG KÊ SỐ LIỆU PHẢN BIỆN XÃ HỘI NĂM....

	CẤP TỈNH			CẤP HUYỆN			CẤP XÃ		
	Số cuộc phản biện xã hội	Văn bản kiến nghị sau phản biện xã hội (Tổng số văn bản)	Văn bản phản hồi của các cơ quan, tổ chức có văn bản được phản biện (Tổng số văn bản)	Số cuộc phản biện xã hội	Văn bản kiến nghị sau phản biện xã hội (tổng số văn bản)	Văn bản phản hồi của các cơ quan, tổ chức có văn bản được phản biện	Số cuộc phản biện xã hội	Văn bản kiến nghị sau phản biện xã hội (tổng số văn bản)	Văn bản phản hồi của các cơ quan, tổ chức có dự thảo văn bản được phản biện (tổng số văn bản)
Tổng cộng									

....., ngày..... tháng..... năm.....

BẢNG THÔNG KÊ SỐ LIỆU GIÁM SÁT NĂM....

	CẤP TỈNH			CẤP HUYỆN			CẤP XÃ		
	Số cuộc giám sát đã thực hiện	Số văn bản kiến nghị sau giám sát (Tổng số văn bản)	Số văn bản phản hồi của cơ quan, tổ chức, cá nhân được giám sát (Tổng số văn bản)	Số cuộc giám sát đã thực hiện	Số văn bản kiến nghị sau giám sát (Tổng số văn bản)	Số văn bản phản hồi của cơ quan, tổ chức, cá nhân được giám sát (Tổng số văn bản)	Số cuộc giám sát đã thực hiện	Số văn bản kiến nghị sau giám sát (Tổng số văn bản)	Số văn bản phản hồi của cơ quan, tổ chức, cá nhân được giám sát (Tổng số văn bản)
TỔNG CỘNG									